

HOÀNG HAI THUY

Bây Giờ Tháng Mấy



BÂY GIỜ THÁNG MẤY
Tác giả: Hoàng Hải Thủy
NXB CHIỀU DƯƠNG 1970

Text: Internet
Ebook: Cùi Bắp

LỜI DẪN

Lúc “MẮT EM ĐẸP TRỜI SAO” là lúc anh nhìn thấy tình yêu trong mắt em. Những đêm trăng mùa thu sáng vàng trời khi chúng ta chung sống năm vợ chồng đầu tiên ở căn nhà đường Mayer. Em còn nhớ những đêm trăng vàng đó không em? Anh chắc em phải nhớ kỹ hơn anh. Và ngày đó anh mới bước chân vào Tình Yêu, anh đúng là một gã con trai lần đầu tiên đặt những bước chân mê đắm đi trên con đường tình ái. Lúc đó, gã con trai ấy tưởng là nó đã đi vững lắm – Gã con trai đó là Anh – nhưng thực ra anh đã đi theo bàn tay yêu đương dẫn dắt của em, anh đã đi theo bước chân em đi trên con đường Tình Ái. Lúc đó, anh mới và hãy còn là một gã con trai, còn em, em đã là một người đàn bà. Một người đàn bà đa tình và yêu thương – Đa tình với anh và yêu thương anh – Khi chúng ta mới gặp nhau, khi chúng ta mới yêu nhau.

Lúc “Mắt em đẹp trời sao” là lúc anh nhìn thấy trời sao trong mắt em. Có người nào trên cõi đời này, nói là “tôi đã yêu, tôi đã được yêu” mà lại ngần ngại trả lời “tôi chưa hề trông thấy trời sao trong mắt người–tôi–yêu–và–người–yêu–tôi”. (Em chú ý : ở đây anh đánh năm bảy cái dấu gạch nối, vì yêu là gần gũi, vì yêu không phải là xa rời, vì khi yêu xa nhau cũng vẫn là gần nhau, vì yêu khi không được yêu lại người yêu chân chính cũng vẫn yêu, vẫn gần người mình yêu. Vươn yêu, vươn gần. Như thường. Bây giờ khi yêu em, anh mới hiểu tại sao ở đời này, có những thằng đàn ông, tư cách hơn chán vạn thằng mà vẫn chịu đựng được, vẫn cứ phây phây chung sống với những con vợ ngoại tình, vẫn yêu những con vợ không yêu chúng nó mà lại yêu những thằng khác, ngủ, sung sướng với thằng khác. Anh hiểu và anh sẽ dần dần nói đến, trở lại trong những trang sau của

cuốn tiểu thuyết tình dài này, của cuốn truyện kể lại lịch sử yêu đương của anh với em. Của anh mí em. Em cứ chịu khó đọc đi. Em sẽ xúc động, em sẽ cảm động và em sẽ cười, em sẽ yêu anh. Cuốn truyện này là cuốn truyện mà anh vẫn nghĩ là có ngày anh sẽ viết nhưng chưa bao giờ anh nghĩ đến chuyện ngày nào anh sẽ viết, và đêm nay anh viết). Bây giờ chúng ta trở lại với câu hỏi trên đây: Có người nào trên cõi đời này, nói là “tôi đã yêu, tôi đã được yêu” mà lại ngẩn ngơ trả lời “tôi chưa hề trông thấy trời sao trong mắt người–tôi–yêu–và–người–yêu–tôi”. Em đừng nghĩ và em đừng sợ rằng anh viết văn lắm cảm rắc rối và không liên lạc. Em ơi, em đừng sợ. Chỉ cần anh viết ra là chuyện hay rồi. Người đọc sẽ hiểu là anh muốn viết gì, muốn nói gì, tại sao anh lại viết thế v.v. .. Bởi vì anh biết người đọc truyện này của anh và em phải là những người yêu đương, đã yêu đã sướng đã khổ. Bọn không yêu đương và không hề được yêu đương bao giờ không phải là người đọc truyện này. – Những người đó không đọc tiểu thuyết – Họ quảng cáo House for Rent, Cáo thị Đấu thầu công khai và khẩn hạ, Bar sang chỗ thị tứ dang đông khách huê lợi nhiều – Họ đọc giá vàng lên xuống, họ đọc tin Tàu đến Tàu đi – Họ đọc những mẩu tin cướp giật, hiếp dâm, úp hụi, ăn chơi quỵt, đàn bà đánh ghen.

Họ không đọc truyện tình yêu. Họ đọc tin người bị quân xa Mỹ cán chết, tin nhà người khác cháy, tin vợ người bỏ đi. Họ vui với những chuyện đau đớn và chết chóc của người khác.

Lại trở lại với câu – Có người nào v.v.. Không thể có người nào nói như thế mà lại trả lời như thế. Bởi vì nếu yêu thì chém chết chúng ta cũng nhìn thấy «trăng sao trong mắt người yêu» dù cho người yêu của chúng ta có mù tịt cả hai con mắt đi chẳng nữa. Vurion nhìn thấy. Không thể không nhìn thấy. Kẻ nào không thấy là chưa yêu. Như anh đã yêu em và đã được em yêu, nên anh đã nhìn thấy «trăng sao trong mắt em», thấy «mắt em đẹp trời sao» – Bao nhiêu lần? Nhiều –

Nhiều lần – Ở đâu? Ở bất cứ đâu – ở tất cả cả, ở mọi chỗ chúng ta yêu nhau và anh thò tay ra ngoài màn bật cây đèn nhỏ lên để chút ánh sáng đủ yếu để không đánh thức các con ta dậy, đủ sáng để anh nhìn rõ mặt em, để anh nhìn mắt em.

«Mắt em đẹp trời sao» rõ nhất – đúng là sao, sao đến nỗi không còn trời sao nào có thể trời sao hơn được nữa – là những đêm trăng sao mà chúng ta dắt nhau lên sân thượng của căn nhà lầu chúng ta chung sống những năm đầu tiên trong 12 năm chúng ta chung sống ở đường Mayer.

Đêm khuya mười một, mười hai giờ, sân thượng của bốn căn lầu liền nhau vắng tanh. Vào giờ đó, ở trên 312,784 sân thượng của 312,784 căn nhà có sân thượng ở Sài Gòn này, chẳng có ma nào dắt nhau lên đó trừ những người yêu nhau. Chỉ có những kẻ có tình yêu và có nhau mới nửa đêm trăng sao dắt nhau lên sân thượng. Những người yêu nhau và những kẻ chán đời. Những người yêu nhau lên đó để yêu nhau. Những kẻ chán đời lên đó để nhìn xuống đất, muốn nhảy xuống tự tử.

Sân thượng của những nhà Việt Nam trần trụi không có gì ngoài một sân xi-măng ráp và những lỗ cửa cho người chui lên, tụt xuống. Đó là nơi dùng để phơi quần áo. Và những gia đình có anh con trai nào thích xì-po, đặt năm bảy quả tạ trên đó để chiều chiều lên tập dấy.

Trên sân thượng của căn nhà đường Mayer đó – năm chúng ta sống ở đó, con đường Mayer còn có tên là Mayer, năm nay nó đã có tên khác, song anh vẫn thích cái tên đường Mayer, anh vẫn muốn gọi nó là đường Mayer, một cái tên Tây hiền từ hiếm có trong số 752 cái tên Tây mất cảm tình, có những âm thanh chướng tai, nói lên nghe man rợ, đường đặt cho nhiều đường phố ở Sài Gòn: Eyraud Des Vergnes, Borgnis Desbordes, Général Lizé, De Lattre de Tassigny, Mac Mahon, Dixmude, Legrand de la Lyraye v.v...

Nhưng Mayer! Cái tên nghe êm chứ. Như hai âm thanh tình tứ, như tiếng gọi : “Em ơi” – “Mayer”. Trong tình yêu của chúng ta, đường Mayer sẽ muôn năm, vĩnh viễn, ngàn đời là đường Mayer.

Mai sau, nếu có bao giờ...

Nếu có bao giờ chẳng may cho đất nước này – quê hương đau khổ – văn chương của anh có đi vào văn học sử, các anh chị học trò con cháu của anh và em sẽ phải lục tìm và kê khai con đường Mayer của anh và em là con đường nào, nằm ở khu nào, trong đô thành Saigon này.

Trên sân thượng của căn nhà đường Mayer đó, những đêm trăng mùa thu, anh đã theo em lên đó. Cả đô thành, cả trời đất này như chỉ còn có anh và em là sống. *Les Amoureux sont seuls au monde. Toujours.* Những kẻ yêu nhau thường chỉ có nhau là sống trên cõi đời này. Đúng đấy. Và những người yêu nhau tầm thường đã vậy rồi. Những người yêu nhau chân chính như anh và em thì còn «chỉ có nhau một mình» biết là bao nhiêu mà kể.

Và trên đó, anh đã thấy «mắt em đẹp trời sao». Em nằm ngửa trên chiếc chiếu trải trên nền xi-măng thật ráp – ráp có thể làm trầy đầu gối anh nếu anh không cẩn thận, nếu anh buông thả trong nồng nhiệt – khuôn mặt em đẹp với sống mũi cao như mũi đầm, ngược lên trời trăng sao. Ở trên đời này, có những người đàn bà khổ sở vì có những sống mũi không được cao, không tận hưởng được lạc thú ở đời vì có những sống mũi tẹt, cà chua, sư tử, huyệtch. Có những người đàn bà phải vất vả sang tận Nhật để nhờ thầy sửa lại sống mũi cho cao, xẻ lại đôi mắt cho lớn, cho tình. Song em, em của anh, sống mũi đầm lai của em khi Má em sinh ra em đã đẹp.

Khi anh viết rằng em nằm ngửa và khuôn mặt em ngược lên trời trăng sao, anh không viết thừa một chữ nào hết. Anh không cẩn thận quá đâu. Có thể có người sẽ nài: đã nằm ngửa thì lẽ tự nhiên mặt mũi phải ngửa lên trời rồi, nằm ngửa mà úp xuống sao được?? Làm.

Có khi người ta nằm ngửa mà mặt vẫn úp được, nhất là khi người ta là đàn bà.

Trong kho tàng hình ảnh kỷ niệm của anh, hình ảnh em những đêm trăng đó sáng rõ, sáng như trăng, như ngọc, như kim cương không bao giờ phai nhạt.

Đêm nay, tháng này, năm nay anh nhớ lại và tưởng như hình ảnh đó mới xảy ra đêm hôm qua. 12 năm rồi đấy. Chính em nói với anh là em đã sống với anh 12 năm, trong khi anh tưởng là mới chỉ có 10 năm. Thời gian qua thật mau mà cũng thật lâu.

Như Dudintsev viết trong truyện ngắn New Year Fable : «thời gian là một cái gì có thể co vào và dãn ra được ». Như thời gian sống trong Tình yêu qua đi thật mau, như thời gian sống trong Tình yêu thật dài.

Anh ngồi bên em, anh nằm bên em, ánh trăng chan hòa trên em như nước. Những lúc đó, anh chỉ còn biết có em, anh không ghi nhận gì về anh nữa. Cuộc sống của anh qui tụ lại quanh em, trong em. Trong tâm hồn và trong thể xác em.

Vũ trụ của anh là da thịt em, là núi ngực, rùng tóc, đùi thon, vai mơn và đùi dài; là thung lũng lưng eo, là cồn cát mông tròn gọn. Những đêm đó, tuy anh vẫn yêu em mỗi ngày, vẫn yêu em suốt ngày, anh vẫn thèm thường yêu em và thân thể em. Anh chống tay trên em và nhìn xuống thấy «mắt em đẹp trời sao ».

Em yêu dấu, trong truyện dài Tình yêu chúng ta, anh mở đầu bằng một bài ca. Lẽ ra ngoài việc viết tiểu thuyết, làm báo và làm cho cuộc đời anh trở nên một bài thơ dài, anh còn phải là nhạc sĩ – ít nhất – Và thi sĩ. Vì Thơ và Nhạc là tiếng nói của Tình yêu. Khi yêu, người ta không cần hát nhưng mạch máu, trái tim của chúng ta đã hát, vẫn hát.

Khi tình yêu chết, tiếng hát ngừng.

Tiếng hát sau khi Tình yêu đi được gọi là Tiếng hát đau thương,

tiếng ra tuyệt vọng... cũng vẫn là tiếng hát ca tụng tình yêu. Một thứ Tình yêu đã . Đã yêu cũng vẫn là còn yêu. Tình yêu một chiều, một nhóm, đơn phương. Tình yêu không có đáp ứng. Tình yêu không được thỏa mãn. Tình yêu khi còn tiếng hát, dù là đau thương, dù có tuyệt vọng, Tình yêu vẫn chưa hết.

Lẽ ra anh ít nhất – phải là nhạc sĩ, không là nhạc công, nhạc sĩ sáng tác kia. Âm nhạc là tiếng nói của tình yêu. Tình yêu chỉ có thể thốt ra trọn vẹn bằng âm thanh, không thể trọn vẹn bằng chữ viết. Có lẽ vì chữ viết là do con người đặt ra, âm thanh là một trong số những gì Trời chế tạo và ban cho loài người dùng.

Mà cái gì của Trời vẫn quý hơn của người. Em thấy rõ nhé: bức thư tình lâm ly êm ái, gợi cảm nhất của văn chương Pháp không làm cho em, khi em còn là nữ sinh Gia Long, xúc động bằng bài Dictée khi em thi Brevet Élementaire; một truyện tình đẹp như « Hồn Không Mơ Tiên » không làm cho một cô gái Thượng xúc cảm. Nhưng một bản nhạc thì khác. Nhạc mà anh muốn nói tới đây là nhạc tình nhạc yêu, không phải thứ nhạc chọc cười hạ cấp, khiêu dâm bằng những ẩn ý. Như bài ONE DAY của Johann Strauss chẳng hạn. Nhạc ca ngợi tình thì dù là nhạc nước nào, cũng là chung của tất cả thế giới. Nghe một bản nhạc tình, người ta tưởng nhớ đến ngay Tình yêu, đến người yêu, lẽ ra anh phải là nhạc sĩ. Ít nhất.

Để anh có thể ca ngợi tình yêu của chúng ta mà làm cho tất cả mọi người không hề biết tí ti về tình yêu của chúng ta cũng xúc động, để anh có thể khuyến khích mọi người hãy yêu chân thành yêu không bao giờ lỗi cả. Dù người ta có yêu mà không được yêu lại, người ta vẫn còn được yêu. Tình yêu chân chính không cần cả sự đền đáp.

Con người khi hồi tưởng kỷ niệm, có thể chỉ nhớ những khổ đau mà quên sung sướng, có thể chỉ nhớ sung sướng mà quên khổ đau, nhưng chỉ nhớ những đêm trăng đẹp mà không nhớ những đêm mưa dài, chỉ cần một đêm trăng yêu nhau bên nhau có nhau hoặc xa

nhau cũng đủ làm cho người ta suốt đời xúc động mỗi khi nhìn thấy lại mặt trăng. Người đồng quê ngày xưa, thường lấy mặt trăng làm chứng khi thề nguyện yêu thương nhau, chờ đợi nhau là vì vậy.

Bấy giờ là tháng mấy ?? Những ngày chúng ta yêu thương đầu tiên ấy là mùa thu. Mùa thu là mùa của trăng và mây, mùa của tình yêu. Mùa thu ở Bắc là mùa đẹp nhất trong bốn mùa. Rất tiếc anh và em, chúng ta chưa có dịp nào sống chung với nhau ở Hà Nội. Chúng ta chưa được sống với nhau một ngày nào ở Hà Nội.

Anh muốn đưa em về miền quê hương cũ của anh nơi anh đã sống những ngày thơ ấu, những ngày anh chưa gặp em mà anh biết rằng cuộc đời này có em và mãi sau anh sẽ được gặp em, em sẽ yêu anh và chúng ta đã yêu nhau. Nhưng anh muốn đưa em về đó, điều cần nhất, trước nhất, là đời anh phải có em, anh phải tìm được em trước đã.

Anh đi tìm mùa xuân trên đời... Một việc làm không bao giờ có kết quả.

Vì làm sao anh có thể tìm được mùa xuân – không ai có thể đi tìm được mùa xuân, nhất là anh, vì em ở đâu là mùa xuân ở đó. Nơi nào không có em nơi đó chỉ có mùa đông, nơi đó bao giờ, muôn năm, vĩnh viễn... chỉ là mùa đông.



Ở căn nhà đường Mayer, căn phòng chúng ta ngủ, căn phòng có chiếc giường ngủ đệm bông thật đẹp và lớn của em – từ chiếc giường ngủ đó, anh nghiệm thấy rằng giường ngủ của những người đàn bà đa tình trên cõi đời này, đều lớn, êm và đẹp, đối với đàn bà đa tình, cái giường là vật quan trọng nhất – nhìn ra cửa sổ, cửa sổ nhìn sang vi-la bên cạnh, và trong vườn vi-la bên cạnh, có một cây dừa.

Lá dừa trong những đêm trường loáng ánh bạc; trong như dát vàng, như có nước chảy.

Em đã ngủ trong căn phòng đó nhiều đêm, nhưng vì không có

anh, và không có tình yêu, nên em không thấy vẻ đẹp của cảnh vật. Đến những đêm có anh nằm bên em, có tình yêu, em mới thấy cảnh vật quanh em đẹp và thơ mộng :

– Anh... anh nhìn những cành lá dừa bên kia.... Đẹp quá phải không anh ??

Có một nửa đêm, em đánh thức anh dậy, để chỉ cho anh thấy những tàu lá dừa dát ánh vàng của nhà bên kia.

Và anh thấy đẹp, như anh chưa từng bao giờ thấy trăng, thấy bóng dừa trong trăng. Và sau đó, anh mất ngủ.

Những người suy nghĩ nhiều, những văn nghệ sĩ chân chính, thường bị bệnh mất ngủ. Đó là cái tật chung của những người suy nghĩ nhiều. Đã sắp chợp ngủ, tuy trong người rất mệt, chỉ cần một thắc mắc một suy nghĩ nhỏ làm bận trí, ý nghĩ vui hoặc buồn cùng vậy, là anh tỉnh ngủ luôn.

Trước nửa đêm đó, chúng ta đã yêu nhau – 6 tháng đầu tiên chúng ta chung sống, đêm nào cũng vậy. Nửa đêm em thao thức nằm bên anh, nhìn qua cửa sổ, ngắm lá dừa đẹp trong đêm trăng, em đánh thức anh dậy để anh thương thức. Sau đó, chúng ta lại yêu nhau.

Lần yêu nhau thứ hai trong đêm.

Và sau cuộc ái ân thứ hai đó, em đa tình hơn, nồng nàn hơn, sôi nổi hơn, mạnh mẽ hơn – em với anh bao giờ, lần nào cũng đa tình, nồng nàn, sôi nổi và mạnh như sóng cuốn, như gió thổi – song lần này em hơn, có lẽ vì cảnh trăng sáng ở bên ngoài quá đẹp – Em yêu và ân ái với trăng sáng ở trong lòng em – Rồi em mệt và em ngủ.

Và anh mệt nhưng không ngủ được.

Anh nằm bên em, nghe tiếng em thở đều, tiếng thở trong giấc ngủ lấy lại sức khỏe của một người đàn bà đa tình sau cơn ân ái với người yêu—hết mình không gìn giữ –có cái âm thanh của tiếng ngáy. Ngáy là gì? Ngáy là thở mạnh, phải không em? Đàn bà ngáy nhẹ như

em đâu có xấu đâu có gì chướng tai. Miễn là ngáy nhẹ như em, đừng kéo gối quá lớn.

Anh nhìn khuôn mặt em bình yên, hiền lành trong giấc ngủ và hồi tưởng lại lần đầu tiên anh gặp em, lần đầu anh nhìn kỹ nét mặt em.

Có người nói rằng và tin rằng con người ta trong giấc ngủ người nào cũng hiền lành. Nghĩa là khi ngủ nét mặt người nào cũng lành.

Anh không nghĩ thế. Trước khi gặp em, anh cho lời nói trên đây là đúng. Nhưng sau khi gặp, yêu em và nằm lặng nhìn em ngủ, anh không cho lời nói đó là đúng nữa.

Chỉ có những người tốt và yêu đương như em chẳng hạn và trẻ thơ, khi ngủ, nét mặt rất hiền, mới bình yên.

Bọn độc ác, bất nhân, bọn lòng dạ giả dối, khi chúng tỉnh giấc, có thể che dấu được những cảm nghĩ thực của chúng.

Nhưng khi chúng ngủ, chúng không giữ được, bao nhiêu xấu xa, bản thù của đời chúng, hiện cả trên mặt chúng.

Người ta khi ngủ, linh hồn cũng phiêu diêu, bay ra khỏi xác gần như là chết, khi đó, người ta còn dấu diếm được gì nữa.

Đêm đó. nhìn em bình yên ngủ tốt lành anh bỗng như nhìn thấy cả cuộc đời anh mai sau, như nhìn thấy con đường trải dài trước mặt,

Con đường mà anh sẽ đi, với em, có em,

Rồi đây trên những lối đi này.

Anh sẽ cùng em tay nắm tay...

Và anh nhè nhẹ trở dậy, ra khỏi giường.

Để cho em trong giấc ngủ khỏi giật mình – Anh ra bàn viết ngồi hút thuốc lá. Trong đêm khuya một mình anh ngồi với anh bên bàn viết, tiếng động của thành phố về đêm tắt dần – Thành phố về khuya thiệt êm – Năm đó Saigon chưa có nhiều xe cộ, máy móc, nhiều người như năm nay.

Anh ngồi nhìn về tương lai anh trong đêm khuya, với tiếng thở của em ở sau lưng như tiếng nhạc đệm cho một đoạn phim tình. Tiếng

thở bình yên, nhịp nhàng, như tiếng ca trầm tĩnh : « Có em yêu anh. Bao giờ em cũng yêu anh. Em chỉ yêu có mình anh. Anh đừng sợ... Đừng bao giờ sợ ». Như tiếng gió reo, suốt róc rách đệm cho những vùng cảnh đẹp.

Anh bật đèn bàn, cầm bút, và tay anh viết nên thơ :

Mùa thu mây trắng xây thành

Tình Em màu ấy cỏ xanh da trời

Hoa lòng Em có về tươi

Môi Em có thắm nửa đời vì anh ?

Đã lâu lắm anh không làm thơ. Sau một thời gian sống và khổ sở, bỗng dựng nguồn thơ của anh như một dòng suối, chợt cạn, đột ngột khô khan. Tâm hồn anh vẫn còn rung động, nhưng mỗi lần anh muốn làm thơ, mỗi lần anh cầm bút viết thơ, là thơ người khác hiện ra dưới ngòi bút của anh.

Như một buổi sáng nào đó, chợt tỉnh giấc, chột nhìn ra trời xanh, biết đó là sáng mùa thu và mùa thu đã về, lòng băng khuâng hồi tưởng kỷ niệm – Kỷ niệm như Henry Miller thấy, dựng lên cao ngất, muôn màu – bỗng muốn, bỗng thèm làm thơ, tự dựng những vần thơ của Đình Hùng diu diu đến, làm anh thấy rằng thơ tả sáng mùa thu và tình yêu như vậy là nhất rồi, anh không còn cần phải làm thơ sáng hôm đó nữa...

Hôm nay có phải là thu

Mấy năm xưa đã viễn du trở về ?

Cảm vì Em bước chân đi

Nước rung mặt ngọc lưu ly phớt buồn...

Một buổi chiều hoàng hôn nào đó, đến trên bến nước một dòng sông, anh nhớ em muốn làm thơ, trong tiềm thức anh những câu thơ nằm sẵn in nếp của Huy Cận :

Người ở phương trời, ta ở đây

Chờ mong phương nọ, nhớ phương này

Chờ mong phương nọ, nhớ phương này

Tương tư đôi chốn, tình ngàn dặm

Vạn lý sầu lên núi ngắt mây

... hiện đến. Hoặc vào những buổi chiều buồn, thất vọng, thương nhớ tiếng nói của em mà không được nghe em nói, thèm khát nhìn ngắm mặt em mà chỉ có thể tưởng nhớ lại em, lại những câu thơ của Huy Cận :

Rồi một buổi đứng chờ người chẳng tới

Ta thấy buồn cùng mọc với trăng sao...

Gió đêm thổi không ngớt niềm thương nhớ

Tình đi mau, sầu ở lại lâu dài

Ta bỗng để hồn tan trong nhịp thở

Kêu gọi người thương tiếc nỗi tàn phai...

... hiện đến và từ lâu rồi, anh không làm thơ nữa. Cho đến đêm trăng sáng đó, thức bên em ngủ, anh làm mấy câu thơ cuối cùng của đời anh, những câu thơ cho em. Chỉ bốn câu nhưng chưa bao giờ anh hài lòng đến thế.

Mùa thu mây trắng xây thành

Tình Em màu ấy cỏ xanh da trời

Hoa lòng Em có về tươi

Môi Em có thắm nửa đời vì anh ?

Kể từ ngày anh viết phóng tác Tiểu thuyết «*A kiss before dying*» thành «*Chiếc Hôn Tử Biệt*» trên báo Ngôn Luận, anh ít viết sáng tác. Vì cuốn tiểu thuyết phóng tác của anh được nhiều người theo dõi, ham đọc, nên từ đó đa số chủ báo mỗi lần nhờ anh viết truyện dài, đều nói – «Anh cho một cái phóng tác...» Lâu dần thành ra quen. Anh cứ lấy tiểu thuyết Âu, Mỹ ra phóng tác nên ngại không muốn viết sáng tác. Song, không phải như vậy là anh sáng tác không được. Anh vẫn cảm thấy trong cánh tay anh tiềm tàng một nguồn sinh lực rất mạnh, như có những dòng chữ tiểu thuyết cuộn cuộn trôi trong

các thớ thịt của tay anh. Anh vẫn nghĩ và tin rằng trong một ngày nào mai sau anh sẽ sáng tác và anh sẽ viết nhiều. Trong thời gian qua, anh đã hài lòng với việc phóng tác tiểu thuyết – Kể ra cũng phải có học, có tài mới phóng tác được chứ – Không có ngoại ngữ và không có tài viết chữ thành ra truyện thì phóng tác làm sao được.

Ngày anh viết tiểu thuyết *Môi Thắm Nửa Đời* cho báo Chính Luận trước ngày Từ Chung bị bắn chết, anh đặt tên truyện theo câu thơ « Môi Em có thắm nửa đời vì anh » mà anh đã tặng em. Song, truyện đó không có chút hình dáng, hơi hướng nào của em hết. Truyện đó khác hẳn với truyện này. Truyện này anh viết về em, về mối tình của anh và em – Em sẽ nằm, ngồi, yêu, hôn, thương, giận, thở hít, tắm, ăn uống, cười, khóc, vẽ lông mày, tô son môi, nhổ lông nách, cởi và mặc quần áo, hôn hít, khạc nhổ, chữa đẹn, phá thai, tắm rửa, xúc nước hoa trong truyện này – hôm nay, anh muốn viết để trở thành một người viết tiểu thuyết về Tình Yêu của mình, về Vợ mình, nhiều nhất nước, nhiều nhất thế giới.



Em yêu dấu, đây chỉ là, mới là đoạn mở đầu cho truyện dài của anh và em, chưa bao giờ anh viết đoạn mở đầu nào dài đến thế này. Dài nhưng không thừa, dài nhưng cần thiết. Cần phải có đoạn mở đầu này để hiểu những mẩu chuyện yêu đương sắp được diễn tả.

Đoạn mở đầu chưa phải là chuyện. Những gì sau đây, những gì sắp được kể tới mấy là chuyện.

Anh muốn thiên nhiên trong truyện của anh và em sẽ êm như tóc em, vì những mùa thu qua trong tình chúng ta đã trong như mắt em. Anh muốn truyện dài của chúng ta là một bản tình ca dài. Trong đó mỗi nét chữ là một vuốt ve, mỗi chấm phết là một hôn hít, mỗi con số là một nụ cười, mỗi vòng chữ là một vòng tay ôm nhau, mỗi trang giấy là một mặt giường nhàu nát in hình thân thể, anh muốn truyện của chúng ta là một cuộc ái ân dài...

MỘT

Tỉnh lỵ Hà Đông ở cách Hà Nội 11 cây số, không xa bằng quận lỵ Thủ Đức hoặc quận Đức Hoà xa cách thủ đô Saigon.

Hà Đông được gọi là tỉnh chớ không là thành phố, vì nó nhỏ quá.

Một lý do làm cho Tỉnh Hà Đông không có gì đáng kể, người Hà Đông không có ai đáng được nói tới là vì Hà Đông ở quá gần Hà Nội. Học trò Hà Đông học hết ban tiểu học ra học ở Hà Nội, có thể sáng đi tối về, đường tàu điện Hà Đông – Hà Nội chạy leng keng qua Thanh Xuân, Ngã Tư Sở, rồi Thái Hà Ấp và vào Cửa Nam Hà Nội. Dân Hà Đông muốn xem chiếu bóng cũng đi ra Hà Nội để tới những rạp Philharmonique, Majestic, ăn cao lâu cũng dắt vợ con ra Hà Nội ăn ở Đông Hưng Viên.

Thị xã Hà Đông có đủ màu sắc của một tỉnh lẻ chỉ thiếu đường xe hoả và một nhà ga xép để một thi sĩ như Vũ Hoàng Chương có thể đến làm xép ga và làm thơ «Mai sau nếu có là ta. Làm gì cũng được làm ga thì đừng» và để một văn sĩ Thanh nam có thể đến ở ít lâu và viết «Buồn ga nhỏ». Bù lại, Hà Đông có đường tàu điện như đã kể. Cũng có rạp xi-nê, một rạp hát cải lương do ông Tư Thiêm làm chủ nhân. Nhân vật Tư Thiêm — (tác giả quen gọi ông là cậu Tư Thiêm và ông anh độc đáo của ông là cậu Ba Sớm, vì ông có đi lại giao thiệp với thân phụ của tác giả) — ở Hà Đông được coi như là một nhà kinh doanh gần lớn như ông Trần-văn-Chi thân phụ của nhà giáo – nhà thơ Nguyễn Sa Trần Bích Lan và nữ ca sĩ Linh Đa. Ông Tư Thiêm còn có một thời mở đường xe buýt chở khách Hà Nội – Hà Đông, bến xe đậu ở Bờ Hồ Hoàn Kiếm và Đầu cầu Hà Đông.

Nhưng, vì Hà Đông quá gần Hà Nội — chỉ cách có 11 cây số, thanh nhiên Hà Đông đi xe đạp cũng có thể phân ra Hà Nội xem

xi-nê, buổi Matinée và mát mẻ đạp về nhà ăn cơm vào buổi tối nên nhà xi-nê Hà Đông gần như vắng khách thường trực, chỉ vồn vện khách có mỗi một xuất Matinée 2 giờ, 4 giờ trưa chủ nhật. Mà chỉ có chiếu phim Cao Bồi hoặc Tarzan mới đông.

Nhưng Hà Đông là một thành phố êm đềm. Thơ mộng thì chẳng có gì thơ mộng nhưng êm tĩnh thì thật là êm. Thị xã không có nhà máy, không có trại lính Tây, không có trại lính Khố đỏ, chỉ có một đồn lính Khố xanh, tiếng Pháp gọi là Garde Indigène.

Dòng Nhuệ Giang lặng lẽ chảy qua đầu tỉnh. Xuôi dòng sông đào này, người ta có thể đi thuyền xuống những làng Cự Đà, Khúc Thủy — Tỉnh Hà Đông có Chùa Hương, Chùa Trầm và có làng Cự Đà là nổi tiếng nhất — Dân Cự Đà không nổi tiếng về có đất văn học, nhiều người đỗ đạt, làm quan như các làng Thiện, Mọc Quan Nhân, mà nổi tiếng về khoản giàu tiền và có nhiều người có tay buôn bán, giỏi làm giàu. Dân Hà Đông nói rằng làng nằm ngay sông Nhuệ, đình làng nhìn ngay ra sông, mà dòng sông tới đó thì chạy vòng thành một khúc quanh, nước sông cứ vùn vù xoay tròn ở vũng sông trước cửa đình đó không đi.

Như thế là thủy tụ và thủy tụ thì dân giàu, song có cái hại là chỗ nào nước đọng thì bẩn. Do đó, trong làng Cự Đà có họ có máu phong hủi, tức là máu cùi. Ác liệt thay những cô gái có máu phong cùi này — khi nọc cùi chưa phát, khi chưa lấy chồng, chưa ân ái, chưa có hơi hướng đàn ông — lại vừa đẹp vừa giàu.

Thị xã Hà Đông cũng có một khu giải trí, đó là khu Cô đầu Bông Đỏ. Gọi là Bông Đỏ vì đó là một khu mà Ty Lục Lộ có trồng nhiều hàng cây me Tây — một thứ cây do các quan Đại Pháp mang giống sang gieo rắc trên đất xứ này — vào mùa hạ, me Tây nở hoa đỏ ối. Các nhà thơ trữ tình và bọn học trò mơ mộng gọi vắn vè là hoa phượng, dân Hà Đông gọi ngay khu phố có nhiều bông đỏ là Bông Đỏ.

Xóm cô đầu Bông Đỏ cách căn nhà cuối cùng của thị xã Hà Đông chừng 1 cây số rưỡi. Từ xóm đó có đường rẽ đi vào làng La Khê, một làng chuyên dệt tơ — tơ La Khê để may áo — và quê ngoại nhà văn, nhà giáo Hiếu Chân Nguyễn Hoạt.

Trên con đường đất đi từ xóm Cô đầu Bông Đỏ vào làng La Khê dệt tơ quê ngoại của nhà văn Hiếu Chân đó đặc biệt đáng kể có một cái nhà chứa phân của dân thành phố. Ngay câu chuyện này mở đầu ở Hà Đông, ngày nhân vật chính của truyện này còn là một thiếu niên vừa ngoài mười tuổi — một teen-ager, nói theo ngôn ngữ Hoa kỳ du nhập — tức là vào những năm từ 1940 : Nhật bắt đầu tới Đông dương, và năm 1946: Việt Minh cướp chính quyền, hệ thống giải quyết sự tiêu hóa của dân thị xã Hà Đông vẫn còn tổ chức đống thùng của ô Năm Diệm phụ trách. Phân của dân thị xã được đem về chứa ở kho phân gần làng La Khê đó để được phân loại, đóng thùng gửi đi các nơi. Bọn học trò vào làng La Khê chơi, vô phúc đi trúng vào cuối chiều gió thổi, vừa bịt mũi, vừa cười đùa, vừa chạy vừa hít hết mình.

Nhân dịp ngàn năm một thuở diễn tả cảnh sắc tình cũ Hà Đông, tưởng cũng nên có vài dòng hoặc là một đoạn viết về Xóm Cô đầu Bông Đỏ. Cái xóm Cô Đầu này xoàng xĩnh và rẻ tiền có lẽ nhất nước An Nam ta hồi ấy. Đó có lẽ chỉ là nơi lui tới của các ông tổng lý, kỳ hào lên tỉnh kiện cáo, hầu việc quan, hoặc của mấy ông lính lệ, lính khố xanh. Chị em ở đó không đẹp bằng bọn các em con sen ở trong tỉnh.

Nhưng dòng sông Nhuệ thật hiền từ. Nhưng những đêm trăng thả một con thuyền xuôi dòng sông đi về phía Cự Đà, Khúc Thủy thì cũng đẹp và nên thơ lắm. Khái Hưng đã có đêm đi thuyền trên sông Nhuệ, thấy làm mê đắm và viết thành truyện ngắn.

Nhưng Hà Đông có chùa Hương thì đẹp không đâu bằng. Nhưng Hà Đông có Quân Dương ra lệnh cho lính nổ súng bắn một buổi chiều chết cả trăm thanh thiếu niên tỉnh đại đột theo bọn cán bộ Việt

Minh biểu tình ào vào trại lính định cướp súng, và ven con đường tàu điện Hà đông – Hà Nội ở khoảng Thanh Xuân – Ngã Tư sở – Thái Hà ấp còn có hai hàng cây thấp, mùa xuân tôi thấy trên lá cây xanh nõn hai hàng cây thấp ấy vương vất những sợi tơ vàng tươi mơn trong mưa xuân. Chỉ mùa xuân tôi mới thấy những dây tơ vàng đó, tôi hỏi và được một người con gái nhiều tuổi hơn tôi, đáng tuổi chị tôi, bảo cho biết rằng đó là những sợi tơ hồng.

– Tơ hồng gì mà lại vàng?

Trên chuyến tàu điện đi giữa mưa xuân nhẹ bay ấy, tôi đi học ở Hà Nội về và nàng đi học ở Hà Nội về, nàng hơn tôi hai lớp, tôi ngây thơ tôi hỏi lại nàng như thế. Tôi ngây thơ tôi tưởng đã gọi là hồng thì phải có màu hồng, tôi ngây thơ tôi chưa biết rằng sung sướng có thể là đau đớn và hạnh phúc có thể oan trái.

Chiều xuân đó tôi chưa hiểu nhưng mai sau, nhưng bây giờ tôi hiểu. Bây giờ tôi biết những người yêu nhau xa nhau vẫn có thể thấy gần nhau, và Tình Yêu của loài người có thể chết – người ta có thể đánh thuốc độc cho Tình Yêu chết dần và đem Tình Yêu đi chôn như chôn một người chết – song một phần nào đó trong tâm hồn tôi vẫn còn nguyên ngây thơ, trong trắng như ngày hôm xưa, tôi vẫn nghĩ rằng, tin rằng Tình Yêu của loài người, Tình Yêu của các bạn, có thể chết, có thể đem chôn, còn Tình Yêu của tôi và nàng thì không bao giờ chết.



Người bạn-gái-chị-gái không nhìn tôi khi tôi hỏi nàng :

– Tơ hồng gì mà lại vàng ?

Nàng nhìn qua khung cửa sổ tàu điện xuống hàng cây xanh có những sợi tơ vàng đang lúi lại vun vút bên thành tàu vì lúc đó con tàu đang chạy. Đôi mắt nàng, tôi còn nhớ, mơ màng như nhìn tới một nơi nào thật xa. Đó là lần đầu tiên tôi nhìn thấy một đôi mắt gái đẹp mơ màng và nàng đáp mơ hồ :

– Tư hồng phải vàng chứ.

Nghe nàng nói thế, từ giây phút đó, tôi yên trí những dây tơ vàng đó là dây Tư Hồng, loài dây có thể ràng buộc đôi người nam nữ yêu nhau thành vợ chồng, loài dây có thể giữ cho những cặp vợ chồng gần nhau. Từ đó, tôi không có dịp nào hỏi lại ai rằng những dây tơ vàng đó có thật là dây Tư Hồng hay không. Nhưng đêm nay, sau bao nhiêu tàn nhẫn, giả dối của người và cuộc đời, đêm nay hồi tưởng lại mùa xuân cũ, giây phút qua, chuyến tàu xưa, người đã xa, tuổi trẻ đã mất, tôi muốn hỏi nàng :

– Em... Em... — người năm xưa đã dạy anh những dây tơ vàng đó là dây Tư Hồng trong một ngày mùa xuân chúng ta cùng đi học về trên chuyến tàu điện Hà nội – Hà Đông. Bây giờ em còn sống hay em đã chết ?? Nếu em còn sống em hãy trả lời anh : có thật đó là những dây Tư Hồng không hay là chiều đó, em nhìn trời xuân, em nghĩ đến chuyện lấy chồng và em nói nhăng vớ với anh như thế ? Em thấy không ? Một lời nói của đàn bà quan trọng đến là chừng nào với một thằng con trai mới lớn. Vì em nói đó là dây Tư Hồng nên dù không phải, suốt đời anh vẫn tưởng, vẫn yên trí những sợi vàng đó là dây Tư Hồng. Năm xưa, khi chúng ta cùng chưa ngoài 20 tuổi mà anh kém em tới hai, ba tuổi, sự hơn kém ấy xa cách lắm — Nhưng bây giờ khi chúng ta đã ngoài ba mươi tuổi, sự hơn kém vài ba tuổi đó không còn là xa cách nữa. Dù anh có kém tuổi em, em vẫn phải gọi anh là anh và xưng em với anh. Bây giờ anh trải đời rồi anh không còn dễ tin, dễ nghe lời em như năm xưa nữa đâu.

Thị xã Hà Đông có hai cầu qua sông Nhuệ và chỉ có một con phố chính. Phố chính ấy có cái tên trang trọng và lớn là Boulevard de la République. Cái tên A-Nam của nó lại rất khiêm nhường, nặng những địa phương tính và có thể liệt vào nhà quê nữa là khác. Tên A-Nam của Boulevard de la République ở thị xã Hà Đông là Phố Bóp Kèn.

Boulevard de la République kể đã là lạ rồi. Đại lộ Cộng Hòa ? Nghĩa như thế đấy nhưng mà là Cộng Hòa nào ? Thời đó nước A-Nam bảo hộ và thuộc địa vẫn chia ra làm 3 kỳ, vẫn có vua Bảo Đại thì Cộng Hòa nổi gì ? Chắc đó là Cộng Hòa Pháp quốc. Cái tên Phố Bóp Kèn mới quả là kỳ cục. Bóp Kèn là cái gì ? Vì sao lại có cái tên đó ? Tuổi trẻ của tôi sẵn sàng chấp nhận cái tên phố Bóp Kèn . Nhà tôi ở phố đó.

Tôi sinh trưởng trong một căn nhà có gác cuối phố Bóp Kèn thị xã Hà Đông. Tôi chưa bao giờ hỏi tại sao người ta lại gọi phố nhà tôi là phố Bóp Kèn. Tôi không thấy cái tên đó là lạ. Tôi chỉ hơi bất mãn vì tên nó không được đẹp như những tên phố khác. Song ở thị xã Hà Đông chẳng có tên phố nào đẹp. Người ta quen gọi theo các khu như Đầu Cầu, phố Chợ, cửa Dinh, khu Chợ Trâu v.v...

Phố Bóp Kèn, con phố chính của Thị Xã, dài đúng một cây số. Dinh Công sứ, Tòa sứ, Dinh Tổng Đốc, Sở Cảnh đều nằm trên phố Bóp Kèn. Và nhà tôi ở cuối phố.

Tôi ra đời thì thầy tôi bắt đầu xây cất tòa nhà này. Trước đó, ông ở thuê nhà người khác — Quê quán tôi ở làng Linh Qui, Tổng Kim Sơn, Phủ Gia Lâm — vào năm 1950, Phủ này đổi thành Tỉnh — Tỉnh Bắc Ninh. Làng tôi tên chữ là Linh Qui, song có cái tên tục nghe rất hay là làng Bụi, có người phát âm là làng Vui.

Những làng quanh làng tôi đều có những tên chữ hay và những tên tục thật quê như làng Kim Sơn là làng Then, làng Trân Tảo là làng Táo. Rồi những làng Keo, làng Đề, làng Bụi hoặc Vui, hoặc Linh Qui ở Bắc Ninh là một làng ở gần sông Đuống và gần đường số 5. Làng tôi nằm giữa hữu ngạn sông Đuống và đường số 5, vì vậy trong cuộc chiến tranh Việt Pháp 1946-1954, làng tôi bị tàn phá và dân làng tôi bị tàn sát nặng nề. Làng tôi cũng không phải là một làng lớn, cũng không giàu không nghèo, nhàn nhàn nhỡ nhỡ không ra làm sao cả. Làng tôi không có cảnh đẹp. Nói là gần sông Đuống, nhưng

không phải là ngay trên bờ sông. Dân làng không có ai hách. Người làng tôi chỉ có một người tương đối nổi tiếng. Người đó là Dương Đức Hiền — Dân chủ Đảng. Dương Đức Hiền là anh em con chú, con bác với tôi, và anh đã chết.

Làng tôi ở gần một làng có tên trong văn học sử — Làng Phú Thụ của ông Cao Bá Quát. Làng Phú Thụ, có khi gọi là Phú Thị, ở gần đường số 5 hơn làng tôi. Làng Phú Thị cách làng tôi chừng 5 cây số. Làng Phú Thị có vẻ giàu, vững chãi và khang trang hơn làng tôi. Ở miền quê Bắc Việt chỉ cần trông qua lũy tre bao quanh một làng là có thể biết ngay làng đó giàu hay nghèo. Lũy tre làng Phú Thị dày, có đất cao và cổng gỗ lim lớn, chắc hơn lũy tre, bờ đất, cổng làng của làng tôi.

Trong những ngày đầu của cuộc chiến tranh Việt-Pháp ở Bắc Việt. Thầy tôi từ Hà Đông mang mẹ tôi và anh em tôi tản cư về làng Hòa Xá, Phủ Vân Đình, quê ngoại tôi, rồi thấy ở đó không ổn, lại đưa chúng tôi về thị xã Hà Đông để đi xuống đường Văn Điển, qua sông Cái, sang khu Bát Tràng, Thủ Khố — Thủ Khố là quê ngoại của Thầy tôi, nơi quê nội của Mai Thảo và anh Nguyễn Đăng Thục — để rồi đi qua đường số 5 về Linh Qui trong khi Spitfire của Pháp đã bắn phá tới bởi những làng quanh phi trường Gia Lâm và khói lửa đã bốc ngút trời ở những nơi bị bắn phá đó. Chúng tôi về làng Bụi sống trong căn nhà năm gian xưa cũ, xưa cũ đến nỗi không còn căn nhà nào cũ xưa hơn được nữa.

Thời đó trước mắt tôi, ở làng Phú Thụ của cụ Cao Bá Quát có một nhân vật nổi tiếng — Người đó là anh Cao Bá Thao, con cháu của cụ Cao Bá Quát. Anh là một trong số những thi sĩ hạng nhì thời tiền chiến ở BV. Tôi nhớ thơ anh không nổi như thơ Xuân Diệu, không trữ tình, lãng mạn. Dường như thơ anh có âm điệu hùng hồn, kêu gọi hơn là than thở. Tôi đã quên hết cả thơ Cao Bá Thao, chỉ còn nhớ mấy câu anh làm ở làng Phú Thụ hồi đầu chiến tranh, để riếu

một anh cán bộ Việt cộng.

Anh cán này là người làng Phú Thụy tên là Dinh, họ hàng gì đó với anh Cao Bá Thao. Dinh là Ủy viên kháng chiến Xã. Lẽ tự nhiên, như 2.781.913 anh Ủy viên kháng chiến Xã ở Bắc Việt, Bố cu Dinh mang súng lục, dao găm, bện y phục nâu, sống bí mật ẩn hiện bất ngờ, đi lại vi vút và ba hoa sống với Xã, chết với Xã.

Nhưng, đúng theo thông lệ, ngày Quân đội Liên hiệp Pháp mở cuộc hành quân trên đường số 5 — từ Hải Phòng đi lên, từ Gia Lâm đi xuống — những người chạy trước nhất, nhanh nhất, là Cán Bộ Việt Minh và bọn Ủy viên kháng chiến xã. Trong số những người lẹ chân nhất có Bố cu Dinh. Cao Bá Thao làm thơ riếu :

Tiếng súng Cầu Bậy nổ đánh ình

Nhìn quanh thấy mất Bố Cu Dinh.

Hỏi ra mới biết vừa quăng súng

Lỡm bỡm qua sông lội một mình...

Trên đường số 5, khoảng gần ga Phú Thụy, có một cái cầu sắt gọi là Cầu Bậy, đằng sau làng Phú Thụy có một con sông đào, nước nông đàn bà xắn váy lội qua phăng phăng. Qua con sông đó là tới cánh đồng làng Táo rồi làng Bụi.

Làng Bụi chỉ có một người xuất sắc với đời là Dương Đức Hiền. Song họ Dương là họ lớn nhất làng. Con gái họ Dương. Các chị, các em gái tôi ở làng, phải một là đi lấy chồng xa, hai là ế chồng ở nhà nuôi bố, nuôi anh nuôi em. Trong, làng, ông bác tôi là Tiên chỉ. Chánh Tổng, Lý Trưởng, Phó Lý, Trương Tuần đều là chú bác tôi. Số thanh niên ở tỉnh thật hiếm. Hách nhất làng là anh Hiền, anh Lợi, rồi đến anh em tôi.

Thầy tôi nói rằng xuất xứ của họ Dương chúng tôi ở làng Linh Qui đã từ một làng ở phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh giáp Hưng Yên. Tức là cũng nằm gần đường số 5. Ngày xưa, các cụ, các kỵ tôi thi trượt, không ra làm quan được, bèn đi giang hồ lang thang tìm chỗ

ngồi dạy học — «Tiến vi quan, thoái vi sư» — các cụ xách gói tới đâu đất lành thì chim các cụ đậu lại, lấy vợ, đẻ con, rồi lập nghiệp luôn ở đấy. Vì vậy cụ tổ tôi mới lập họ Dương ở làng Linh Qui, rồi sau họ Dương hóa ra quan trọng, đông đình nhất làng. Mỗi mùa hè về làng chơi, tôi mê đi chăn bò và được các hà Thím, bà Cô, các Anh các Chị chiều ra rít.

Thầy tôi còn nói Nhà Thờ Tổ cao cấp nhất của họ tôi là ở một làng ở huyện Đông Anh tỉnh Phúc Yên. Những năm cúng tổ, các bác tôi phải mang đồ lễ về Thuận Thành, họp các tông chi ở đấy rồi mới đi lên Đông Anh.

Thầy tôi ra làm việc ở Toà Tổng Đốc Hà Đông và về hưu cũng ở Hà Đông. Thầy tôi làm Thông Phán, người rất được cụ Tổng Đốc Hoàng Trọng Phu tín cần. Với gia đình cụ Thiếu Hoàng, thầy tôi thân như người nhà. Thầy tôi dạy các cô con gái cụ Thiếu học ở trong dinh. Thầy tôi là người ưa nhàn, không thích bon chen xoay xỏa, làm đủ nuôi vợ con thì thôi. Thầy tôi được cử đi Tri Châu nhưng ông không đi. Với chức Thông Phán đầu tòa, tôi đã được nghe các vị Tổng Lý đến nhà tôi, vái thầy tôi rạp đến tận đất và xưng hô chúng con, quan lớn, cụ lớn nghe thật long trọng.

Từ Linh Qui, Bắc Ninh, Thầy tôi sang làm việc và lập nghiệp ở Hà Đông để rồi tôi sinh trưởng ở đó. Nguyên nhân là ông nội tôi làm việc với Quận Công Hoàng Cao Khải. Dường như có một thời, Cụ Quận trị nhậm ở Kinh Bắc, tức là ở tỉnh Bắc Ninh. Bố làm với Bố, con làm với con. Cuộc phục vụ diễn ra trong gần một trăm năm trời bị trị.

Cuộc phục vụ ấy không kéo dài tới ba đời. Đến tôi là dứt. Tôi có muốn tiếp tục việc phục vụ cho gia đình họ Hoàng cũng không được vì cụ Hoàng Trọng Phu không có con trai. Cụ chỉ có mỗi một Cậu Ấm, mà cậu lại chết bất đắc.

Người ta sống ở đời này, chắc phải có số mạng, chắc phải có một sức mạnh vô hình điều khiển cuộc sống của con người, làm cho

người này sung sướng, sống lâu, giàu có, đông con cháu, vợ đẹp chung thủy, làm cho người kia khổ sở, chết non, hoặc sống cũng như chết, nghèo nàn, con cháu chết trước, vợ cho mọc sừng. Ngày xưa, khi mới bước chân ra khỏi cửa gia đình để đi vào cuộc đời, tôi tương đối gặp nhiều may mắn, tôi không nể sợ gì hết, tôi báng bổ, tôi không tin là đời có số. Với thần linh và những đấng mà người chung quanh tin tưởng, thờ phượng không những tôi không tin, mà tôi còn nhạo báng.

Người ta phải đi nửa đời — có người đi hết cả đời vẫn không biết — mới có thể hiểu, biết đời là gì, đời có những gì. Nếu chúng ta chỉ sung sướng, chỉ gặp toàn thành công không mà thôi, cuộc đời chúng ta vẫn chưa đầy đủ, vẫn thiếu. Phải có thất bại, phải khổ đau mới là sống, có những đau khổ bản thủ và có những đau khổ đẹp. Những đau khổ đẹp làm đẹp đời sống. Nhưng với một điều kiện là đau khổ vừa thôi, đừng đau khổ quá. Đau khổ quá làm cho tâm hồn chúng ta trở cằn, trở thành chai đá. Đau khổ quá làm cho tâm hồn chúng ta tê dại, không còn rung cảm và thông cảm được những nỗi đau khổ của người khác. Đau khổ vừa, trái lại, làm cho chúng ta thương người và thêm bao dung.

«Không ai giàu ba họ. Không ai khó ba đời..» Những câu nói thông thẳng của cổ nhân vậy mà đúng không thể tả. Như gia đình cụ Thiệu Hoàng ở Hà Đông chẳng hạn. Quận công Hoàng Cao Khải rồi đến Thiệu bảo Hoàng Trọng Phu quyền uy như hai vị Phó Vương đất Bắc. Quận công họ Hoàng hét ra lửa làm thơ vịnh Hai Bà Trưng với những câu đặt Hai Bà ngồi vào hàng ghế khiêm nhượng, khuất lánh mà xã hội Á Đông vẫn dành cho đàn bà... «Oanh liệt khen cho gái dị thường....».

Nhưng gia đình ấy dòng họ ấy không hiển hách được ở BV đến ba đời. Những ngày cuối cùng của cụ Thiệu Hoàng trời buồn và tắt dần trong thời buổi nhiễu nhương hồi Việt Minh mới lên nắm chính

quyền. Trước năm 1946 chừng 4 năm cụ Thiều đã về nghỉ, nhường ghế Tổng Đốc Hà Đông lại cho ông Vi Văn Định rồi ông Hồ Đắc Diễm. Nhưng tuy về nghỉ cụ vẫn còn là một nhân vật quan lại mà chính quyền Việt Minh thấy cần phải bôi lọ và làm cho mất uy tín. Ông cụ mất trong tòa nhà ở đường Cột Cờ Hà Nội. Đám ma về Thái Hà Ấp tẻ nhạt. Người ta còn đồn rằng cụ Thiều tự tử chết vì sợ Việt Minh đem ra làm xấu, và cụ chết già ? Nếu là sau năm 1954, cụ Thiều Hoàng chắc chắn bị đấu tố ra gì.

Chuyện quả báo ở đời này chắc rằng cũng có. Có thể vì Quận công Hoàng Cao Khải đã chém giết nhiều người — tôi nghiệm thấy chỉ cần giết oan một người thôi cả cuộc đời mình cũng đã bị hồn oan theo, phá hoại, làm hại — tới đời con cháu cụ gặp nhiều tai họa. Cụ Thiều Hoàng chỉ có một cậu con trai nay lại chết sớm.

Bây giờ là tháng mấy nhỉ ?? Tôi nhớ đò là một buổi chiều một tháng gần mùa hạ nắng. Mùa hạ Bắc Việt nắng và nóng khủng khiếp. Giường chiếu vào khoảng hai, ba giờ trưa khi có lửa đốt, như khô cong và sắp nứt nẻ. Tôi học ở trường Tự Đức của ông Giáo Kiên. Năm giờ chiều tôi có xe tay nhà đến trường đón, nhà nào có xe tay nhà Omic sơn đen, gọng đồng vàng ngời, đã sang như bây giờ có xe hơi HK. Thăng Hướng, thằng xe nhà tôi, đón tôi từ trường về ghé vào dinh Tổng đốc chờ đón Thầy tôi về. Tôi vào dinh chạy chơi. Thềm nhà cao, những dãy hành lang dài và sạch. Phòng làm việc của thầy tôi có cái quạt trần bằng vải, ngoài cửa có một anh bé con bằng tuổi tôi vừa ngồi kéo quạt vừa ngủ gật. Trên bàn thầy tôi có cái máy đánh chữ Remington, một thứ cơ khí hoàn toàn mới lạ với tôi. Tôi tò mò hỏi máy đó là máy gì ? Thầy tôi nói đó là máy chữ. Ông cho tôi ngồi lên bàn, cho một phong bì vào máy, gõ lách tách mấy cái. Phong bì màu xanh di chuyển trên trục máy đen sì. Nhưng chữ in màu xanh đậm hiện ra trên nền giấy màu xanh nhạt. Từng chữ, từng chữ theo nhau :

Monsieur DƯƠNG TRỌNG HẢI
No 116 Boulevard de la République
HÀ ĐÔNG — TONKIN

Phong bì thư đầu tiên mang tên tôi trong đời tôi là một phong bì do người sinh ra tôi đánh bằng máy chữ. Trong phong bì không có thư, không có một chữ nào khác ngoài tên tôi, không có những lời âu yếm như — « Bố yêu thương con lắm — Bố thương con nhất đời — Với bố, con là nhất» — cũng không có những lời mong ước — « Bố mong mai sau con sẽ đỗ đạt cao, con sẽ làm quan, con sẽ hách, con sẽ làm họ ta mở mày, mở mặt với thiên hạ..» — cũng chẳng có những lời yêu cầu — « Hải, con phải có hiếu với thầy...»

Nhưng... trong phong bì thư đó, có chứa đựng tất cả những nỗi yêu thương, triu mến mà vũ trụ này có thể có. Tôi có thể tả vi vút về mọi thứ tình yêu, nhưng tôi tự thú : tôi không thể tả được một phần nghìn của thứ tình yêu đã dành đã gởi cho tôi trong bức thư không lời trong một buổi chịch mùa hạ trong Dinh Tổng đốc Hà Đông.

Có những tình yêu không thể tả bằng lời, không thể không nên và không được. Như tình yêu cha con, như tình yêu vợ chồng, nói tóm lại là tình yêu thuần túy. Tình yêu không còn gì khác. Tình yêu chỉ có thể nói được trong ba tiếng «Bố yêu con», «Anh yêu em», rồi thôi đừng nói gì hơn nữa. Bởi vì thế đã là đủ quá rồi. Bởi vì nếu khi người bố nói với con rằng «Bố yêu con» mà đứa con không hiểu, đứa con đó mai sau chắc chắn sẽ ăn mày, ăn nhạt. Khi người đàn ông nói « Anh yêu em » mà người đàn bà chưa thấy tình yêu, chưa cho là đủ, thì cũng chẳng còn có gì để mà nói thêm với nhau nữa.



Tôi chạy chơi trong Dinh — Những văn phòng lúc đó còn có người, những ông Thừa, ông Lục lạ mặt — Tôi đi ra vườn cây. Tuổi trẻ, mỗi khu vườn không phải là vườn nhà mình, là một khu rừng cấm tràn đầy bí mật và cần thám hiểm. Với một đứa bé vừa qua

mười tuổi, mỗi căn nhà lạ không phải nhà mình là một thế giới khác.

Và tôi tha thân đi chơi một mình trong vườn cây dinh Tổng đốc Hà Đông. Những lối sỏi có nhiều hòn sỏi nhỏ, vân đỏ, đen, tím lượm cầm chơi một lúc, bỏ túi để rồi lại vứt đi. Những bồn cỏ được những chú lính lệ chăm tưới mỗi chiều, tuy mùa hạ vẫn xanh tốt. Những chậu trồng cây hoa mà tôi không biết tên.

Một buổi chiều tháng hạ đó, đang đi thơ thẩn trong khu vườn vắng trong dinh tôi bỗng gặp một cụ già — Một cụ già mặc áo gấm lam — Người dong dỏng cao, hai tay dài, tóc bạc, da trắng trông thật sang và hiền từ. Ông cụ cũng đi thơ thẩn trong vườn như tôi. Thoắt thấy tôi biết ngay ông cụ là cụ Thiếu Hoàng, là người đang làm chủ tòa dinh thự này, là người chỉ huy cao cấp nhất ở đây. Tự nhiên, tôi có một thái độ ngoan ngoãn, hiền lành.

Chắc ông cụ nhận thấy vẻ ngoan hiền ấy của tôi, nên khi trẻ già gặp nhau trên lối sỏi của buổi chiều mùa hạ, ông cụ hỏi tôi:

– Cháu là con nhà ai ?

Tôi xưng tên tôi và tên thầy tôi, và nói thêm rằng tôi đi học về, vào đón thầy tôi cùng về.

Ông cụ khen ngoan, và chúng tôi chia tay nhau. Đó là lần đầu tôi gặp cụ Thiếu Hoàng và là lần duy nhất tôi với cụ trao đổi vài lời hỏi đáp. Sau đó còn một vài lần nữa tôi nhìn thấy ông cụ ngồi trong xe hơi đi ra Hà Nội hoặc từ Hà Nội về. Vài năm sau, cụ Thiếu mất. Cảm nghĩ của tôi về cụ Thiếu Hà Đông là ông cụ trông người đẹp, sang, hiền từ và bây giờ khi nhớ lại hình ảnh cũ, tôi thấy thêm là buổi chiều đó, ông cụ buồn, cô đơn.



Đối với tôi, thầy tôi là một người cha hoàn toàn về tất cả mọi mặt tình cảm.

Trái hẳn với tánh tôi : bừa bãi, tham lam, mê đắm, dễ sa đọa, lười biếng, thầy tôi sống hoàn toàn trong sạch, ông không có một tật xấu

nào, ông không cờ bạc, không uống rượu. Năm tôi 20 tuổi, tôi đã hút cặn thuốc phiện đầu tiên trong đời, hai mươi mốt tuổi, tôi đã ra vào các tiệm hút như người cặp sách đi học «cours particulier» buổi tối. Nhưng suốt đời thầy tôi, chắc ông không hề hút thử lấy nửa điếu thuốc phiện.

Thầy tôi có số sát thê kinh khủng.

Nếu tôi giống người về cung thê tử, chắc là tôi sẽ đau khổ lắm. Thầy tôi đã có 4 bà vợ trước khi gặp mẹ tôi. Cả 4 bà cùng theo nhau lấy vé tàu suốt đi về tuổi vàng sau một vài năm chung sống với thầy tôi.

Thầy tôi phải chôn 4 bà vợ, nhưng không có thời gian nào ông có vợ bé — chỉ một bà, một bà rồi lại một bà — Bà này tịch đi ông mới cưới bà khác. Anh em chúng tôi không bao giờ bị khổ vì nạn vợ nọ, con kia của bố.

Một địa danh nữa về tỉnh lỵ Hà Đông cần phải kể: Hà Đông còn được gọi là Tỉnh Đơ.

Vì thị xã nằm trên đất của làng Cầu Đơ. Làng này bao quanh thị xã Hà Đông cũng như tỉnh Gia Định bao quanh thủ đô Saigon.

Vì vậy, thị xã Hà Đông còn được, nọi là tỉnh Đơ. Chợ Hà Đông còn được gọi là Chợ Đơ.

Bây giờ là tháng mấy nhỉ ? Có lẽ cũng là một buổi chiều mùa xuân, trời ấm mát, không có mưa, không có nắng. Hai cha con tôi dắt tay nhau đi chơi trong cánh đồng làng Đơ. Khoảng cuối phố Bóp Kèn, gần nhà tôi, có một con đường đất khá lớn, xe hơi có thể chạy được, đi qua cánh đồng vào trung tâm làng đơ. Đầu kia của con đường là Chợ Đơ. Ven con đường này có một truông lớn. Mùa thu, tôi và các bạn vẫn đem cần ra đây ngòi câu cá.

Thầy tôi mặc quốc phục, gọi nôm ra là mặc quần áo ta : chít khăn, áo dài, quần vải trắng. Thầy tôi nhuộm khăn đen. Với thê hệ bây giờ ông là người cổ, ông được gọi là «người của thế hệ trước ». Ngày

thầy tôi đổi vào Nam làm việc, người ở xóm Hòa Hưng có người tưởng ông cụ làm nghề thầy cúng. Ở Saigon, chỉ có những ông làm nghề thầy cúng mới bận áo dài thâm, chít khăn đen.

Thầy tôi không chơi tennis như một số các ông Tham, ông Phán khác. Ông hút thuốc lào đánh tổ tôm, tài bàn. Thú tiêu khiển theo Âu Tây của thầy tôi là thú đi bắn chim gáy ở những làng quanh thị xã vào mùa lúa chín. Ông có khẩu súng săn hai nòng rất đẹp. Tôi còn nhớ khẩu súng đó Calibre 16, được gác ngay trên hai trạc sừng hươu giữa phòng khách nhà tôi. Trạc dưới của sừng hươu gác một thanh kiếm cổ. Khẩu súng săn bị Tự vệ Hà Đông mượn mất,

thanh kiếm về sau được mang theo đồ tản cư về nhà quê, và bị thầy tôi ném xuống ao mất tiêu.

Tôi vẫn đi theo thầy tôi trong các cuộc đi bắn chim. Tôi cầm chùm dây do nhà Chaffanjon Hà Nội bán, dùng để choàng cổ những con chim bị bắn mang về. Trong túi tôi có một số tiền các, dùng để chi cho những anh bé con đi nhặt chim. Những con chim gáy bị bắn trúng thẳng rớt vào vườn sau bụi tre, hoặc vào giữa bụi tre. Những anh bé con may tay tìm thấy chim mang ra nộp là được tôi chi cho một khoản tiền công nhỏ.

Nhưng buổi chiều mùa xuân ấy, chúng tôi không đi bắn chim. Thầy tôi đi ra đồng chơi, dắt tôi đi theo. Ở cánh đồng này nhà tôi có vài thửa ruộng cho lấy rẽ. Một bà vợ đã chết của thầy tôi là người Làng La Khê – mẹ tôi vẫn gọi bà này là bà La Khê – được mang về chôn ở đồng làng La Khê, còn ba bà kia được chôn ở thửa ruộng của thầy tôi ở đồng làng Đơ. Một năm đôi kỳ, thầy tôi đi qua thăm mộ. Và gần như lần nào cũng có tôi đi theo. Song, chẳng thấy ông thắp hương hay ngồi suy tưởng bên ngôi mộ nào lấy nửa phút.

Năm ấy tôi mười hai tuổi. Cái khiếu về âm nhạc duy nhất của tôi mới là tài thổi harmonica. Tôi còn nhớ những cây kèn Nhật thổi nặng đến nỗi xong một bài *One Day* hoặc *Biệt Ly*, *Buồn Tàn Thu* – bắt

chước tây Le, cây kèn Harmonica vẫn thường biểu diễn tại các trường tiểu học khắp các tỉnh Bắc Việt – tôi mệt vì hết hơi đến hoa cả mắt, bủn rủn cả chân tay.

Tôi chưa hề mó tay đến cây đàn banjo, cũng chưa thuộc một «nốt» nhạc nào, không hiểu vì lý do nào, tôi nghĩ rằng mai sau tôi có thể làm một nhạc sĩ nổi tiếng và tôi sẽ làm nhạc sĩ. Vì vậy, buổi chiều xuân ấy, khi thầy tôi hỏi :

– Mai sau con lớn, con muốn làm nghề gì?

Tuy còn nhỏ, tôi cũng biết đó là giây phút thật quý báu trong đời người làm con. Tôi cảm thấy tôi cần phải nói thật, dù lời nói thật của tôi có làm cho ông cụ tôi buồn, lo hoặc thất vọng. Vì không nói thật với bố trong những giây phút này, người con sẽ chẳng còn mấy dịp để mà nói thật nữa.

Trong suốt cuộc giao thiệp bố con, có thể là dài năm mươi năm, sáu mươi năm, chỉ có nhiều nhất là ba dịp bố con tâm sự với nhau là cùng.

Không do dự, không dấu diếm, tôi trả lời ngay :

– Mai sau con muốn làm nhạc sĩ.

– Nhạc sĩ ? – Thầy tôi có vẻ ngạc nhiên. Đây là lần đầu tiên ông nghe tôi thổ lộ tâm sự và thốt ra một ý muốn khác thường : muốn làm nhạc sĩ. Ông chờ đợi tôi nói những câu như : con muốn làm quan, làm bác sĩ v.v... Nếu tôi nói thế, chắc ông cụ khoái lắm.

Tôi cũng có lẽ là anh họ Dương thứ nhất tuyên bố muốn trở thành nhạc sĩ.

Sự ngạc nhiên làm thầy tôi đang đi phây phây phải đứng dừng lại. Ông nhìn tôi. Ông đang cầm tay trái tôi bằng bàn tay phải của ông, lúc đó ông cầm bàn tay trái tôi bằng cả hai bàn tay ông.

– Con muốn đánh đàn ? Nhưng... đánh đàn đâu có phải là một nghề ? Cái đó chỉ để chơi thôi đâu có thể nuôi sống được con ? Con còn có vợ con, con phải nuôi nữa chứ. Con phải học để đi làm lấy

tiền nuôi thân, nuôi gia đình, con chỉ đánh đàn để mà chơi được thôi.

Con người ta ở cõi đời này không phải cứ muốn cái gì là được cái đó, là vừa ý. 2475 năm trước năm trước năm nay có một nhà hiền triết suốt một đời vất vả đi giang hồ quanh năm mà không làm nên cơm cháo gì, tên là Khổng Khâu – ông này mãi đi liệt quốc để lập danh đến nỗi bị vợ ở nhà cho mọc sừng đau như hoạn – đã đau đớn nói ra một câu để đời «Người ta ở đời này cứ muốn việc ước muốn thì có đến tám, chín việc không được như ý».

1102 năm sau ngày Khổng Khâu nói câu đó, vị chưởng môn của Phái Tiêu Diêu ngồi lơ lửng cả 30 năm ở giữa không khí bằng cách buộc mái tóc vào sà nhà trong căn nhà gỗ thông không có cửa ra vào, chờ đợi một anh thiếu niên đẹp trai, con nhà quý phái như Mộ Dung, như Đoàn Dự bước vào để truyền thụ thần công 70 năm tu luyện, khi thấy anh nhà chùa Hư Trúc xấu trai, mũi huếch, tai vênh, mắt trố sau khi tình cờ phá giải được thế cờ thử thách ngoài sân phom phom bước vào, lại nói – «Người ta ở đời này muốn việc có tới tám, chín việc không được như ý».

Ngày xưa tôi muốn làm nhạc sĩ nhưng vì không phải con người ta ở đời này muốn cái gì cũng được. Nên dù muốn, tôi vẫn không trở thành nhạc sĩ. Đó là một ân hận trong vài cái ân hận của tôi. Đáng lẽ ra, tôi phải có điều kiện để diễn tả những tình cảm yêu thương, sung sướng, đau đớn của tôi bằng âm thanh. Những dòng chữ ghép bằng 24 chữ cái và có 5 dấu chỉ âm cao thấp này, theo tôi, yếu và giống nhau quá. Khi ta sung sướng, ta cười lên ha hả, ta kêu ầm lên. Khi ta đau đớn, ta khóc rú lên. Những âm thanh đó khác nhau biết chừng nào. Còn chữ viết không có âm thanh. Chữ viết không truyền được cho người khác những cảm giác một cách mau lẹ như người viết muốn. Chỉ ba tiếng kèn trompette, chỉ một đường tay lướt trên phím ngà piano, những âm thanh phát ra có thể làm cho các em đẹp nhất ở cõi đời này xúc động đến da thịt nổi da gà, sồn gai ốc, người co

rúm lại và tâm hồn tê tái đến són đái ra slip Scandal. Tiểu thuyết với chữ viết muốn đạt được thành quả ấy, còn mệt.

«Em yêu dấu, lẽ ra anh phải là nhạc sĩ. Thế kỷ này là thế kỷ của âm Thanh. Lòng người không đủ tĩnh để cảm thông với chữ viết. Chỉ có âm nhạc với hàng trăm âm cao thấp của nó, mới đủ để diễn tả những yêu thương, sung sướng, đau đớn của anh, của loài người và những gì chất chứa, sống và chết trong tình yêu đôi ta.

Nỗi ân hận vì mình không trở thành nhạc sĩ của anh càng tăng khi ngoài ba mươi tuổi, khi thấy mình không còn đủ thì giờ và điều kiện để trở thành bất cứ một con người nào khác con người mà mình đang là, anh đi xem cuốn phim *Jazz à Newport*, để thấy những người chơi nhạc tụ về bờ biển Newport làm một cuộc trình diễn chung. Những người nhạc sĩ ra sân khấu trông đẹp như những thiên thần. Người ca hát chỉ cốt để làm vui cho đồng loại. Người ca hát, trừ một thiểu số hạ cấp, rẻ tiền, không bao giờ làm cho đồng loại phải đau đớn hoặc buồn rầu. Đó là một việc làm xứng đáng với những tâm hồn đẹp. Một việc làm xứng đáng với anh.

Song, hôm nay, tháng này, anh đã không là nhạc sĩ, mặc dầu ngày xưa, ngay từ ngày mới lớn, chưa đến tuổi mười lăm, mười bảy, anh đã ước mơ làm nhạc sĩ. Bởi vậy, anh không thể diễn tả được tình ta bằng âm thanh, anh không thể gọi em bằng trompette, anh không thể vuốt tóc em bằng violon, anh không thể để những ngón tay anh đi lại tung tăng trên da thịt em hằng những nốt piano, anh không thể đánh đập em bằng trống, anh không thể cấu vào được em bằng violoncelle...

Vì vậy, hôm nay anh phải mượn lời nhạc của người khác để nói thêm với em, ngoài những gì anh nói với em bằng chữ viết.

Bây giờ tháng mấy rồi hỡi em?

Lênh đênh, ngàn mây trôi êm đềm

Chiều nay, nếu em đừng hờn dỗi

Trách nhau một lần thôi
Tâm hồn mình đâu lẻ đôi.
Bây giờ tháng mấy rồi hỡi em?
Anh đi tìm màu hoa em cài
Chiều nay, nhớ em rồi và nhớ
Áo em đẹp màu thơ.
Môi tràn đầy ước mơ.
Em ơi, thôi đừng buồn anh nữa....



Ngày xưa, tại sao khi mới mơ hồ biết ước mơ, khi chưa ước mơ tình yêu, chưa có bóng người thiếu nữ tóc thề, mắt biếc nào ẩn hiện trong những giấc mơ mộng tinh, tôi đã mơ làm nhạc sĩ?

Mọi ước mơ ở cõi đời này đều có nguyên do nhất là những ước mơ ta có từ ngày ta mới lớn.

Tính tôi bừa bãi, bê bối, buông thả, không thích ghép mình vào lệ luật, tôi học toán rất dở, tôi vì nó có những định luật, những phép cộng, trừ, nhân, chia, phải theo đúng, không thể muốn làm gì thì làm cũng được. Những năm đi học, cứ đến giờ toán là tôi xách cặp đi bát phố hoặc vào Cinéma ngồi.

Tôi học không khá được, không đỗ đạt được là vì tôi ghét Toán, tôi ghét sự bó buộc của nó, tôi ghét phải nhớ những con số, những phương trình.

Nhưng những giờ học về văn chương, sử địa đều có tôi chăm chỉ ngồi. Về sinh ngữ cũng vậy, tôi thích những gì liên can đến tiếng nói. Tôi thích những chuyện gì nói hai tiếng cũng được mà cao hứng nói ra 2,785 tiếng cũng được. Về văn Anh, Pháp, nếu giáo sư bắt tôi làm phân tích mệnh đề, có thể tôi bí, tôi làm sai đấy. Song, nếu bảo tôi dịch một câu văn ngoại ra văn Việt, tôi dịch lưu loát ra trò.

Tại sao tôi lại mơ ước là nhạc sĩ? Phải có nguyên do chứ? Mọi sự ở đời này đều có nguyên do chứ? Nếu chúng ta chịu tìm, nếu chúng

ta tìm đúng, chúng ta sẽ thấy nguyên do của mọi chuyện.

Nguyên do : tôi mang bản chất lãng mạn thích văn nghệ thừa hưởng của bên ngoại. Ông ngoại tôi làm thơ hay, sâu sắc, mẹ tôi là một người đàn bà có nhan sắc và tài hoa, nhưng tài hoa của mẹ tôi không nẩy nở.

Nguyên do đậm nhất là tôi bị ảnh hưởng của xi-nê. Ngoài mười tuổi, tôi mê xi-nê như mê đi bơi sông, mê đánh Ping-Pong. Mê chơi đến bỏ học. Ngoài những phim cao bồi có Gary Cooper đóng, tôi vừa được coi hai cuốn phim bất hủ, vô song diễn tả một cách lãng mạn, thơ mộng hóa cuộc đời của hai nhạc sĩ Johann Strauss và Franz Schubert.

Johann Strauss trong phim *Toute la ville danse*. Johann sống và yêu thương, hy vọng và thất vọng trước mắt tôi dưới nét mặt Fernand Gravey. Chàng nhạc sĩ đang giờ làm việc, đáng lẽ phải chép sổ lại xé giấy sổ viết bản nhạc, đến sở làm trễ, chậm bị chủ đuổi. Đó là nhạc sĩ Johann Strauss.

Franz Schubert thầy giáo tình lý, hiền lành đến nỗi bị bọn học trò con nít bắt nạt, đang viết mấy con toán nhân trên bảng đen bỗng nổi hứng ghi luôn một bản nhạc. Và cả lớp học trò ngừng phá để hát theo thầy.

Và để Thầy cũng bị mời ra khỏi trường. Thầy đói, thầy mang cây đàn ghi-ta đi cầm. Hình ảnh người nhạc sĩ mang đàn đến tiệm cầm đồ làm tôi xúc động nhiều, xúc động và nhớ : hình chàng in trên làn kiếng mờ, người thiếu nữ con nhà cầm đồ hỏi tên, chàng đáp :

– Franz... Franz Schubert...

Tôi nhớ rõ lúc chàng nói hai tiếng – «Franz... Franz...»

Cô gái nhà cầm đồ mê nhạc sĩ Franz Schubert, muốn giúp chàng có tiền nên đánh lừa ông bố – các em khi bị bà tình yêu các em thật nhảm, các em phản hết, cả bố mẹ các em là những người sinh dưỡng các em, các em cũng phản vì một thằng cha căng, chú kiết từ

đâu dẫn xác đến xuất hiện trong đời em như thường – em biên gấp năm, gấp sáu số tiền giá cây đàn đã chuyển qua «két» cho ông bố, và ông bố tin con gái, cứ thế chi tiền, làm cho nhạc sĩ nhà ta quỳnh cả chân tay lên vì thấy tiền nhiều quá.

Nhạc sĩ Franz...Franz Schubert được con gái tiệm cầm đồ yêu mê, nhưng chàng không yêu mê em cầm đồ, chàng lại yêu mê con gái nhà bá tước, một em quý phái kiêu sa, lãng mạn ra gì. Cũng như nhạc sĩ Johann Strauss được em con gái nhà hàng bánh yêu mê, nhưng lại đi yêu mê một bà công tước lắm cầm nào đó. Những sự yêu mê ngoại tình ấy làm cho đời có những bản nhạc tình bất hủ *Le Beau Danube Bleu, One Day, La Forêt de Vienne*. Nếu Johann Strauss vui và an phận bánh nhà quà vợ với em con nhà hàng bánh, chàng sẽ mập ú, má phính, bụng phệ và chàng chỉ là tác giả của một lũ tí nhau vô bổ cho xã hội. Nếu Franz Schubert an phận làm một ông chủ tiệm cầm đồ, cả ngày ngồi viết biên lai cầm cố đồng hồ, radio, tính tiền lời, cuộc đời chàng và cuộc đời này đã chẳng có những bản *Symphonie Inachevée, Ave Maria*.

Chẳng biết trong cuộc đời thật, Franz Schubert sáng tác bản nhạc *Dang Dở* ấy trong trường hợp nào – có thể như một văn sĩ cạn nguồn văn, bỏ dở một truyện viết nửa chừng – Franz Schubert cũng có thể bỏ dở bản nhạc đó vì bí hứng, nhưng ở trong phim, chàng xé bỏ đoạn cuối bản nhạc vì yêu . Chàng chỉ đờn trên piano bản *Symphonie* đó có hai lần cho người yêu nghe. Lần đầu, vì nàng bất lịch sự cười rinh rích khi chàng đang dạo đàn nên chàng ngừng ngang, lần thứ hai nàng đã có chồng, ngồi nghe chàng biểu diễn bản nhạc cũ hồi tưởng lại thời mình còn con gái, nghĩ đến tình cũ, tình bây giờ, nàng xúc động đến nổi ngắt xiu, và một lần nữa, chàng lại ngừng đờn nửa chừng.

Nhà nào có đàn, con gái sẽ dâm... Các cụ nói trúng phóc, chẳng sai câu nào. Tiếng đàn có ma lực kinh khủng thật. Đánh đàn đến nỗi

con gái nhà người ta ngắt đi. Trong giới văn nghệ sĩ, kẻ sĩ được nhiều đàn bà, con gái yêu, mê nhất không phải là thi sĩ, văn sĩ, lại càng không phải là họa sĩ, mà là các anh thầy đàn, thổi kèn, ca hát.

Vì hai cuốn phim *Toute la ville danse* và *La Symphonie Inachevée* mà sự say mơ trở thành nhạc sĩ trong tôi gia tăng. Cuốn phim thứ ba có ảnh hưởng đến tôi là phim *La Symphonie Pastorale* : một phim Nhật, tên Việt là Khúc Nhạc Đồng Quê.

Vào những năm này, Nhật chưa đảo chánh Pháp nên cuốn phim Nhật vừa kể còn có tên Pháp. Lần đầu tiên, màn ảnh Hà Nội xuất hiện một phim Nhật nghệ thuật. Trước đó, Hà Nội chỉ mới chiếu những phim, tuyên truyền đề cao Quân-đội Thiên Hoàng bách chiến, bách thắng và đánh hạ giá quân Anh – Mỹ ở Á Châu như phim « Tân Gia Ba thất thủ » v.v... Vai chánh của phim Khúc Nhạc Đồng Quê là một thanh niên thuộc loại « chân chỉ hạt bột », có tài kéo đàn cò Tây, tức Violon, được cô con gái ông chủ mê tít cứ khăng khăng đòi bố cưới chàng làm chồng.

Trên màn ảnh, cuộc sống của những chàng nghệ sĩ đẹp và phong lưu như những ông Hoàng, hơn cả những ông Hoàng, Cinéma cũng thỉnh thoảng năm thì, mười họa, lâu lâu mới có một lần – cũng đề cao cuộc sống của một anh chân chỉ hạt bột, hoặc những anh có chí thì nên, cố gắng học hành để đỗ đạt, để sáng chế ra những phát minh làm lợi cho người đời. Song, cuộc sống của những sinh anh chân chỉ hạt bột cơm nhà, quà vợ chẳng có gì gay cấn, không có một xu thơ mộng dù có được làm thành phim cũng chẳng có ma nào ưa, không hấp dẫn được ai cả, kể cả những người cơm nhà quà vợ quanh năm. Bởi vì, những anh cơm nhà, quà vợ mới là những anh ôm mộng chơi bời nay em này, mai em khác mơ thay vợ như thay áo may-ô, hơn ai hết.

Vì vậy Cinéma Âu-Mỹ chỉ chăm khai thác cuộc đời của những gã giang hồ hoặc chơi bời phóng túng. Ai cũng thích, thiên hạ đi coi chật

rap. Chẳng hạn như cuộc đời của lãng-đăng-tử Clark Gable trong phim *L'Incendie de San-Francisco*.

Trong phim *Lửa Cháy Thành Thánh Phăng- Xi-* Cô đã được xếp vào Lịch sử Điện Ảnh này, Clark Gable đóng vai một anh chủ Bar – Dancing Bar của anh có cô đào hát Jeannette Mac Donald đến trình diễn. Chủ Dancing mà kết với nữ ca sĩ thì đẹp đôi nhất rồi – đẹp đôi đến nỗi không cặp tình nhân nào có thể đẹp đôi hơn được nữa trừ hai cặp văn sĩ – vũ nữ – em ca sĩ Jeannette Mac Donald có giọng oanh vàng của Thái Thanh và cái nhan sắc của Thẩm Thúy Hằng – gái một con trông mòn cả hai con mắt – Em hát hay, em quyến rũ, em đa tình nhưng em vẫn ngây thơ, vẫn là con nhà lành, em vẫn chưa biết đàn ông là gì và em chưa biết những người đàn bà nhan sắc như em có thể làm những gì cho đàn ông. Mà anh chủ Bar-Dancing Clark thì lại là trai tứ chiếng chơi bời, phóng đãng quá cỡ.

Em yêu dấu, cũng như em đã yêu anh, cũng như em đã cho anh tất cả, cho anh nhiều hơn là anh đáng được cho, cho nhiều hơn là anh đòi hỏi, Jeannette Mac Donald nữ ca sĩ đã yêu, đã cho Clark Gable chủ Bar-Dancing như thế trong phim nhưng chủ Bar Clark Gable chơi bời, phóng đãng, khinh mạn quen rồi, anh làm cao, anh hất hủi mối tình chân chính ấy. Anh làm nàng giận, nàng hờn và khi nàng giận hờn mà nàng không làm gì được, nàng bèn « phú lĩnh », tức là nàng đi mất ..

Nàng đi rồi – cũng như em đã yêu anh và em đã giận, đã hờn, đã xa anh, em đã đi mất – chủ Bar Clark Gable lúc đó mới biết là mình đã được yêu, được mê, được cho, được hưởng và mình đã mất tất cả tình yêu lẫn giai nhân tức là chẳng còn gì hết, đến lúc đó chủ Bar Clark Gable mới thấy người đã yêu mình là quý, là thơm, là vô song, là người duy nhất, người mà anh không bao giờ có thể tìm được người khác thay thế. Đến lúc đó chủ Bar Clark Gable mới cay cú, mới thấy thấm thía lời ca «Bây giờ tháng mấy rồi hỡi em ?..»

Đến lúc đó đã là đoạn cuối của phim *Lửa Cháy Thành Thánh Phăng- Xi- Cô* rồi, và theo như cái tên phim, chém chết trong phim này cũng phải có xảy ra một vụ cháy nhà. Đúng vậy. Trong phim *Lửa Cháy Thành Thánh Phăng- Xi- Cô* không những chỉ có một trận cháy nhà mà là có những hai trận cháy nhà.

Hỏa hoạn đầu tiên ở đầu phim, cháy một khách sạn, vì vụ cháy này chàng và nàng gặp nhau. Vụ cháy thứ hai kinh khủng, rùng rợn, vĩ đại hơn. Cháy nhà vì động đất. Trận động đất, cháy nhà này tàn phá thành phố tan tành, làm cho bao nhiêu nhà đổ, hàng ngàn người chết, song có một cái hay là đó là một cơ hội để chàng và nàng tái ngộ.

Chủ Bar Clark Gable gặp lại Nữ ca sĩ Jeannette Mac Donald trong cảnh hoang tàn, đổ nát của thành phố. Em nữ ca sĩ – như 1.792.813.056 người đàn bà đẹp ở cõi đời này, mỗi khi thấy đồng loại đau đớn, thấy có đồng loại chết, bèn tự hóa thành những nữ thần an ủi. Em nữ ca sĩ Jeannette Mac Donald đa tình – giữa thành Phan-Xi-Cô còn lửa cháy ấy – đã hóa thành một thứ Di Phước dân sự săn sóc bọn trẻ nhỏ vừa mồ côi vì cha mẹ vừa chết. Di Phước thường dân Jeannette Mac Donald ấy đang hát bản Ave Maria thì đấng tử Clark Gable Chủ Bar lọ mọ tới. Nghe tiếng nàng phơ phới bay lên, thần tiên, thoát tục, chàng hốt nhiên giác ngộ, lĩnh hội được đạo lý, bèn thấy đời mình tội lỗi và chàng bèn quì gối xuống, mặt ngược nhìn lên trời. Nàng bèn biết là chàng hối hận, bèn tha thứ cho chàng và lại trở về chung sống với chàng, họ lại yêu nhau như cũ.

Phim *L'incendie de San Francisco* là một phim hay trong số những phim hay mà tôi đã được coi thời tiền chiến ở những rạp xi-né Hà Đông và Hà Nội. Tâm hồn tôi chịu ảnh hưởng những phim đó rất nhiều thật nhiều. Xem *L'appel de la forêt*, tôi muốn mai sau tôi sẽ một mình hai súng vào rừng, săn thú như Gary Cooper.

Xem *Les Aventures de Buffalo Bill*, tôi thấy chỉ có mẫu người cao

bồi bắn súng như máy, một mình lặn qua phải, tung sang trái, hạ cả năm, sáu tên cướp mới là người hùng. Xem *Toute la ville danse* và *La Symphonie Inachevée*, tôi muốn làm nhạc sĩ, xem *L'incendie de San Francisco* tôi mơ sống cuộc đời lãng đãng tử, mở một cái Bar-Dancing, yêu toàn đàn bà đẹp để rồi sau cùng kết liễu cuộc đời bằng cách kết duyên với một em ca sĩ hát hay như Thái Thanh, đa tình như Thẩm Thúy Hằng và thơm như múi mít.

Qua phim *Lửa Cháy Thành Thánh Phăng-Xi-Cô*, cũng giống như qua 27.914.012 phim lửa cháy mọi thứ thành quách, thị trấn, thủ đô ở trên cõi đời này tôi rút được một kinh nghiệm : đàn ông phóng đảng cách mấy, khi gặp đàn bà đẹp, khi gặp Tình Yêu, vẫn bị Tình Yêu cải huấn và cải hoá như thường .Và đàn ông cứ việc chơi bời, miễn là ở đoạn sau cùng tỏ ra hối hận là được đàn bà tha thứ rồi. Nhưng với một điều kiện tối cần, không có không được, là anh đàn ông đó phải có mã người, phải đẹp trai, phải hào hoa phong nhã, có đầy đủ kỹ thuật và nghệ thuật chiều chuộng đàn bà, làm cho đàn bà hài lòng.

Những anh đàn ông «cù lằn», những anh đàn ông thiếu nhan sắc, dù có ăn ở hiền lành ngay từ thuở cha sinh, mẹ đẻ, dù có chiều chuộng đàn bà hết lòng, cũng vẫn bị đàn bà chê và bỏ rơi không thèm đếm xỉa.



Đói. Rách. Những nghệ sĩ của chúng ta ở hồi đầu thế kỷ 20 này rất đói, rất rách. Văn nghệ ngày ấy chưa được kể là một thứ có thể giúp người ta sinh sống, có cơm ăn, áo mặc. Văn nghệ thời ấy chỉ là một món giải trí, có càng hay mà không có cũng chẳng sao.

Tác phẩm văn chương nào đẹp, hay và có giá trị cho bằng Truyện Thơ Đoạn Trường Tân Thanh của Thi Hào Nguyễn Du ? Bài Tình Ca nào trữ tình cho bằng Khúc Ngâm Chinh Phụ của Đặng Trần Côn – Đoàn Thị Điểm ?? Song những tác giả đó không ai được một xu tiền bản quyền bán sách. Sáng tác để cho không người đời, không đời

đồng bào mình trả lại chút nhỏ công lao nào hết. Người xưa mới đúng là làm văn nghệ thuần túy.

Nhưng đói thì đói dài, rách thì rách nát. Rách đến không còn có thể vá được. Nhà thơ Tú Xương có uống rượu uống mỗi ngày để mà là thơ là nhờ bà vợ giỏi buôn bán. Nhà thơ Tản Đà phải đi làm thầy bói. Tiểu thuyết gia Lan Khai vợ chết không có tiền làm đám ma, phải đến xin ký giấy bán trước 4 bộ truyện dài cho nhà xuất bản Tân Dân, để lấy tiền về mua áo quan cho vợ. Bị nhà xuất bản bắt bí, trả rẻ, Lan Khai cần tiền nên bao nhiêu, cũng nhận. Nhưng anh cay cú, nhưng anh thấm thía sự đẽo càng ấy, nhưng anh đau đớn, cho nên sau đó, viết tiểu thuyết trả nợ cho nhà xuất bản Tân Dân, anh chấm xuống hàng thật nhiều để cho mau đủ số trang. Chẳng hạn:

Lá rụng.

Vèo.

Nàng nhìn lên.

Trời mùa thu có nhiều mây trắng.

Gió reo...

Những trang tiểu thuyết hai, ba chữ một hàng như vậy kéo dài suốt bốn, năm cuốn tiểu thuyết viết trả nợ tiền làm đám ma cho vợ của Lan Khai.

Kết quả là tác giả, nhà xuất bản, lẫn độc giả cùng thiệt hại.

Những người chơi nhạc ở nước ta vào những năm 1930-1945, chưa sống được với đàn, địch, kèn, trống. Những nhà Bar-Dancing Hà Nội chưa có nhiều, khác toàn là Lính Tây, Lính Khố Đỏ đi giày sắt-đá nhảy cồm cộp trên nền xi măng. Nhạc là nhạc máy hát. Vài nhạc sĩ chơi đàn, thổi kèn, muốn kiếm ăn chỉ có thể đi làm cho các rạp hát cải lương. Chỉ có một số nhỏ Dancing mượn ban nhạc đến chơi vào những đêm thứ bảy, chủ nhật.

Thầy tôi đã đúng khi ông nói ngày ấy – một buổi chiều mùa xuân giữa cánh đồng làng Đơ, khi hai bố con tôi tâm sự – rằng thổi kèn,

khảy đàn, ca hát không phải là một nghề có thể nuôi sống tôi. Lời nói đó đúng nhưng chỉ đúng trong thời gian đó thôi. Sự thật của năm 1910 không còn là sự thật của năm 1950.

HAI

Từ 1940, sau khi Quân đội Phát Xít Nhật đặt gót giầy chinh phục lên mảnh đất cong cong hình chữ S nằm ven biển Thái Bình, nhiều thiên tai, hoạn nạn, bệnh não kinh khủng theo gót giầy xâm lược và theo nhau, tới hành hạ đám dân khốn khổ sống trên mảnh đất chữ S ấy.

Năm 1942, thuốc Tây không có, thuốc Tàu cũng hiếm, một chứng bệnh hiểm nghèo và mới tinh đến với dân Bắc Việt: bệnh đau màng óc.

Bệnh tật – những bệnh tật làm chết người – cũng như những tai nạn, tai họa – đến với con người ta không báo trước.

Buổi chiều, có lẽ là một chiều đầu mùa xuân, vì sau trận đau dài này, khi tình cơn mê loạn lớn nhất đầu tiên trong đời, tôi thấy tôi sống những ngày mùa hạ nắng. Buổi chiều, vào lúc 4 giờ, tự nhiên tôi thấy tôi khó chịu.

Nhà tôi có một tầng lầu. Có vườn chung quanh. Nhà có cổng, một con đường lát gạch từ cổng vào đến nhà để chiếc xe tay Omic bên nhà bếp. Đó cũng là con đường tôi dùng để dượt chiếc xe ô-tô đạp năm tôi mười tuổi. Một bên đường là vách nhà, bên kia là vườn hoa, một bệ gạch xây cao chừng 80 phân, trên có đặt những chậu hoa lan, Thầy tôi thích chơi lan và khô mộc. Tôi lại kỹ lan nhất. Ngày đó, tôi chưa thấy cái đẹp của những bông hoa lan. Tôi ghét nó vì lá nó nhọn và sắc. Đứng gần những chậu lan, mặt tôi cao bằng những ngọn lá dài và nhọn ấy, tôi dễ bị lá lan chọc vào mắt.

Buổi chiều, bốn giờ, tôi còn nhớ tôi ngồi ở bậc cửa ngách, nhìn ra vườn hoa. Cô hàng kẹo kéo đi qua, Chị Thìn – bà chị cả của tôi – mua cho tôi một xu kẹo. «Cây đớp» bị bệnh xâm lăng mạnh đến nỗi

ăn không hết xu kẹo.

Bệnh đau màng óc đến thật nhanh. Năm giờ chiều tôi vào giường nằm, sáu giờ tôi đã mê man. Hôm đó, thầy tôi có việc đi Hà Nội về muộn. Mẹ tôi lên nhà ông ngoại tôi chơi. Ông ngoại tôi, cụ Phủ Ninh, Nghiên Duy Ninh, chính quán tại làng Hòa Xá, Vân Đình, Hà Đông, cũng ở lại thị xã Hà Nội. Ông ngoại tôi có thời làm Thị Trưởng Thị xã Hà Đông, thời Nhật đã đảo chánh Pháp. Tôi chắc mẹ tôi lên nhà ông ngoại tôi đánh chẵn với các bà dì, các ông cậu tôi, bỏ tôi nằm một mình nên tôi cay cú, tôi tủi thân. Khi mẹ tôi về tới, vào buồng chỗ tôi nằm, bà nghe tiếng cậu con nức nở.

Lúc đó, tôi nửa mê nửa tỉnh, nhưng khi mẹ tôi về tới, tôi tỉnh lại hoàn toàn. Cơn tỉnh lúc ấy ngắn thôi, vừa đủ để tôi biết rằng mẹ tôi đã về tới và tôi đã được săn sóc. Tôi nhớ rõ mẹ tôi vào buồng – căn buồng lúc đó tối om – mẹ tôi vừa bật đèn điện, vừa cười nói :

– Con trai gì mà lại khóc như con gái thế... Xấu quá.. Con trai thì phải giỏi dẫn chứ...

Bà vẫn có lối nịnh nhẹ cậu con như vậy để kích thích tự ái của cậu con. Chẳng hạn như tôi lở chân hay bị sâu quầng, tôi sợ đau, mỗi lần rửa chân bằng nước ấm pha thuốc tím, chính tay mẹ tôi phải rửa và rắc thuốc vàng cho tôi. Bà vừa cầm những miếng bông gòn mỏng mỏng vết sâu quầng nổi bờ tròn trên cổ chân tôi, vừa nói ngọt như đường phèn – «con tôi gan lắm, con tôi nó anh hùng lắm..... Nó đau nhưng mà nó chịu được... Nó không khóc... »

Bà thường kể cho tôi nghe chuyện Quan Công ngày xưa đi đánh trận bị trúng tên tẩm thuốc độc vào cánh tay. Ông mời thầy thuốc tới điều trị. Ông vừa ngồi trật tay áo cho thầy thuốc cầm dao cắt chỗ thịt bị trúng tên tẩm thuốc độc, rồi dùng lưỡi dao cạo sồn sột vào chỗ xương bị nhiễm độc. Quan Công vừa đánh cờ, vừa uống rượu, thản nhiên để cho thầy thuốc nạo xương cánh tay. Bà kể chuyện Quan Công với mục đích khuyến khích tôi chịu đau. Bà còn nói đến chuyện

mai sau tôi sẽ đỗ đạt, sẽ làm quan, sẽ lái xe hơi đi chơi oai như ông Huyện Hoài.

Ông Huyện Hoài thời thơ ấu của tôi là ông Huyện Hoài Đức, ông này có xe hơi, thường tới nhà mời thầy tôi đi đánh tổ tôm. Nơi lui tới của các ông ở Thị xã Hà Đông là nhà riêng mấy ông nhà giàu dân Cự Đà. Mấy ông Cự Đà này không có chức tước hay địa vị gì trong chánh quyền, các ông chỉ là nhà giàu chịu chơi, quen giao du toàn với các ông có chức việc. Đó là các ông Hai Lâm, ông Tám Thụ v.v.

Tôi nghe không trọn câu nói của mẹ tôi. Tôi lại mê man, nhưng từ giây phút này, tôi không lo sợ nữa. Tôi đã có mẹ tôi săn sóc ở bên. Từ giây phút đó, mẹ tôi không rời xa tôi nữa.

8 giờ tối, thầy tôi về tới nơi. Ông mời ông Đốc Miên, Giám đốc bệnh viện Hà Đông tới nhà, xem bệnh cho tôi. Ông này chỉ là Médecin, tức là Y sĩ, song ở Hà Đông, người ta vẫn quen gọi ông là ông Đốc, như Docteur vậy.

Ông Đốc Miên tới nhà. Ông bảo đỡ tôi ngồi dậy, bảo tôi cúi đầu xuống cho cảm chạm vào ngực. Nhưng tôi không cúi đầu xuống được, xương cổ tôi đã cứng rồi. Triệu chứng rõ nhất của bệnh đau màng óc là nhức đầu và xương cổ cứng.

Tôi là con đầu của mẹ tôi. Tíng số bốn bà vợ trước đã đi qua cuộc đời của thầy tôi, có hai bà sinh con. Tôi có hai chị và một anh cùng bố khác mẹ. Đến ngày thầy mẹ tôi « rở rá cạp lại» – mẹ tôi đã có một đời chồng, và ông này qua đời sớm, tôi có một người anh cùng mẹ khác bố – tôi là anh con trai đầu của hai ông hà. Sau tôi toàn là em gái. Đến năm tôi đau màng óc, tôi đã có ba đứa em gái liền tù tì. Các cô Thu Nguyệt, Thu Thảo, Thu Mai.

Bởi vậy, mới có mình tôi là con trai. Cũng quý lắm. Cái tin tôi bị đau màng óc làm thầy mẹ tôi xúc động nhiều. Phải nói là cả họ tôi xúc động, cả khu phố Bóp Kèn gần nhà tôi xúc động, bàn tán.

Bởi vì vào những ngày của những năm từ 1940 đến 1945, chiến

tranh cắt đứt đường liên lạc giữa Á Châu và Âu Châu, thuốc tây hiếm, quí và đắt như vàng. Thuốc Bắc cũng hiếm, cũng quí, cũng đắt, có nhiều thứ thuốc có tiền cũng không mua được. Môn thuốc Tây được chuộng nhất thời đó là Danégan : trừ bách bệnh. Bệnh gì cũng phải dùng đến Dagénan, từ đau lậu đến sưng phổi, sưng lá lách, đau dạ dày đến sưng màng óc. Người ta làm hàng sách kiếm sống bằng cách mua đi, bán lại thuốc Tây. Người ta chỉ có thể mua được thuốc Tây ở Chợ Đen mà thôi. Người ta làm Dagénan bằng bột nếp. Trong khi đó, những con bệnh nặng đau ốm không có thuốc điều trị. Chết. Mà bệnh đau màng óc lại là một chứng bệnh nặng nhất, bệnh mới, người ta chữa mò.

Nhà thương Hà Đông – cũng giống như tất cả những nhà thương tình nhỏ ở trên cõi đời này – trước đôi mắt thơ ấu của tôi, là một khu tràn đầy bí mật và rùng rợn. Huyền bí và đáng sợ. Vì đó là một khu bệnh nảo, chết chóc. Bệnh và chết bao giờ cũng kinh tởm, cũng làm người sống sợ hãi, lánh xa. Kể cả những cái chết đẹp nhất, kể cả những cái chết của những người mình thương yêu nhất.

Đáng sợ vì Nhà Thương là nơi có người chết, có Nhà Xác, và có ma. Nhà thương Hà Đông nằm trên một khu đất lớn gần Trại Lính, sau dãy phố Bóp Kèn, sau nhà ông Ngoại tôi. Cơ sở này khá văn minh, chia ra làm từng khu. Hàng rào dây thép gai và tường gạch bao quanh. Tôi và các hạn thân của tôi rất kỵ vào nhà thương. Trong khu đó không có gì để chơi cả. Tuy trong đó có nhiều cây cối, nhiều chim, nhưng bên ngoài, thị xã cũng có nhiều khu cây cối mát mẻ hơn, chim chóc đông đảo hơn. Chúng tôi chỉ một năm đôi kỳ, xếp hàng đôi cả trường, đi vào nhà thương vạch tay áo chúng đậu và chích ngừa dịch tả.

Chúng tôi chỉ hay chơi ở con đường chạy dài bên ngoài Nhà Thương. Đường phố trong Thị xã Hà Đông thời ấy vắng xe ô-tô – chỉ có con đường chính chạy qua tỉnh, đường Bóp Kèn, là có xe hàng

chạy qua – những con đường khác cả ngày chẳng có bánh xe ô-tô nào lăn qua. Nhưng con đường trước Nhà Thương vẫn là con đường vắng xe ô-tô nhất. Cả năm chẳng có chiếc xe ô-tô nào lăn bánh tới.

Bọn thiếu niên, nhi đồng chúng tôi thường tới con đường đó tập đi xe đạp, đua xe đạp và đá bóng.

Tôi đi qua khung cổng bí thảm của Nhà Thương Hà Đông vào một đêm đầu mùa xuân. 10 giờ tối, ở tỉnh lỵ, đã là khuya lắm. Đã là đêm rồi. Luật pháp của Nhà Thương tỉnh nhỏ không cho xe cộ đi vào bên trong Nhà Thương, dù là xe tay. Mẹ tôi bồng tôi đi mãi, hun hút con đường dài tối đen đi sâu vào những khu sâu nhất của Nhà Thương. Năm đó, tôi đã mười hai, mười ba tuổi, tôi đã khá nặng rồi, tôi không còn là con nít nữa. Mẹ tôi bồng tôi nặng trĩu tay. May là đêm đó có Bà Trẻ tôi – Bà vợ kế của ông Ngoại tôi, bà trạc tuổi mẹ tôi – đi theo. Hai bà thay phiên nhau bồng tôi. Đi mãi.

Bệnh đau màng óc đã hoành hành ở tỉnh lỵ Hà Đông. Tôi không phải là bệnh nhân đầu tiên bị Thần bệnh chiếu cố đến. Trước tôi đã có nhiều con bệnh đau màng óc vào nhà thương Hà Đông và đã chết trong đó.

Bệnh truyền nhiễm, nguy hiểm và dễ lây. Người ta đặt riêng một khu cho bệnh nhân đau màng óc nằm. Một dãy phòng bệnh chung quanh có dây thép gai và lính lệ bồng súng gác cấm mọi người ra vô, trừ những thân nhân có giấy phép. Khu đau màng óc lẽ tự nhiên, được đặt ở nơi hẻo lánh nhất của nhà thương. Nó nằm ngay cạnh Nhà Xác. Phòng bệnh với Nhà Xác chỉ cách nhau một sân có chừng 30 thước.

Trong nạn dịch đau màng óc ấy, cứ 10 bệnh nhân vào Nhà Thương Hà Đông nằm điều trị, có tới 8 người chết. Số người sống là sống sót, là số chưa chết, số chỉ bị một cơn đau nặng. Vì bệnh nhân dễ chết như vậy, người ta cho bệnh nhân nằm ở sát bên Nhà Xác, để

khi chết, đưa xác xuống Nhà Xác cho gần, cho tiện.

Mười người đau chỉ có hai người sống sót, không phải sống vì thuốc mà là sống vì số chưa chết.

Trong số những sống sót năm ấy có tôi và Nàng.

Nàng – viết hoa chữ N : Nàng – Tôi kính trọng đàn bà, tôi kính trọng loài người. Nhất là những người yêu nhau.

Trong tất cả những truyện tôi viết sau này, khi tôi sống với nghề viết truyện, nuôi vợ con tôi bằng những truyện ngắn, truyện dài tôi viết đăng trên báo, hai tiếng Chàng và Nàng bao giờ, luôn luôn được tôi viết hoa. Như đó là những danh từ riêng, như đó là tên riêng của những nhân vật. Chàng tên là CHÀNG và Nàng tên là NÀNG. Một vài người bạn chỉ cho tôi cái lỗi ấy. Họ bảo tôi viết sai. Trong tiểu thuyết, chỉ có tên riêng mới viết hoa. Chàng và Nàng không phải là tên riêng của hai người, những chữ C và N phải viết thường.

Song, tôi đã viết quen rồi. Nếu đó là một cái lỗi – nếu anh yêu em là một lỗi, anh nhận lỗi đó – tôi nhận cái lỗi đó. Tôi vẫn viết hoa hai chữ C và N của Chàng và Nàng. Như tôi vẫn làm những gì tôi biết là không nên làm, như khinh bỉ đồng tiền, như lạnh nhạt với việc làm giàu, khinh bỉ bọn nhà giàu, như tin tưởng tuyệt đối vào Tình Yêu.

Như nghĩ rằng Tình Yêu của tôi và Nàng không bao giờ tàn. Như tin rằng tôi và Nàng yêu nhau mãi mãi, tôi được yêu mãi mãi.



Ngọc Diệp – Lá ngọc. Nàng đúng là một cánh lá, một bông hoa bằng ngọc.

Ở đời này, Thượng Đế ban cho loài người tiếng nói, cho tiếng nói có âm thanh, có nghĩa. Thượng Đế cho loài người thông minh và nhờ có thông minh, loài người biết làm thơ, biết đặt tên cho nhau.

Và có những cái tên tiền định. Có những người – nhất là những người con gái – giống hệt với cái tên đã được cha mẹ đặt cho từ ngày cất tiếng khóc chào đời, khi mới chỉ là một hài nhi đỏ hỏn

Ngọc Diệp được đặt tên là Lá Ngọc khi nàng chưa có một vẻ gì giống như cánh lá bằng ngọc hết. Những năm gặp Ngọc Diệp, Nàng đã là một lá ngọc, hơn nữa nàng là bông hoa bằng ngọc.

Ngọc Diệp vào nằm trong khu đau màng óc trước tôi hai đêm. Nàng tỉnh trước tôi. Khi tôi tỉnh lại, nhận thấy mình nằm trong một căn phòng lạ giữa những người lạ nằm trên những chiếc giường sơn vàng, việc đầu tiên của tôi là nhận thấy có mẹ tôi ở bên cạnh.

Mẹ tôi là một người đàn bà đẹp. Nước da bà trắng, bà đẹp nhất ở đôi mắt. Đôi mắt mà tôi cho là có đuôi dài, những lúc bà cười vui, đuôi mắt ấy hiện rõ, dài gần bằng cả con mắt của bà. Từ ngày thơ ấu lên năm, lên bảy, khi chưa biết thế nào là nhan sắc, chưa biết cả đánh vần, chưa biết ghép 25 chữ cái A, B, C vào nhau, tôi đã cảm thấy hãnh diện vì tôi có bà mẹ đẹp. Vì mẹ tôi đẹp.

Chúng ta, các bạn yêu thương cha mẹ chúng ta, tôi tin chắc, tôi hoàn toàn tin rằng các bạn, người đọc những dòng chữ này tôi viết, người theo dõi câu chuyện này tôi kể, các bạn là những người có tình, có tâm hồn đẹp, dễ xúc động. Và các bạn là những người yêu thương cha mẹ.

Bởi vì – dễ hiểu, không có gì khó đoán – nếu các bạn không như thế, các bạn đã không theo dõi, không đọc câu chuyện này, những dòng này.

Chúng ta yêu thương cha mẹ chúng ta. Khi đã yêu thương, cha mẹ chúng ta người đẹp hay xấu, tình nết tốt hay bần tiện, đối với chúng ta không thành vấn đề. Cha mẹ chúng ta xấu xí, lòng dạ nhỏ nhen, hèn hạ, chúng ta vẫn yêu thương các người như thường.

Chúng ta có thể chọn vợ, chúng ta có thể chọn người yêu – tôi không tin lắm ở quyền hạn lựa chọn này, trong tình yêu, chúng ta không có cả quyền lựa chọn. Kẻ nào lựa chọn tức là chưa yêu, hoặc chưa yêu đến tuyệt đối, chưa yêu hoàn toàn.

Tôi nói «chúng ta có thể chọn vợ, có thể chọn người yêu» với một

nửa lòng tin mà thôi. Có khi chúng ta có thể chọn, có khi chúng ta không thể chọn. Phải nhận là duyên số. Có duyên số. Có một sự xếp đặt, hẹn hò nào đó ngoài ý muốn, ngoài tầm quyết định của chúng ta. Tình yêu cũng như cuộc đời, như sự sống cái chết. Đến một ngày nào đó – giờ phút, nơi chốn, tức không gian và thời gian, địa điểm, đã được định trước rồi – ta sẽ gặp người ta yêu. Và ta yêu người đó, dù muốn hay không, dù người yêu ta yêu có làm cho ta đau đớn hay ta sung sướng. Ta phải chịu, phải nhận. Song, có một điều an ủi lớn trong Tình Yêu là trong Tình Yêu, đau đớn cũng là sung sướng. Trong Tình Yêu, ta sung sướng hay cả khi ta đau đớn, ta hài lòng, ta ghi nhận, ta biết ơn dù ta bị Tình Yêu hành hạ.

Thuở nhỏ, tôi được yêu thương, được chiều chuộng. Tôi phá, quấy, hư hỏng và nghịch ngợm láo lếu nhiều, song tôi vẫn được yêu, vẫn được chiều. Ngày thơ ấu, tôi không biết là tôi sung sướng, là tôi được chiều chuộng. Lớn lên, trưởng thành, tôi vẫn được yêu, được chiều, tôi vẫn sung sướng. Trưởng thành, tôi biết là tôi được yêu, được chiều chuộng. Song, tôi chỉ biết là tôi sung sướng – đã sung sướng – khi tôi bị khổ sở. Và khi bị khổ sở, tôi vẫn thấy tôi sung sướng.

Ngay sau năm sinh ra tôi, mẹ tôi xem bói. Một ông thầy bói có duyên nào đó – chắc chắn là thầy bói mù. 30 năm trước xã hội ta có rất ít thầy bói sáng, gần như hoàn toàn không có những ông thầy bói khách mã hiệu chiêm tinh gia, trò đoán những việc sắp xảy đến qua bài Tây chỉ là trò tiêu khiển của một số nhỏ các em Me Tây – ông thầy bói có duyên, ăn nói hợp thời đó đã đoán rằng cậu con mới ra đời của mẹ tôi là một quý tử, sau này sẽ làm nên, rất có hiếu với bố mẹ. Thầy đoán sai hơi nhiều. Song mẹ tôi tin lắm. Mẹ tôi kiêu hãnh kể lại lời ông thầy bói đó mỗi lần nói về tôi. Tôi vẫn khinh giới thầy bói, tôi vẫn gọi, vẫn viết là các «anh» thầy bói. Riêng vị thầy bói đã đoán về tôi năm xưa, tôi phải gọi là ông.

Nếu không có thầy bói nào tuyên bố rằng tôi là quý tử, chắc mẹ tôi vẫn yêu thương và quý báu, và chiều chuộng tôi như bà đã yêu thương, quý báu và chiều chuộng. Còn như, tôi biết nếu có anh thầy bói nhảm nhí, thói mồm nào nói láo rằng tôi là một thằng con mất dạy, trời đánh, bất hiếu, bất mục, bất lương phá hoại gia cang, làm xấu hổ họ hàng, làm bố mẹ nhục nhã, tôi sẽ ăn trộm, ăn cướp, hiếp dâm, ở tù, bị người ta đánh đập ngoài phố v.v... chắc chắn là mẹ tôi không tin, cho là nói láo và dấu biệt chuyện đó đi không kể lại cho ai nghe hết.

Tôi tỉnh dậy vào buổi sáng. Hình như lúc đó sớm lắm. Sáu giờ sáng một ngày đầu mùa xuân không khí còn lạnh, còn như là mùa đông. Ánh sáng trắng và loãng đục. Văn sĩ thường tả rằng ánh sáng sáng của những buổi sáng sớm khi trời lạnh có màu trắng đục như sữa loãng, Nghe thì có vẻ vẽ vờ, nhưng thực là vậy. Ánh sáng của những buổi sáng sớm nơi xứ lạnh, vào mùa lạnh, quả thật có màu trắng đục như màu sữa loãng.

Bàn tay êm đặt trên trán tôi. Tôi biết đó là tay mẹ tôi trước khi nhìn thấy mặt hà. Trước cơn mê, tôi biết có mẹ tôi ở bên tôi. Cơn mê loạn của tôi có thể dài lâu với người tỉnh, dài lâu với mẹ tôi, nhưng với tôi, rất ngắn. Qua rất mau. Vừa tỉnh lại, tôi biết ngay, nhớ ngay là tôi có mẹ tôi ở cạnh.

– Em có đói không ?

Tôi đói, tôi được ăn sữa bò. Sữa tươi đựng trong chai thủy tinh, không có đường, nhạt huyệt. Tôi vốn ghét sữa, tôi ưa ăn ngọt. Tôi chỉ gượng nuốt vài muỗng sữa nhỏ, rồi thôi không ăn nữa.

– Em có biết đây là đâu không ? Em có biết Em với Mẹ đang ở đâu không?

Anh em chúng tôi được dạy xưng «em» với thầy mẹ. Không hiểu tại sao là «em» mà không phải là con. Song tiếng «em» thật êm đềm, thật đẹp. Tiếng xưng hô nào cũng êm, cũng đẹp, nếu có tình yêu

trong đó.

Tôi nhìn quanh và lắc đầu. Lần đầu tiên tôi nằm ngủ trong một căn phòng lạ, giữa những người lạ.

Sau đó, tôi lại ngủ. Nhưng tôi ngủ không mê loạn. Mẹ tôi đã bớt lo, đỡ sợ. Nỗi lo sợ tôi chết trong lòng mẹ tôi nhẹ đi quá nửa. Bệnh đau màng óc đến nhanh và đi thật lâu, thật chậm. Người đau quá nếu chết ngay khi vừa lên cơn. Tỉnh lại là có cơ thoát. Song, phải mất 6 tháng nằm riêng một chỗ trong một căn phòng đóng kín, không được đi ra ngoài không được cả giao du thân mật với bất cứ ai. Anh em tôi không được bước vào phòng chơi với tôi.

Tôi tỉnh lại lần thứ hai vào lúc 9 giờ sáng. Nắng vàng mùa xuân ấm đã chan hòa bên ngoài. Nắng vàng của Trời đất đến với tất cả, người và mọi nơi. Những khung cửa kính phòng bệnh đục mờ cũng vàng hoe ánh nắng.

Tôi nhìn xung quanh. Phòng có hơn 10 giường, giường nào cũng có người bệnh nằm. Người theo nuôi bệnh nhân ban đêm nằm trên những chiếc ghế vải, hoặc trải chiếu nằm ngay trên lối đi. Vào giờ này, những người nuôi đi ra, đi vô, hoặc ngồi bên giường.

Đa số bệnh nhân là thiếu niên dưới 15 tuổi. Bà Thần đau màng óc dường như yêu thích trẻ con. Những anh bé con trong phòng đều là dân nhà quê. Trừ tôi ra, và Nàng.

Tôi nhìn sang chiếc giường bên cạnh – Lá Ngọc. Bà vú của Nàng đang chải mái tóc cho Nàng.

Mái tóc ấy thưa và mỏng, vì Nàng vừa trải qua một cơn bệnh khủng khiếp. Nhưng trước mặt tôi, mái tóc con gái đầu tiên ấy trong đời rất đẹp.

Ngọc Diệp đã tỉnh. Nàng đau trước tôi và nàng tỉnh trước tôi. Trong thời gian chúng tôi thoát tay Thần chết đó, có hai anh bé con đã chết trong căn phòng này.

Người thiếu nữ ấy hơn tôi hai tuổi. Năm ấy, so với tôi, nàng đã

người lớn rồi. Trong khi tôi vẫn còn là một anh bé con.

Có một tiền định trong đời tôi. Đó là việc tôi có duyên với đàn bà lớn tuổi hơn tôi. Tôi dường như chỉ yêu những người đàn bà nhiều tuổi hơn tôi, và tôi hay được người đàn bà nhiều tuổi hơn tôi yêu lại. Tôi không chịu nổi những em Lolita.

Âu Tây gọi những người thanh niên yêu thích đàn bà hơn tuổi mình là những người có mặc cảm Oedipe. Ngày xưa chàng Oedipe yêu mẹ ruột của chàng. Nhưng yêu trong tiềm thức thôi, không loạn luân và Oedipe tìm thỏa mãn cho mối tình của chàng qua việc yêu những người đàn bà hơn tuổi chàng. Có thể. Có lý.

Tôi nhìn sang Ngọc Diệp và ngắm nàng ngồi để cho bà vú nàng chải tóc.. Nàng bận bộ áo cánh trắng, quần trắng. Chắc là vừa thay y phục, vì bộ quần áo nàng còn nguyên nét ủa. Khuôn mặt nàng trái soan, đôi gò má hơi nhô cao, đôi mắt trũng xuống vì cơn bệnh vừa hoành hành. Đôi mắt đã to đen lúc thường, trông càng to và đen. Lần đầu tiên, tôi nhìn ngắm kỹ hình người con gái ngồi chải tóc.

Nàng đang ăn cam. Những múi cam Triều Châu bóc vỏ, nằm trong lòng đĩa, hồng mọng. Hôm nay, khi hồi tưởng lại những múi cam ngày ấy tôi thấy nó giống như môi đàn bà đa tình, lúc đang thềm yêu, đang chờ đợi môi người yêu gắn lên. Song buổi sáng đó, với tâm hồn trẻ thơ, với đôi mắt chỉ mới quen nhìn cỏ cây, bướm hoa và mây trắng, nước trong, tôi chỉ thấy những múi cam tươi đó gợi ý ngon và mát

Một lọn tóc rối. Chiếc lược giật hơi mạnh. Nàng hơi đau, làn môi dưới nàng trề ra tỏ dấu phản đối. Cái trề môi ấy, nếu là môi bọn em gái tôi, chắc tôi ghét lắm, tôi có thể cố thêm cho em em gái tôi mấy cái chỉ vì cái trề môi đó. Nhưng trên môi Ngọc Diệp, cái trề môi lại đẹp, có duyên làm tôi nhớ mãi. Hai mươi năm sau, tôi tìm thấy cái trề môi ấy trên môi của Brigitte Bardot.

Sau cái trề môi ấy, nàng như cảm thấy, tôi đang nhìn nàng. Nàng

nhìn sang tôi, thấy đôi mắt tôi thao láo, nàng mỉm cười với tôi. Nàng chỉ tôi nói với bà vú :

– Cậu ấy thức rồi kìa.

Nàng bưng đĩa cam dơ lên, mời tôi :

– Ăn cam không ?

Tôi cũng có chục cam để trên đầu giường với chai nước lọc, chai sữa tươi. Thấy nàng mời, mẹ tôi nói :

– Cô Diệp ăn đi. Em nó cũng có cam đây

Nàng vẫn cầm đĩa cam dơ về phía tôi đôi mắt vẫn nhìn tôi, vẫn mời. Thấy tôi làm một cử chỉ định ngồi dậy, nhưng tôi hãy còn yếu lắm mẹ tôi vội đỡ lấy đĩa cam trên tay nàng :

– Cám ơn cô.

Mối tình đầu của tôi có từ phút mẹ tôi bỏ múi cam ngọt lịm vào miệng tôi.

Và tình yêu đến trong tim tôi thật sớm. Nhưng những mối tình đầu, tất cả những mối tình đầu trên cõi đời này, đều sạch, thơm và thơ mộng. Những mối tình đầu không có chia ly, không có tan vỡ. Vì trong tình đầu, người ta không có một ước vọng nào về tương lai, không có cả sự ham muốn được gần nhau. Trong tình yêu đầu, chúng ta không có cả sự thèm muốn được yêu đền đáp Chúng ta cũng không biết là chúng ta đã yêu. Vì vậy trong tình đầu, chúng ta không bao giờ thất vọng.

Ngọc Diệp là con gái một ông Đốc Phủ người Nam Kỳ. Ông cụ ra ngoài Bắc Kỳ làm việc lấy vợ Bắc, và lập nghiệp ở tỉnh lỵ Hà Đông. Nhà Ngọc Diệp đông anh em. Nàng là con gái thứ sáu, thứ bảy trong nhà. Bà mẹ nàng đã qua đời. Ông Đốc Phủ có vợ kế. So sánh với tôi thì Diệp không được gia đình săn sóc đến nhiều.

Mỗi ngày, Thầy tôi vào thăm tôi một lần. Còn ông Đốc Phủ mỗi tuần lễ mới vào nhà thương thăm con gái một lần. Có khi cả hai tuần mới thấy ông xuất hiện.

Ông Đốc Phủ người hơi thấp. Ông bận đồ Tây, mùa hạ ông bận bộ «faux-tussor » màu mỡ gà, tay xách ba-toong. Đặc biệt tay ông luôn luôn cầm một điếu thuốc lá giả làm bằng gỗ, sơn trắng, trông như cây bút chì màu. Nơi đầu điếu thuốc lá giả bằng gỗ ấy có một chút sơn xám, giả làm tro thuốc lá đang hoàng.

Điếu thuốc giả ấy, mới trông, ai cũng tưởng là thuốc thật. Chỉ thiếu có khói. Ông nói rằng người lịch sự lúc nào tay cũng phải có điếu thuốc lá, nhưng ông hút nhiều thuốc quá không được, có hại, nên ông bày ra chuyện cầm điếu thuốc lá giả.

Ông Đốc Phủ nói tiếng Nam kỳ. Nhưng giọng nói của Ngọc Diệp là một giọng nói lai, nàng sinh trưởng ở đất Bắc mẹ nàng lại là người Bắc, nên giọng nói của Nàng có nhiều âm Bắc hơn là Nam.

Kể từ giây phút ấy, tôi sống trong căn phòng bệnh, giữa những người gần chết, sắp chết, nằm gần ngay nhà xác, như sống trên một con tàu bồng bênh trôi trên biển.

Những ngày thật êm đềm và bình thản. Tôi có mẹ tôi suốt ngày, suốt đêm ở bên cạnh, nâng niu săn sóc, nuông chiều. Tuổi thơ ấu tôi sung sướng nhất là được mẹ tôi săn sóc, chiều chuộng, được coi là người quan trọng nhất nhà.

Tôi sống không biết có những gì xảy ra quanh tôi. Tôi chỉ biết tôi đang có mẹ tôi và một cô gái xinh xắn, dễ thương sống bên cạnh. Tôi không nhận thấy có những gì bất thường, ghê rợn – những gì đặc biệt của cái chết – đang diễn ra quanh tôi. Những ngày nằm bệnh ấy, giờ đây trong ký ức tôi, chỉ còn là một chuỗi dài những ngày ngọc sáng êm đềm. Ngày cuối xuân, đầu hạ, khí hậu vẫn còn lạnh ban đêm và không nóng lắm ban ngày. Chúng tôi vẫn còn nóng sốt bất thường. Những cơn sốt nóng đột ngột đến, vừa đủ để gây lo âu, rồi từ từ đi, cho thân nhân của chúng tôi có quyền nghĩ rằng cơn bệnh của chúng tôi đang giảm dần, đang sắp hết...

Tôi được nghe mẹ tôi kể lại rằng tôi nằm mê man mất ba đêm, hai

ngày. Ngọc Diệp vào nằm đây trước tôi năm ngày, khi cơn đau của tôi đang thời kỳ nặng nhất, nàng đã tỉnh. Trong đêm đầu tiên tôi được đưa vào đây, phòng này có hai người đau màng óc từ trần. Xác chết vừa được mang đi thì tôi chiếm giường của người vừa chết.

Mẹ tôi vốn sợ ma như hầu hết những bà mẹ trên cõi đời này. Trong đêm đầu tiên ở đây, không biết nhà xí ở đâu, vào khoảng gần sáng, bà đi ra vườn thấy một căn nhà nhỏ, tối om ở góc vườn.

Yên trí đó là nhà xí, bà liền đến đó ngồi đái một bãi. Cũng may là bà lại ngồi đái ngay ngoài cửa, không cẩn thận mò vào bên trong căn nhà tối om đó. Vì đó là Nhà Xác. Sáng hôm sau, bà chết khiếp vì thấy người ta đem xác chết vào đây.

Trong tâm hồn trẻ thơ cái chết thật bình thường. Tôi đứng đung, thản nhiên với cái chết bình thường. Tôi đứng đung, thản nhiên với cái chết của cả chính tôi. Chưa biết cuộc đời này có những gì nếu ngày trẻ thơ đó tôi phải ra đi, tôi thành thơ đi. Khi đứa con nhỏ chết, người đau đớn nhất là người mẹ.

Tháng ấy, trong căn phòng nhỏ cuối nhà thương Hà Đông, tôi được chứng kiến nhiều cái chết.

Đêm khuya, tôi thức dậy vì những tiếng kêu – «...ước... ước» khô khan, sắc và lạnh vang lên trong cái âm u rờn rợn của phòng bệnh. Mẹ tôi vẫn thức. Bà nằm bên tôi vòng tay ôm mình tôi.

Tôi bàng hoàng :

– Ai kêu đó mẹ?

Đó là tiếng kêu của một anh bé con trạc tuổi tôi. Anh cũng đau màng óc. Từ làng quê xa, anh được ông bố mang ra đây cứu chữa. Anh kêu «...ước...ước» và ông bố anh tưởng anh đòi uống nước rót nước cho anh uống, nhưng anh không uống. Ông bố anh căn dặn:

– Nước hả ? Mẹ bố mày...đòi uống nước người ta rót cho lại không uống.

Anh bé con đang mê hoảng. Không ai hiểu anh đòi gì, anh muốn

nói gì qua những tiếng «ước..ước...» của anh. Gần sáng trời lạnh. Tôi nằm thu mình trong lòng mẹ. Hai bàn chân trẻ con, nhỏ bé của tôi nằm gọn trong hai đùi bà. Tôi được ngủ với mẹ đến năm lên tám, lên chín tuổi. Mùa rét, tôi được ủ hai bàn chân trong lòng mẹ. Ấm không thể tả. Đến khi tôi có em gái là bắt đầu có sự cạnh tranh. Em gái tôi chỉ kém tôi có một năm, nó đòi hỏi quyền lợi của nó đâu ra đấy.

Tôi cũng sờ tí mẹ và lẽ cố nhiên, con bé cũng sờ tí mẹ. Buổi tối, nhất là những tối mùa đông, nằm trên là chăn bông, dưới là nệm bông, mẹ nằm giữa hai con hai bên, cuộc tranh chấp sờ tí mẹ và được mẹ ủ chân diễn ra dữ dội. Một đứa tranh sờ một vú. Mẹ tôi ủ chân cho đứa này một lúc lại phải quay sang ủ chân cho đứa kia. Tôi yếu thế hơn em gái tôi. Nó có nhiều chính nghĩa hơn tôi. Nó là con gái, xã hội và pháp luật gia đình cho nó cái quyền được ngủ với mẹ.

Tôi con trai, quá 6 tuổi mà còn sờ tí là một sự bê bối cần dấu diếm. Anh em khi còn nhỏ thường ghét nhau là vì những cạnh tranh quyền lợi ấy.

Gần sáng, trong nhà thương lạnh, khi tôi ngủ say, anh bé con cùng tuổi tôi qua đời. Người ta thường nói chết là không may, thường gọi kẻ chết là xấu số, bạc phước, bất hạnh. Nhưng chắc đâu anh bé con chết năm đó đã là bất hạnh.

Buổi sáng dậy, tôi ăn bánh mì sữa. Ngọc Diệp cũng ăn bánh mì sữa. Mãi khi nắng lên, trời hết lạnh, tôi mới nhớ đến anh bé con kêu « ước... ước... » đêm qua. Nhìn sang giường anh nằm, thấy giường trống, tôi hỏi mẹ tôi anh ta đâu.

Mẹ tôi nói:

– Anh ấy khỏi rồi. Ông Đốc cho anh ấy về nhà rồi...

Tôi tin là thật. Tôi nghĩ đến ngày tôi cũng phải về nhà. Tôi không muốn về. Tôi muốn ở đây mãi với mẹ tôi bên cạnh suốt ngày đêm chiều chuộng tôi, âu yếm tôi, nói với tôi những lời ngọt ngào. Ở đây với Ngọc Diệp nằm bên, xa hẳn cuộc đời, xa sự quấy nhiễu của các

em tôi. Về nhà, mẹ tôi sẽ phải chia thời giờ lo cho các em tôi nữa chứ, tôi đâu có thể chiếm trọn vẹn mẹ tôi mãi như thế này được.

Ngày lại ngày êm đềm theo nhau qua. Từ phía Nhà Xác, cách vài ngày lại có tiếng khóc vang lên. Người chết trong nhà thương công cộng, tống táng trong Nhà Xác chung, không được khóc than nhiều. Có thể là người chết trong những nhà thương thí được những người thân yêu thương xót nhiều hơn nhưng không được khóc nhiều như những người chết ở nhà, đám ma rền rang đủ lệ bộ, có thân bằng, quyến thuộc đến phúng viếng. Khi đã mạnh đủ sức ngồi dậy được, mỗi lần nghe tiếng khóc từ phía góc vườn vắng lại, tôi vẫn ngồi lên, dựa lưng vào thành giường sắt, góc đầu nhìn qua cửa sổ.

Lần nào cũng vậy, một chiếc xe bò đậu ở cửa căn nhà nhỏ. Chiếc áo quan gỗ mộc trắng phếu được khiêng từ trong nhà ra, đặt lên xe. Người ta đẩy xe đi. Đi sau xe, sụt sùi khóc, tôi thấy nhiều lắm là ba người.

Mẹ tôi thường bắt tôi nằm xuống. Bà không muốn để tôi thấy nhiều cái cảnh đưa ma bi đát đó.

Một hôm, tôi thấy một anh bé con cũng đau màng óc vào nằm. Anh cũng trạc tuổi tôi. Dường như năm đó, Thần Đau Màng óc chỉ bắt những anh bé con trên dưới mười tuổi. Người lớn bị chê.

Anh bé mê man, anh vào nằm lúc chiều thì đến tối anh chết. Hình như bà mẹ anh đi lấy chồng khác hay sao đó nên hôm sau, tôi mới thấy bà mẹ anh tới. Một thiếu phụ trạc ba mươi tuổi ngoài. Trông khá đẹp. Bà có vẻ là người buôn bán ở tỉnh lẻ. Tôi nhớ rõ bà mặc chiếc áo trắng xố gấu, chít khăn xô trắng. Chắc bà vừa có đại tang..Bố hay mẹ chết và con bà lại chết.

Tôi nghĩ chắc bà có chồng khác vì bà không đưa con vào nằm bệnh viện như mẹ tôi đưa tôi. Anh bé chết, bà mới vào lãnh xác con đi chôn.

Quan tài anh bé được chở đi trên một chiếc xe tay. Người thiếu

phụ đi theo áo quan của con. Bà không khóc mấy. Tôi nhận thấy bà không khóc nhiều. Song, tôi nghe mẹ tôi nói chuyện với bà vú Ngọc Diệp :

– Tội nghiệp... Bà ấy không khóc được... Bà ấy cứ lặng đi thôi. Khóc không được mới thật là đau đớn.

Bà vú Ngọc Diệp đồng ý với mẹ tôi :

– Vâng... người nào khóc lớn chưa hẳn là đau đớn. Lặng đi không khóc lên tiếng được mới là khổ...

Tôi thơ ấu, mười tuổi, tôi đã để ý đến những chuyện mà những đứa trẻ khác cùng tuổi tôi không để ý.

Tôi ghi nhận : người ta đau đớn thực sự, đau đớn nhiều thật nhiều, nhiều lắm, không khóc được. Tôi ghi nhận người khóc nhiều vẫn chỉ là đau khổ vừa. Những nỗi đau đớn lớn làm vỡ gan, đứt ruột không thể thốt ra được bằng tiếng khóc nhưng trong tuổi thơ tôi chỉ biết ghi nhận vậy thôi. Tôi chỉ lấy làm lạ vì trước đó tôi vẫn tưởng rằng người nào khóc nhiều, khóc lớn là có sự đau đớn hơn những người khóc ít. Từ giây phút đó, tôi nghĩ : « Lạ nhỉ khóc ít mới là đau lòng nhiều, khóc nhiều lại là đau lòng ít ư ? »

Hai mươi năm sau – thực thể thời gian qua lâu dài và mau chóng đúng như Dutdinsey đã tả – thời gian qua mau nếu ta nghĩ nó qua mau, thời gian qua chậm nếu ta nghĩ nó qua chậm. Quan niệm về thời gian là trong tâm ta chứ không phải chính ở thời gian. Thời gian có thể co lại, giãn ra như cao su – và sự thực thay đổi theo số tuổi của con người. Có những sự thực đúng năm ta mười tuổi trở thành sai năm ta ba mươi. Và ngược lại. Có những nghi ngờ năm ta còn trẻ, còn nguyên tin tưởng ở tương lai, không còn là ngờ nữa khi ta có tuổi.

Bây giờ là tháng mấy? Cuối mùa Xuân năm 1942... Hà Đông, Bắc Việt.. Nhà thương. Tôi nghi ngờ chuyện «đau đớn nhiều không khóc được». Năm nay, tôi thấy đúng. Những nỗi đau đớn lớn làm cho

người ta không khóc được ra tiếng, không nói được thành lời. Cũng như những tình yêu lớn. Hôm nay, tôi viết nhiều về Tình Yêu của tôi, về những đau đớn của tôi, nhưng những gì tôi viết chưa được là một phần nghìn một phần triệu mối tình của tôi yêu cha mẹ yêu vợ con tôi. Có thể là vì tôi bất tài tôi chỉ diễn tả được có ít thế. Nhưng nếu tôi có tài, nếu tôi là văn sĩ, tôi cũng không thể nào diễn tả được lấy một nửa số lượng tình yêu chất chứa trong lòng tôi.

Mãi cho đến năm tôi 30 tuổi, tôi không tin ở Thần linh, tôi thích nhạo báng những tin tưởng của người khác, nhất là những người quanh tôi. Chúa Jesus, Đức mẹ Maria, Đức Phật Thích Ca, Phật bà Quan Âm ??? Là cái gì ? Để làm gì ?? Chẳng làm quái gì được người ta ?? Chẳng có quyền phép gì hết !! Tôi cóc bao giờ tin và tôi tin rằng suốt đời, tôi sẽ chẳng bao giờ phải cầu nguyện.

Tôi tương đối thành công trong cuộc đời. Hai mươi tuổi, muốn viết tiểu thuyết, tôi viết tiểu thuyết, yêu một người đàn bà đẹp, muốn ăn đời, ở kiếp với người đàn bà đó, tôi lấy được nàng làm vợ. Tôi tự cho tôi thành công, tôi không tin một sức mạnh huyền bí nào có thể ảnh hưởng đến đời sống của tôi, làm tôi sung sướng, đau khổ, hoặc có thể cứu giúp được tôi, có thể làm cho tôi bớt đau khổ.

Nhưng nghĩ vậy là lầm , nghĩ vậy là sai; là có ngày sáng mắt ra, có ngày vỡ mặt, có ngày sẽ rất đau.

Bây giờ là Tháng Năm, bây giờ là đầu một mùa mưa ở Saigon. Bây giờ cơn mưa thứ nhất vừa trút xuống thành phố Saigon này, bây giờ tôi tin là cuộc đời có số Mệnh.

– Số mệnh ! Định mệnh !

Đời có số – Người ta có số ! Câu đó người ta vẫn nói, tôi vẫn nghe – Cả ngàn ngàn lần từ giây phút biết nghe, nghe và hiểu tiếng nói. Nhưng nghe mà không nghĩ, tiếng nói trôi tuột đi không để lại một dấu vết gì, không gây ra một ý nghĩ nào.

Đời có Số – Số mệnh – không tránh được Số! Những câu rất

thường, cửa miệng, mà cũng rất thâm trầm chứa đựng nhiều. Số mệnh !! Là gì ! Có không? Tại sao ? Một triệu cuốn sách mỗi cuốn một triệu trang cũng chưa giải thích xong cái gì là Số Mệnh.

Nhưng bây giờ là tháng năm, bây giờ là đầu mùa mưa, tôi tin là đời này có Số Mệnh. Chúng ta đau khổ hay sung sướng là do Số Mệnh. Định Mệnh đã sắp đặt trước cho chúng ta sướng hoặc khổ. Chúng ta không thể tránh được. Câu nói: « Một miếng ăn, một miếng uống của con người cũng đã được định trước: *Nhất ẩm nhất trác giai do tiền định...* » nghe thì có vẻ hơi quá đáng, song thực là thế. Đúng thế.

Tôi đau màng óc, một chứng bệnh nặng, nguy hiểm giữa thời kỳ chiến tranh, thuốc Tây không có. Nhưng tôi không chết. Vì số tôi chưa chết. Trong lòng bàn tay mặt của tôi đường sinh đạo bị ngắt ngang ở gần khởi điểm. Không cần phải là thầy bói không cần nghiên cứu về chỉ tay, chỉ nhìn vết sinh đạo đứt ngang đó, tôi cũng biết rằng thuở nhỏ, tôi bị một cơn đau nặng, mười phần chết chín.

BA

Nằm trong Nhà Thương hai tháng. Mẹ tôi ở liền 60 ngày 60 đêm trong căn phòng bệnh gần Nhà Xác đó với con.

Nhà tôi ở cuối phố Bóp Kèn. Lên lầu nhà tôi, ra cửa sổ sau nhà nhìn qua một cánh đồng nhiều ruộng rau muống, thấy góc cuối cùng của Nhà Thương Hà Đông, thấy cổng sau Nhà Thương, thấy con đường đá từ đó dẫn ra Nghĩa Trang Thành Phố ở bờ sông.

Đêm tối, khu nhà thương đó tối om, có một ngọn đèn điện sáng vàng sau vòm cây. Đó là ngọn đèn điện sáng trên cửa Nhà Xác. Trong vùng bóng tối âm u ấy, tôi đã sống với Thần Chết trong hai tháng.

Nhiều buổi sáng nắng, nhiều buổi chiều xám tôi đã đứng trên lầu nhà tôi, nhìn về phía Nhà Thương và trông thấy chiếc xe bò Nhà Thương chở xác người chết đi chôn. Cách xa một cánh đồng, song tôi tưởng như nghe thấy tiếng vành sắt của bánh xe kêu cọc cạch, nghiêng ken két trên mặt đường sỏi đá.

Đứng trên lầu nhà tôi nhìn thấy khu Nhà xác Nhà Thương, tất nhiên đứng trong khu Nhà Xác đó, mẹ tôi cũng có thể nhìn thấy nhà mình.

Có những buổi chiều, mẹ tôi nhớ nhà, mẹ tôi nhớ bọn em gái tôi, bà ra cổng sau nhà thương nhìn qua cánh đồng về nhà. Chỉ vài phút thôi, bà trở lại với tôi ngay, bà nói với chị vú nuôi Ngọc Diệp:

– Nhìn thấy nhà mà không về được. Thật khổ...

Rồi bệnh tôi thuyên giảm, rồi cũng đến ngày tôi rời nhà thương trở về nhà. Bệnh dịch đã lắng, đã đi. Chuyện đau màng óc không còn là một đề tài mới lạ để nói nữa. Những người số chết bị bệnh đau màng óc đều đã chết.

Tôi và Ngọc Diệp được rời bệnh viện cùng một ngày.

Tôi không buồn, không vui. Trẻ thơ vô tư, nằm mãi lại trong nhà thương cũng được mà về cùng được. Mẹ tôi mừng và bồn chồn náo nức nhiều, tôi nghe bà nói với chị Vú :

– U có mừng vì được về nhà không chứ.... Thật tôi mừng như ở tù được thả...

Về đến nhà, vẫn chưa hết bệnh. Tôi phải «cấm cung» một thời gian khá dài. Sáu tháng.

Sáu tháng nằm một mình trong căn phòng đóng cửa «bế quan tỏa cảng, nội bất xuất ngoại bất nhập».

Chỉ có một mình mẹ tôi ra vào căn phòng đó với tôi. Nhà tôi hồi đó rộng thênh thang. Anh em chúng tôi còn nhỏ, ở không hết nhà.

Có một sự trái ngược về nhà cửa trong gia đình tôi là trong tuổi già của thầy tôi, anh em tôi có vợ có chồng có con, thì nhà chúng tôi lại chật hẹp, không đủ chỗ cho các cháu nội, cháu ngoại của Cụ chạy chơi, nô đùa. Đây là lỗi của tôi. Tôi đã không lo nổi một cái nhà đàng hoàng cho thầy tôi nghỉ ngơi khi cụ về già.

Tôi nằm một mình trong căn phòng sau. Phòng có hai cửa sổ, mở ra sân nhà sau. Tôi ngồi cả ngày bên cửa sổ, nhìn ra vườn, nơi có cây ổi Tàu thật ngon vào những mùa hè năm trước tôi vẫn leo trèo.

Anh em tôi đi học đi chơi, những tiếng cười đùa của các em văng vào phòng làm cho tôi thèm thường. Nhưng tôi vẫn ngoan, không đòi ra ngoài chơi, không khóc.

Tôi nằm «cấm cung» như vậy liền trong sáu tháng. Dường như trong tôi vẫn còn nọc độc của bệnh đau màng óc, tôi vẫn còn có thể truyền bệnh cho em tôi. Suốt thời gian đó, tôi đọc nhiều tiểu thuyết. Tất cả mọi thứ tiểu thuyết kiếm hiệp, tình ái lâm ly, dường rùng có để ở những tiệm cho thuê sách ở Hà Đông đều được mẹ tôi cho đi thuê mang về cho tôi đọc. Tôi làm bạn với ông Trọng Khang, nhân vật người hùng của tiểu thuyết Trường Đời, người chê mối tính của cô

gái nhà giàu Marie Khánh Ngọc, tôi thán phục Trọng Khang và khinh bỉ anh François Giáp bụng phệ, tôi hội họp với những chàng cha chú «tiền bối» của James Bond Điệp Viên Bí số 007 như Đoàn Hùng, Lê Phong, Kỳ Phát.

Tôi tưởng tượng đến cỏ non, nước trong, trăng sáng, giếng nước ngoài đồng, cây da đầu đình qua những trang tiểu thuyết của Tô Hoài. Tôi học nghề viết tiểu thuyết từ những ngày nằm bệnh «cấm cung» dài và qua mau ấy.

Để cho tôi vui, mẹ tôi bày ra một chuyện để quyến rũ bọn em gái tôi tới bên cửa sổ, trò chuyện với tôi giây lát.

Mỗi buổi sáng, bà mua thêm cho tôi một ổ bánh mì, một miếng chả. Tôi làm ông bán bánh mì chả cho bọn em gái tôi. Các em tôi đến cửa sổ, gọi vào «ông bán cho tôi năm xu bánh mì chả...!»

Tôi vui vẻ cắt một miếng bánh mì nhỏ xíu bằng nửa cái hộp quẹt, kèm theo một miếng chả cũng nhỏ bằng ngón tay, đưa qua cửa sổ. Ông hàng bắt đắ dĩ bán bánh tây chả thật – dù là bán ít – nhưng lấy tiền giả làm bằng giấy, khi hết bánh là hết khách. Các cô em tôi «phú lĩnh» đi chơi nơi khác. Ông “hàng” hết khách, hết cả bánh mì lại quay vào giường nằm đọc truyện.

Sáu tháng sau, tôi được ra khỏi phòng cấm. Trời cuối mùa thu rồi, tôi vẫn còn được nghỉ học. Muốn cho tôi lấy lại sức khỏe, buổi chiều những ngày trời không lạnh lắm, thầy tôi đi làm về sớm, dắt tôi đi chơi ra cuối tỉnh đi trên con đường giữa cánh đồng.

Một buổi chiều, thầy tôi hỏi tôi nghĩa vài câu tiếng Pháp – «Le Soleil là cái gì ? La Terre là gì , con còn nhớ không ?» Le soleil ... la lune?» Những danh từ đó tôi đã học rồi, và tôi đã quên – quên hết.

Quân Phiệt Nhật chỉ thắng trong hai năm 1940 – 1941. Tới năm 1942, Nhật hết tiền và bắt đầu bại. Vào năm 1943, bọn thiếu niên Hà Đông ngu si chúng tôi đã bắt đầu nói đến chuyên Mỹ thắng trận, Mỹ «đổ bộ» Phi Luật Tân, Mỹ «giải phóng» Phi Luật Tân.

Trong khi đó Tây Thực Dân bị Nhật Bản đàn áp, trên chân về tất cả mọi mặt, tự cứu vãn bằng cách phát động một phong trào vô thường, vô phạt là phong trào Thanh Niên khỏe để Phụng Sự.

Những đoàn Thanh Thiếu Niên mặc áo sơ-mi trắng, quần xanh đều được thành lập ở mỗi tỉnh. Các trường học, kể cả trường tư, đều được lệnh tổ chức các đoàn Thiếu Nhi. Các đoàn này sinh hoạt giống như Hướng đạo sinh, nhưng ô hợp và hạ tiện, kém tổ chức hơn nhiều.

Tôi trở lại trường Tự Đức của ông Giáo Kiên – ông người làng Vạn Phúc, một làng có nghề dệt nổi tiếng về mực đàn ông gan dạ hay đâm chém nhau nhất tỉnh – vào đúng lúc phong trào Sport được phát động.

Tôi nhập đoàn tập ca hát, đi cắm trại và tập thể thao một tuần hai lần ở sân vận động Hà Đông. Sân này được đặt tên là sân Yves Chatel, ông Thống sứ Sa Tiền nổi tiếng đâm đặng nhất Bắc Kỳ.

Thống sứ Chatel là quan thầy của Án sát Bùi Đường Tịnh. Vào năm này, Quan Án sát Bùi Đường Tịnh đổi về ngồi ở Hà Đông. Nhà ông ở gần nhà tôi. Ông được giao trọng trách tổ chức và phát triển phong trào khỏe ở tỉnh.

Nhờ ông, đội đá bóng tròn Hà Đông – có hai hội đá giầy đàng hoàng và đội đá chân đất – vào những năm này được nâng đỡ và là một hội đá có hạng ở Bắc Kỳ,

Tôi mê đá bóng. Trận đá giầy nào ở sân Hà Đông cũng có mặt tôi ngồi cổ võ đội nhà. Tôi nhớ những trận Hội Đá Giầy Hà Đông đá với Hội Ancre của Tây. Hai trận, trận nào cũng thua 3-1. Đó là thời «gôn» Fay nổi tiếng nhất Bắc Kỳ. Tên «Fay» về sau trở thành một danh từ chung để chỉ những tên giữ «gôn» bắt bóng dính : Thằng ấy giữ «gôn phay» không thể tả. Đó là thời Hội Bóng Tròn Hà Đông có Thọ Ve giữ gon.

Đá với Tây, các đàn anh trong Hội Bóng Hà Đông ngán, sợ – mặc

cảm đầy tớ đá bóng với ông chủ còn nặng – nên không dám xông xáo để tránh sự đụng chạm.

Tôi thấy hào hứng nhất là những trận Hà Đông đá với Hội Tuyển Sơn Tây của Tí Bờ. Lần nào cũng huề nhau 2-2. Tí Bờ lùn nhưng to bề ngang đi tả biên, chạy theo bóng nhanh xúng đáng được nổi tiếng.

Và cũng vào những năm 1943, đám thanh niên hơn tôi năm, sáu tuổi, thuộc loại thanh niên lác cắc như ông anh tôi, bắt đầu nhỏ to, bàn tán đến chuyện chánh trị, chuyện đánh nhau Mỹ–Nhật, chuyện mai sau sẽ «được» nước nào đô hộ.

Tôi còn nhớ những mẩu đối thoại đại khái :

- Mỹ đổ bộ lại Phi Luật Tân rồi... Thế nào quân Nhật cũng thua...
- Nước Phi Luật Tân ở đâu hả mày ?
- Nước Phi Luật Tân ở giữa biển... Nó nằm ở giữa nước mình với nước Mỹ. Nó là thuộc địa của nước Mỹ.
- Cũng như nước mình là thuộc địa của Tây phải không mày... ??
- Ừ . Nhưng được Mỹ đô hộ sướng hơn nhiều. Mỹ nó giàu tiền lắm. Mỹ nó không thèm bóc lột như Tây, vì nước nó giàu, dân cái gì cũng có cũng thừa, nó đem của cho dân thuộc địa...
- Ăn tiêu như Mỹ mà lỵ.... còn phải nói...giá nước mình mà được Mỹ đô hộ thì sướng nhỉ ??
- Sướng phải biết...
- Nhưng có chắc là Nhật nó thua không mày ? ...
- Thua hẳn đi chứ lỵ. Không nước nào có thể đánh nhau lại với Mỹ. Mỹ nó giàu lắm... Mỹ nó nhiều phi cơ, xe tăng, súng đạn nó có thừa, nó bán súng đạn cho cả thế giới. Nga đánh nhau với Mỹ, Nga cũng thua...

.....
.....
.....

Tôi trẻ thơ, tôi ngây ngô, tôi cứ tưởng như ông Mỹ nào cũng hào huê phong nhã như ông Clark Gable trong phim *L'incendie de San Francisco*.

Mà không cứ gì tôi, một triệu anh nhi đồng bằng tuổi tôi ngày đó, mê coi xi-nê, cũng đều tưởng Mỹ bảnh như tôi tưởng.

Có lẽ những ước vọng «chính trị cao đẹp» đó được mẹ tôi nghe thấy. Mẹ tôi ngồi trong nhà. Bọn anh tôi nói bô bô ngoài cửa nên bà nghe tiếng hết. Chắc bà nói lại cho thầy tôi biết. Nên ngay bữa cơm hôm sau, anh tôi bị ông cụ chinh :

– Mày ngu lắm. Mày không biết gì thì đừng có nói... Có ngày nó bắt, nó đánh mày khốn nạn cái thân, con ạ...

«Nó» mà ông cụ nói tới đây ám chỉ bọn Mật Thám Tây. Từ ngày ông giáo Kiên, Hiệu Trưởng Trường Tiểu Học Tư Thục Tự Đức, bị Mật Thám Tây từ Hà Nội vào khám trường, bắt, còng tay ra Hà Nội, dân Hà Đông sợ xanh mắt và những danh từ Mật Thám, Liêm Phóng, Săng tan, được dân Hà Đông khe khẽ nhắc tới luôn.

Vụ Liêm Phóng Tây bắt ông Giáo Kiên vì ông này có liên can đến một Hội Kín làm dư luận Hà Đông sôi nổi. Ông Giáo Kiên chỉ bị giữ đâu có nửa tháng.

Rồi được được thả về, ông lại dạy học như cũ. Song, từ đấy người ta thấy ông xanh xao, gầy ốm hơn trước nhiều.

Về sau, ông hút thuốc phiện và chết vì bệnh ho lao. Có lẽ ông mắc nghiện sau những trận đòn ở Sở Liêm Phóng Bắc Việt.

Ngày đó, tuy Nhật Bản đã vào Đông Dương, song các Quan Tây cũng vẫn còn quyền sanh sát với dân nó. Quan Tây chỉ nể sợ những người A-Nam nào làm việc với Nhật.

Bị mắng, anh tôi ú ớ :

– Em... em... có nói gì đâu...

Và anh tôi chối :

– Chúng nó nói đấy chứ... Em có nói gì đâu... Em chỉ nghe...

Thầy chúng tôi gắt :

– Không có chơi với mấy thằng ngốc ấy. Thấy chúng nó thì đi chỗ khác. Ranh con rửa mặt chưa sạch mà đã bàn tán chính trị... có ngày chết oan....



Nhưng ý nghĩ được «Mỹ đô hộ sừng» đã in sâu trong ý thức của tôi từ ngày đó.

Nước Mỹ, người Mỹ trước mắt lớp trẻ thơ như tôi thời ấy chỉ là nước Mỹ văn minh, có tổ chức, giàu đẹp, sung sừng, người Mỹ hào hoa, lương thiện, vui sống trên phim ảnh:

.....
.....
.....

Và trong thời gian đó, tôi đi học, đi cắm trại, đi sinh hoạt Thiếu Nhi, tôi học thuộc lòng những bài dịch các diễn văn của Thống Chế Pétain tuyên đọc bên trời Âu : Thống Chế Pétain đã nói... Le Maréchal a dit... Anh tôi của Suýp (Supérieur) học thuộc lòng các bài tiếng Tây, tôi và Nguyệt, em gái tôi của Moay Ăng Oong (Moyen Un), phải học thuộc lòng những bài Paroles du Maréchal bằng tiếng Tây ngắn hơn. Tôi và các bạn tôi ngày nào cũng gân cổ hát trước bức hình màu in Thống Chế Pétain mũ képi, râu bàn chải trắng, trước lá cờ ba sắc :

– *Maréchal... nous voilà... devant toi, le sauveur de la France...*

Những kho giấy trắng cuối cùng của Nhà Nước Bảo Hộ Đại Pháp ở Bắc Kỳ được tung ra in affiche hình Thống Chế Pétain.

Nhà in Ideo Hà Nội vừa in bích chương Pétain, vừa in tiền giấy. Tài liệu Pétain được gửi đi khắp nơi. Quá nhiều. Thầy tôi mỗi ngày đi làm về, mang theo hai tờ nhật báo Đông Pháp và Việt Cường, cùng một tập lớn in hình Thống Chế Pétain in đủ cỡ.

Người ta được lệnh phải dán hình Thống Chế Pétain ở khắp nơi. Hết chỗ dán, người ta đem hình vào dán cả trong những vách tường

cầu tiêu.

Chúng tôi hát bài *Marseillaise* một cách thật hùng hồn. Những bài hát Việt Nam được chúng tôi thuộc lòng, hát ầm ầm mỗi ngày là bài **LÊN ĐÀNG**.

Nào anh em ta...

Cùng nhau xông pha.

Lên đàng.....

Kiểm nguồn vui mới.

Ta nguyện đồng lòng ...điểm tô non sông...

Cùng nhau ca khúc...lên đàng...

Cùng những bài *Bạch Đằng Giang, Đống Đa, Tiếng Gọi Thanh Niên*, bài *Quê Tôi* của Hoàng Quý:

– *Quê nhà tôi nhiều khi nắng êm đềm*

Chạy dài trên khóm cây

Đàn chim ríu rít ca

Bao người ra ngòi hay đứng bên thềm...

Chuyện trò chung với nhau....đời sống thần tiên...

Du dương và lãng mạn hơn, chúng tôi hát những bài *Thiên Thai, Đêm Thu, Giọt mưa thu*, bài *Biệt Ly*:

– *Biệt ly ... nhớ nhung từ đây.*

Chiếc lá rơi theo heo may.

Người về có hay...

Hoặc những bài nhạc ngoại quốc lời Việt như bài được gọi là bài *Tango Chinois* :

– *Ta muốn được cùng em vui sống.*

Trong núi cao trong chiều mơ hồ...

Trong số có một bài tôi không nhớ rõ tên là gì, cho đến bây giờ tôi vẫn thấy còn nguyên mùi lãng mạn :

– *Đàn chim ríu rít ca... trên núi cao miền xa*

mang theo những nỗi buồn mộng mơ, nguồn thắm sâu đã qua....

Sông kinh châu... có con buồm trắng trắng...

Gió thu đưa dẫn người biệt ly vào cảnh sầu đó chẳng ??

Năm 1943, Quân Nhật vào đóng ở Hà Đông. Thành phố tỉnh lẻ yên tĩnh cả chục năm không có chuyện gì có dịp sôi nổi bàn tán vì tin lính Nhật đi chiếm nhà cho Quan Nhật ngụ. Vài chiếc xe hơi sơn màu đất thó loang lổ đi vào tỉnh, dừng lại trước những tòa nhà lớn. Sĩ quan Nhật đi bớt mang kiếm dài, đeo kiếng trắng, ria mép, từ trong xe ngó nhìn nhà, rồi lại đi chứng minh tin đồn trên là có thực.

Nhưng rồi Quân đội Nhật chẳng chiếm một căn nhà tư nào ở Hà Đông hết. Nhà của Pháp ở trong tỉnh thừa chỗ cho họ ở. Cơ sở công cộng lớn nhất tỉnh là nhà riêng của Thống sứ Pháp ở ngay đầu cầu bên bờ sông. Quân Nhật chiếm nhà riêng đó. Thống sứ Pháp dọn về ở một tòa nhà nhỏ hơn. Quân Nhật còn đóng ở khu chợ Trâu, sát bên chợ Hà Đông và sân vận động.

Việc Quân Nhật đến đóng ngay bên sân vận động làm cho phong trào tập thể thao của Thanh niên Hà Đông thiếu chút nữa thì chết ngúm.

Lính Nhật đứng gác trên chòi cao bên chợ Trâu nay đã trở thành trại lính, nhìn sang sân vận động thấy đám thanh niên chạy trong sân đang chạy lại nằm rạp xuống theo tiếng hò của tên chỉ huy nằm rạp rồi lại nhồm lên chạy... Đúng kiểu tập quân sự... Sĩ quan an ninh Nhật được báo cáo. Một vài vụ xét hỏi xảy ra làm nhiều người sợ xanh mặt. Án sát Bùi Đường Tịnh nhờ Quan Tây can thiệp. Không ai bị bắt, bị đánh cả, nhưng nhiều người sợ. Một số thanh niên bị bố mẹ cấm không cho ra bãi tập, trong số này có anh tôi.

Mỗi trường phải có một huấn luyện viên thể dục, ông này phụ trách dạy thể dục cho học sinh và phát động phong trào Jeunesse trong trường. Ông huấn luyện viên trường Tự Đức của tôi xuất thân từ lò đào tạo Moniteur ở Phan Thiết ra. Ngày ông mới về Hà Đông trông ông có vẻ quắc thước, cương nghị lắm. Ông có màu nước da

ngăm ngăm đen, màu da thường được nhà văn Lê văn Trương tả là «bánh mật»— màu da của Trọng Khang trong Trường Đời – mắt ông sáng, tiếng nói ông sang sảng, ông hò hét ra trò.

Nhưng ông huấn luyện huynh trưởng của tôi càng ở lâu ở Hà Đông, trông ông càng yếu đi, ông xanh xao, vàng vọt, gầy ốm ra trông thấy. Những ngày đầu ông ăn ở luôn ở trong trường với các ông giáo khác. Vài tháng sau, ông dọn va-li xuống ở một nhà trong xóm Cô Đầu Bông Đỏ.

Huấn luyện viên thể dục kiêm huynh trưởng Thiếu nhi Học đường mà nằm thường trực trong nhà cô đầu thì nhất rồi. Ít lâu sau, tôi có một tên bạn học – gã này có bà mẹ làm chủ cô đầu xóm Bông Đỏ, gã con một được mẹ chiều ra gì, song có lẽ vì gần với những trò đậm dật, gã mới tí tuổi mà đã ốm yếu xanh lét – tên bạn học này cho chúng tôi biết là ông huynh trưởng, Anh cả của đoàn Jeunesse chúng tôi nghiện thuốc phiện.

Đến những năm phi cơ bay đến thả bom Hà Nội, Bắc Kỳ chấn động. Tiếng bom rền từ Hà Nội vang vào tận Hà Đông, làm cho mặt đất rung chuyển.

Thị xã Hà Đông đột nhiên vui nhộn, đông đảo hẳn lên. Người Hà Nội tản cư về Hà Đông để tránh bom, Hà Đông được dân Hà Nội chiếu cố đến nhiều, vì Hà Đông yên tĩnh, Hà Đông không có nhà máy lớn, không có bến tàu, nhà ga xe hỏa.

Hà Đông tuy có quân Nhật đóng song cũng không có xưởng máy nào của quân đội Nhật. Số quân Nhật đóng ở thị xã Hà Đông cũng tương đối ít hơn các tỉnh khác.

Hà Đông lại gần Hà Nội. Những người có công việc làm ăn phải ở lại Hà Nội buổi tối có thể vào Hà Đông ngủ với vợ, chơi với con, sáng sớm lại ra Hà Nội làm việc.

Hà Đông chưa bao giờ đông thế. Những trường tư thục Thăng Long, Văn Lang cũng được dọn vào Hà Đông. Vào những giờ tan

học, phố Bóp Kèn đầy học sinh.

Cũng chưa bao giờ học trò lại có dịp đùa chơi nhiều học ít đến như thế. Ngày nào cũng có còi báo động ít nhất là hai, ba lần.

Theo đúng pháp luật, mỗi lần có còi báo động, học trò phải ra khỏi lớp, chạy xuống hầm trú ẩn. Nhưng ở Hà Đông, học trò chúng tôi được thả chạy ra đồng! Còi báo động rú lên là ngoài đồng đầy học trò. Chạy chơi, nô đùa, bắt chim, câu cá, bắt cào cào, châu chấu ở ngoài đồng cho hết buổi là cặp cặp về.

Bom nổ chết không biết bao nhiêu người ở Hà Nội. Nhà Đấu Xảo bị trúng bom... Không khí kinh hoàng bao trùm thủ đô. Người Hà Nội tả lại những trận bom nổ kinh khủng, người đang đi xe đạp bị bom tiện mất đầu, chết ngồi trên xe đạp mà xe vẫn chạy phom phom. Cả gia đình chết trọn vì nhà trúng bom, những xác người chết mà không có một vết thương, người dưới cống, tay chân, giăng mắc lủng lẳng trên cột điện v.v...

Nhưng Hà Đông ở gần sát Hà Nội lại không hề hấn gì. Tôi «hy vọng» được thấy máy bay Mỹ ném vài quả bom con xuống Hà Đông, bom nhỏ cũng được, gọi là có bom nổ cho bằng thiên hạ.

Tôi vẫn ấm ức vì chuyện tình tôi không bị dội bom. Tôi thấy đó là một sự thiếu thốn làm cho tình tôi thua kém các tình khác.

Phi cơ có bay qua tỉnh Hà Đông vài lần. Tôi trông thấy những chiếc phi cơ hai mình xẹt qua. Thời đó, phi cơ hai mình của Mỹ là kiểu phi cơ tối tân nhất. Nhưng phi cơ chỉ xẹt qua tỉnh thôi. Hà Đông bị phi cơ Mỹ chê. Nỗi hy vọng của tôi ngày ấy không thành sự thật.

Hơn hai mươi năm, năm 1967, phi cơ Mỹ tới dội bom lần thứ nhất xuống thị xã Hà Đông. Bản tin Télétype ngoại quốc loan rằng những phản lực cơ F.10 tới dội bom «Trại Quân» Hà Đông.

Tôi tưởng nhớ đến trại lính Hà Đông – trại lính ở sau dinh Tổng Đốc – nơi có vòm tròn lô-cốt cao vút, trên mỗi lô-cốt đặt còi báo động.

Ở trại lính này, Quân Dưỡng đã giết hàng trăm thanh niên Hà

Đông trong một buổi chiều, nơi máu Thanh niên Hà Đông chảy phí phạm chan hòa với mặt nước lụt từ đê Đồng Lao vỡ đổ về tỉnh, nơi tôi suýt chết vì đạn mousqueton của đám lính khố xanh nghe lệnh của Quán Dưỡng.

Hà Đông ... tỉnh cũ của tôi, thành phố êm vắng tôi đã sống những ngày thơ ấu, nơi tôi ra đời lớn lên, nơi kết mộng ước về tương lai . Hà Đông trong hơn hai mươi năm qua, đã chịu nhiều thay đổi, tàn phá.

Lần «tiêu thổ kháng chiến» vào năm 1946 Việt Minh cho phá hết đốt hết nhà cửa trong thị xã Hà Đông...

Hà Đông hôm nay, tháng này chắc đã thay đổi nhiều. Bây giờ, nếu trở về đi những bước mới trên những con đường năm xưa tôi đã đi, chắc tôi không còn tìm lại được một hình ảnh nào, sân vận động Yves Chatel chắc đã được cày lên thành ruộng, bến sỏi sông Nhuệ Giang, nơi tôi được Khê dậy bơi những mùa hè sáng rực ánh nắng , chắc đã được vét hết sỏi...

Nhưng Hà Đông vẫn là tỉnh cũ của tôi, tôi vẫn thương mến, vẫn tưởng nhớ đến Hà Đông như tưởng nhớ, như thương một người tình xưa không được cùng nhau chung sống. Như Bất Bạt, Sài Sơn, Sông Đáy, Phủ Quốc Oai là của Trần Quang Dũng, Hà Đông là của tôi, bom đạn và thời gian không thể làm cho Hà Đông trong lòng tôi thay đổi.

BỐN

Paroles du Maréchal Pétain adressé aux jeunes écoliers de France et Indochine.

– Si je désirai vous parler aujourd’hui au moment où vous commencez l’année scolaire, c’est pour que vous sachiez que je compte absolument sur vous pour reconstruire la France.....

Học sinh Bắc Kỳ học thuộc lòng những bài diễn văn như trên của Thống Chế Pétain, do lệnh của Nhà Nước bảo hộ.

Bộ máy tuyên truyền của Toàn Quyền Decoux học được phương pháp suy tôn lãnh tụ trở thành siêu nhân, thành thần tượng của Himmler, người phát động phong trào suy tôn Hitler của Đức Quốc Xã.

Nhưng vào thời này, Pháp Quốc ở quá xa Đông Dương, đường giao thông lại bị cắt đứt, những chuyên viên phụ trách việc suy tôn Pétain ở Đông Dương không có nhiều tài liệu để tuyên truyền.

Thanh niên học sinh Đông Dương không thể thông cảm được những lời kêu gọi của một ông Tây Già nào đó ở tít tận bên trời Âu xa thăm, một xứ mà những anh trẻ tuổi hay đọc tiểu thuyết được nhìn thoáng thấy qua một cuốn truyện *Dưới Rặng Thông* của Nguyễn Dân Giám, viết lại mối tình của một thanh niên lính thợ Việt Nam đầu quân sang Pháp và được một cô đầm Pháp yêu thương Yvonne – Tuyết trắng – Nước mắt và da thịt đầm.

Bài diễn văn của Thống Chế Pétain đọc nhân dịp khai trường ở Pháp, suốt bài không có một chữ nào đá động đến Đông Dương,

Chuyên viên tuyên truyền của Toàn Quyền Decoux ghi thêm câu nối đuôi *...et d’indochine*. «Paroles du Maréchal Pétain adressé aux jeunes écoliers de France et d’Indochine» để tạo một chút liên lạc

dây mơ, rễ muống.

Những buổi sáng chào cờ, học trò xếp hàng trước hình Thống Chế, đồng ca bài «Maréchal, nous voilà....» rồi dơ tay chào và hô to như vệt:

– Vive le Maréchal....

Đây là lần suy tôn thứ nhất trong thế kỷ 20 ở Việt Nam. Trước đó nhiều thế kỷ nước ta có một lần suy tôn.

Đó là Vua Lê Lợi khởi nghĩa ở Lam Sơn. Quân sư Nguyễn Trãi nghĩ ra cách dùng mật viết những chữ “*Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần*» lên lá cây rừng cho kiến rừng ăn mật đục thủng lá cây thành chữ. Lá rơi xuống, dân chúng lượm được, cho là chữ của Trời viết.

Chưa đầy 5 năm sau ngày đám học sinh thiếu niên đứng phưỡn ngực trước lá cờ ba sắc, giơ tay hô lớn «Vive le Maréchal...» , cũng lại đám thiếu niên ấy, vẫn chưa trưởng thành, chưa thành người lớn, sánh vai nhau bước đều theo nhịp trống ếch, đi diễu trong các phố, cất tiếng hát:

– Ai yêu bác Hồ Chí Minh hơn các. em nhi đồng. ? ?

– Bác chúng em... mắt như sao, râu hơi dài...

Chưa quá 10 năm sau, cũng lại đám trẻ con ấy – những tên sống sót qua chiến tranh, qua những ngày kháng chiến ở hậu phương, đụng chạm với cái chết ở Đường số 5, Đường số 6, bị vi trùng sốt rét tàn phá cơ thể và tinh thần ở Việt Bắc, những tên sống sót trở về thành, lại phải nghe ca hát suy tôn ở miền Nam – «Toàn dân Việt Nam nhớ ơn Ngô Tổng Thống... Ngô Tổng Thống .. Ngô Tổng Thống muôn năm».

Nhưng những tên sống sót ấy – trong số có tôi, kẻ viết truyện dài này – đã chán ngấy vì bị đánh lừa nhiều rồi. Chúng tôi đã trở thành – không phải là chai đá, cũng không phải là chán chường, lại càng không phải là dạn dày như những người đàn bà làm đĩ đến giai đoạn trở thành đĩ lừa, vì chúng tôi không đánh đĩ, chúng tôi chỉ bị lợi dụng

– tôi bắt buộc phải dùng vài chữ tiếng Pháp để diễn tả tình trạng tinh thần của chúng tôi: Chúng tôi đã trở thành «blasé, cynique», chúng tôi đã thấy quá nhiều, đã ngấy đến mang tai những trò suy tôn.



Bom nổ, người chết, nhà đổ... Dân chúng Bắc kỳ, trong số có cha mẹ tôi, than vãn vì chiến tranh. «Bom đạn đến thế này là cùng?»

Các cụ nói đến những câu Sấm «khôn cũng chết, dại cũng chết, biết thì sống...» và «Thế gian chết bấy, còn ba. Đến khi vua ra, chết hai còn một» để chứng minh rằng thời kỳ này là thời kỳ dân Việt Nam phải chết nhiều nhất.

Bom đạn ấy, người chết ấy chưa thấm thía vào đâu với số bom đạn nổ trên đất nước ta sau đó, với số đồng bào ta chết vì đói và vì hai mươi năm ròng rã chiến tranh.

Nhưng trong cuộc sống thiếu nhi, những giờ báo động ôm cặp sách, bỏ lớp học, chạy ào ra đồng thật là thú vị. Tôi thường tìm vào những bờ ao vắng, những góc đình trang nghiêm có những gốc ngô đồng lớn, mỗi lần gió thổi lá reo ào ào ngồi đọc tiểu thuyết.

Mặc cho bom đạn rơi, cuộc đời nếu kéo mãi như thế này cũng không sao, càng thích.

Vui nhất là nhà tôi lúc nào cũng vui đông như những khi nhà giỗ Tết. Chị tôi đem cháu từ Hà Nội tản cư về. Các bác, các cô tôi cũng từ Hà Nội về tạm trú tại nhà tôi. Bữa ăn nào cũng linh đình như đại tiệc. Ai nấy cười nói vui vẻ. Mọi người đều dễ tính. Khoái nhất là bọn trẻ con chúng tôi, ai cũng chiều, chúng tôi không bị mắng không bị xét nét.

Dân Hà Nội đi đâu, các gánh hát cải lương đi theo đến đó. Hà Đông có một rạp hát và đêm ngủ đường đầu tiên trong cuộc sống giang hồ của tôi xảy ra vào một đêm cuối hạ, đầu thu, khi gánh Ái Liên lưu diễn tại thị xã Hà Đông.

Rạp hát do Cậu Tư Thiêm làm chủ nằm trên phố Bóp Kèn, cách

nhà tôi chừng ba trăm thước. Buổi tối, tôi thường lảng vảng ở khu đèn điện sáng trưng này.

Mới lớn, tôi đã có nhiều đam mê, tôi đã nhiều tưởng tượng. Tôi bị cuộc sống trong những cuốn tiểu thuyết, trên màn ảnh quyến rũ. Và tôi mê say ánh sáng của sân khấu cải lương.

Vì đoàn Ái Liên lưu diễn ở Hà Đông quá lâu, bọn thanh niên du đảng Hà Đông có thì giờ gia nhập đoàn. Một số thanh niên Hà Đông được nhận vào làm gác cửa, xé vé, đưa ghế và đi trên xe kéo, đánh trống, gõ phèng la đi quảng cáo cho những vở tuồng mới.

Tôi nhìn bọn đó bằng đôi mắt thèm thuồng. Tôi muốn được như họ, nhưng bọn thanh niên du đảng ấy đều là con nhà hạ tiện, chúng dễ dàng đi theo cải lương. Còn tôi, tôi muốn nhưng không dám bỏ nhà đi theo gánh.

Những buổi tối cuối hạ, đầu thu, thành phố tỉnh nhỏ có một màu tím, trước nhạt rồi sẫm dần và sau cùng, trở thành bóng tối.

Mùa hè tôi và các bạn tôi buổi tối quen ra ngồi hóng mát trên thành cầu sông Nhuệ. Cầu ở đầu tỉnh, ngang bến xe điện. Gió mát thổi lồng lộng.

Chúng tôi ngồi trên thành cầu nói chuyện nhìn người qua lại.

Rồi đến những ngày mùa hạ đã tàn. Trời buổi tối không còn nóng bức lắm nữa. Chúng tôi vẫn quen ngồi trên cầu mỗi buổi tối.

Vào một buổi tối không gian màu tím ấy, ngồi trên thành cầu, tôi trông thấy hai kép hát Huỳnh Thái và Phong Trần Tiến đi ngang. Hai anh từ Hà Nội vào; vừa xuống tàu điện và đi bộ xuống xuống rạp hát.

Hơn hai mươi năm trước, trước cuộc chiến tranh 1946, trước những ngày đi lưu diễn ở Đồng Quan, Cống Thần, Huỳnh Thái đang thời phong độ nhất. Thái bận bộ complet tropical màu xanh lá non.

Phong Trần Tiến bận bộ complet màu gris-perle. Hai anh mang trên đầu hai cái «mão» Fléchet. Họ sánh vai thong dong đi ngang mặt tôi. Trước mắt anh con trai mới lớn còn phải xin tiền mẹ để mua mỗi

tuần một cái vé xi-nê Troisième, tức là hạng bét, ngồi ghế dài bằng gỗ, cách màn ảnh mười tám thước, hai anh kép hát tối đó là những người ăn diện đẹp nhất, hào hoa nhất.

Tôi nhìn họ bằng đôi mắt tưởng tượng đến hình ảnh của tôi mai sau.

Tối đó, tôi nghĩ : bao giờ mình có tiền để may những bộ complet hách như thế này ?? Cũng như những lần ra Hà Nội, đi lang thang ở Hàng Đào nhìn tủ kính. Thấy những người đàn bà đẹp Hà Nội phây phây, nõn nà đi trong nhung lụa, tôi tưởng tượng da thịt họ mát và thơm như mùi những trái đào Hồng Kông, tôi nghĩ : Mai sau mình sẽ làm gì có tiền để có thể ôm ấp, yêu đương, với những người đàn bà đẹp, thơm như thế này ??

Tôi thèm muốn được gia nhập đoàn hát Ái Liên như bọn thanh niên du đãng Hà Đông thời ấy. Nhưng tôi không dám thoát ly gia đình.

Những buổi trưa, tôi thường vào rạp xem đào kép tập tuồng. Tôi chưa đến tuổi mê đào hát. Tôi chỉ bị cuộc sống náo động, xô bồ ở rạp hát quyến rũ. Tối nào tôi cũng quanh quẩn trong khu đèn đóm sáng trưng, trống chiền ầm ĩ trước cửa rạp hát.

Thấy anh em tôi đi chơi tối hơn nhiều, lại bảo không được, một tối mẹ tôi dặn con sen không mở cửa khi anh em tôi đi chơi về nhà.

Ý bà cũ chỉ định dọa cho sợ thôi. Đứng năn nỉ thì sau đó, bà cụ lại ra mở cửa cho vào ngủ, kèm theo một chậu sỉ vả.

Khuya ấy, chừng 9 giờ tối thôi nhưng tỉnh lý 9 giờ tối đã là khuya rồi, tôi từ rạp hát về nhà. Đập cửa, con sen nhà tôi nói qua cửa sổ:

– Cậu đi chơi quá. Bà bảo không được mở cửa. Cậu đi đâu ngủ thì đi.

Anh tôi đứng lại năn nỉ, còn tôi «oai hùng» đáp:

– Không mở cửa, không cần, đi luôn.

Tôi đi trở ra cửa rạp hát. Tôi còn ngâm thơ và ngu ngốc đến cái độ

tôi yên trí rằng cửa rạp hát, với những hàng phở, hàng nước, cam quýt, với cả cái xã hội người ngợm hoạt động linh đình ấy, cứ sống vui nhộn như vậy suốt đêm.

Nếu người ta đông vui như thế, tôi cần gì ngủ. Tôi sẽ sống với họ đến sáng mai. Tôi không ngờ đến giờ tan hát, thiên hạ ra về hết đèn tắt tối om. Đường phố vắng tanh không còn một bóng ma.

Đêm khuya rồi, tôi không dám về nhà đập cửa nữa. Tôi tìm đến hàng hiên một nhà, nằm lên bậc cửa, cố ngủ.

Đêm ngủ «giang hồ vật» thứ nhất trong đời tôi trôi qua chập chờn.

Quen ngủ ấm, tôi không chịu nổi cái lạnh của trời đêm, nhất là lại nằm lộ thiên không gối. Trời càng về sáng càng lạnh. Tôi không thấy hối hận vì chuyện không năn nỉ để vào nhà. Tôi chỉ chịu không được lạnh.

Vào khoảng 4 giờ sáng – tôi nằm nghe những tiếng chuông đồng hồ quả lắc từ trong các nhà quanh đó theo nhau điểm boong boong – tôi thấy có người hoạt động trong dãy phố vắng. Có mỗi một người. Và người đó là ông đồ thùng.

Những ông đồ thùng đặc biệt của xã hội Bắc kỳ những năm trước 1946, trừ những nhà Tây lớn có cầu tiêu hầm, nhà nào cũng giải quyết vấn đề tiêu hóa bằng cách đi tiêu vào những thùng sắt tây – thường là sơn đen, có hai tai quai để móc dây vào gánh – mỗi sáng sớm, có người đến đập cửa âm ầm, kêu «Đổi thùng... Đổi thùng».

Những em Mari Sến ngái ngủ, mắt nhắm mắt mở ra mở cửa. Nhà nào có lối sau hay cửa riêng đi còn đỡ, nhà nào mà nhân vật đổi thùng phải đi qua nhà thì khổ vì uest khí đến năm bảy phút.

Nghe tiếng gọi «đổi thùng», tôi chợt nghĩ ra một chuyện. Rồi chỗ nằm, tôi đi về phía ánh đèn leo lét nơi cuối phố. Đó là ngọn đèn dầu treo trên đầu gánh phân.

Ông đồ thùng đang ngồi phì phèo hút điếu thuốc lá tổ sâu quần lấy khi tôi đến gần. Tôi chỉ tay về phía nhà tôi và hỏi ngay ông ta:

– Ông có đổi thùng nhà kia không?

Qua ánh đèn dầu leo lét, vàng vọt, tôi thấy người đàn ông gầy gò, gật đầu.

Tôi lại hỏi :

– Thế ông đã đổi thùng nhà đó chưa ?

Ông ta lắc đầu.

Tôi gọi:

– Bây giờ... ông gọi cửa đổ nhà đó đi. Nhà tôi đây mà. Cho tôi về mấy...

Ông ta bằng lòng ngay, không hỏi han tôi nửa câu. Tôi theo ông đổ thùng về trước cổng nhà tôi.

Ông đập cổng đùng đùng. Chó trong nhà tôi sủa ran. Con Sen nhà tôi mắt nhắm, mắt mở ra mở cửa.

Tôi theo chân ông đổ thùng vào nhà, lên lên gác, chui vào giường nằm ngủ một giấc ngon lành.

Trong lúc ngái ngủ con sen nhà tôi cũng không thấy tôi lên vào nhà.

Mẹ tôi tưởng rằng tôi lên nhà ông ngoại tôi ngủ. Bà không ngờ tôi có đủ can đảm để nằm ngủ ngoài đường.

Đến sáng, bà cũng không biết là tôi đã lọt vào nhà từ đêm, khi bà lên nhà ông ngoại tôi để tìm, tôi vẫn còn ngủ ngon trên lầu.

Từ ngày đó tôi «nổi danh» trong gia đình là thằng sống ngoài vòng gia pháp, một thứ «du đảng trong gia đình», một thằng mà sau này, «sự bê bối sẽ không biết đến thế nào là cùng». Như để giảm bớt cái «uy danh du thủ, du thực ngủ đường, ngủ chợ» của tôi, mẹ tôi đành hạ giá tôi bằng cách bảo các em gái tôi «gọi nó là thằng đi theo bọn đổ thùng...» Và «... Mà đi theo ai chớ đi theo những thằng đổ thùng thì còn khá làm sao được..»



Và cuộc đời tôi, với đêm ngủ đường đầu tiên không trọn vẹn, để

rồi phát lén lút về nhà theo chân ông đổ thùng phân, như sự tiền định báo trước rằng những cuộc ra đi, những chuyến thoát ly mai sau trong đời tôi sẽ không ra gì. Những chuyến thoát ly không trọn vẹn.

Đêm đầu tiên đó, chỉ còn cố gắng một chút nữa thôi, tôi đã sống qua được một đêm ở ngoài đường, tôi đã thành công, tôi đã thắng – 10 phần đường, tôi đã đi hết 8 – 10 giờ đêm, tôi đã ngủ đường được 8 giờ. Chỉ còn một chút nữa là xong, nhưng tôi vẫn thua.

Trở về nhà đêm ấy, lén lút trở về, tôi đã thua. Thua với người không sợ, nhưng tôi đã thua với chính tôi. Đó mới là điều đáng kể.

Trở về như vậy là đầu hàng. Tôi đã đầu hàng trong việc làm liều đầu tiên. Tôi đã đầu hàng nhiều lần, gần như tất cả mọi lần, tôi liền sau đó.

Tôi có máu giang hồ lãnh tử tử thuở nhỏ. Tôi có mộng hải hồ, tôi thích phiêu lưu, mạo hiểm, tôi không muốn sống cố định. Nhưng không phải bất cứ việc gì người ta muốn cũng có thể xảy ra. Con người ta ở cõi đời này cứ 10 việc thì có đến bảy, tám việc không được như ý – Khổng Phu Tử đã nói như thế – Và đúng – Tôi muốn sống đời giang hồ nhưng không toại nguyện.

Đời tôi bị trói buộc vào gia đình. Đi đâu rồi tôi cũng trở về sống quanh quẩn trong gia đình. Tôi như một cô gái ngoan thời phong kiến : còn nhỏ ở nhà với cha mẹ, trưởng thành lấy vợ , sống theo vợ, theo con.

Tính tôi bông lông, hay thay đổi nhưng khi yêu, tôi lại chỉ yêu, chỉ chung tình với mỗi một người đàn bà. Có điều đáng kể là đến năm này, tháng này, ngoài ba mươi tuổi, tôi hài lòng với sự chung tình ấy, tôi chỉ muốn yêu có một người đàn bà ấy mà thôi.



Thầy tôi thuộc phái cổ, cụ bạn y phục ta: đội khăn, áo dài. Mùa hạ áo dài the, mùa đông áo đoạn, áo sa, ngày Tết áo gấm. Thầy tôi thích chơi lan và đồ cổ. Phòng khách của nhà tôi có sa-lông Tàu, hoành

phi, câu đối, có đĩa bát cổ, có sập gụ và có cái tủ chè.

Cái tủ chè thời thơ ấu của tôi được kê sát tường, dưới tấm hoành phi sơn son, thép vàng lớn nhất nhà và sau cái sập gụ. Phần giữa tủ lồng kính, trong cũng bày bát đĩa, lọ cổ. Hai đầu tủ là hai ngăn tủ gỗ, cánh cửa tủ khảm xa-cừ. Một ngăn là tủ...riêng của thầy tôi, ngăn bên kia là tủ riêng của mẹ tôi.

Tôi có một kỷ niệm thơ ấu với cái tủ chè của ngày tôi còn bé, một kỷ niệm không bao giờ phai mờ. Ba mươi năm sau, khi ngồi viết lại kỷ niệm này, tôi như vẫn thấy hiện ra trước mắt cánh cửa tủ màu nâu gụ gần là màu đen nhánh, những mảnh xa-cừ nhiều màu óng ánh xanh hồng. Những tay thợ khảm lành nghề trong khu kỹ nghệ Hà Đông, một cơ sở tiểu công nghệ do cụ Tổng-đốc Hoàng Trọng Phu thành lập có sự giúp công của thầy tôi, đã làm riêng cái cái tủ khảm đó để tỏ lòng biết công của thầy tôi. Những mảnh xa-cừ hợp lại trên đó thành một phong cảnh sơn thủy nhỏ, có cành liễu rủ bên hồ nước, có cây cầu gỗ, có đàn ngỗng lội dưới hồ. Tôi nhớ nhất ngăn tủ chè đó vào một chiều cuối mùa thu...

Một buổi chiều cuối mùa thu năm tôi mười hai tuổi. Năm đó, tôi đã nghịch ngợm nhiều trò ra gì. Tôi đã lén đi tắm sông, đã lội được qua sông Nhuệ. Tôi đã có tật mê đọc tiểu thuyết, tôi đã ôm mộng mai sau trở thành văn sĩ, nhạc sĩ, tài tử xi-nê-ma như Gary Cooper, như Clark Gable, và thành thám tử như Đoan Hùng...

Và năm đó tôi đã có, nói là tôi đã “mắc” đúng hơn, cái tật ăn cắp hơi nặng. Tôi không nhớ rõ tôi bắt đầu ăn cắp tiền trong trường hợp nào. Chỉ biết rằng thoát đầu, tôi chờ thầy tôi đi làm về ăn cơm xong, nằm ngủ trưa, tôi mò vào đầu giường, móc trong cái túi đựng cái đồng hồ quả quít Oméga của ông lấy mấy xu ông để sẵn trong đó để tiêu vặt. Tôi lấy tiền trước hết là để ăn quà vặt, rồi sau đó, đi xi-nê, đi ra Hà Nội tới hàng bán sách ở Bờ Hồ mua tiểu thuyết.

Những ngón tay nhón tiền của tôi trở thành thói quen. Thói quen

lan đến cả bàn tay. Cái túi nhỏ đựng đồng hồ của thầy tôi không chứa đủ tiền để thỏa mãn nhu cầu ngày một tăng của tôi. Tôi bắt đầu nhòm ngó đến nơi để tiền chợ của mẹ tôi.

Mẹ tôi để tiền chợ trong ngăn tủ chè của bà. Trong đó vài ve nước hoa, vài món nữ trang, một số thư từ, hình ảnh. Và một hộp đựng đồ trang điểm mà mẹ tôi gọi là hộp phấn. Trong hộp phấn đó, bà luôn luôn để chừng năm bảy chục, một trăm đồng bạc để sáng sáng, bà mở tủ lấy tiền đưa cho người ở đi chợ.

Cái tủ chè của mẹ tôi có khóa, có chìa mở đàng hoàng, nhưng khóa tủ chè là một cái gì dễ mở nhất trần đời. Chỉ cần lựa một cái chìa khóa tủ chè khác, giống giống như nó, hễ cho vào lọt ổ khóa là mở tóach, được liền. Mười hai tuổi tôi đã biết tìm đến hàng bán khóa ở Phố Chợ, hỏi mua cái chìa khóa tủ chè, mở thử. Tôi chỉ cần dùng cái dũa đưa qua, đưa lại vài đường là cái chìa khóa riêng của tôi đã mở được khóa tủ chè của mẹ tôi.

Cánh cửa tủ mở êm. Những tờ giấy hai mươi đồng màu xanh nằm trong hộp phấn. Tôi bạo tay nhón một tờ hai chục mỗi lần lén mở tủ. Cuộc đời tôi đi vào một chu kỳ tội lỗi, sợ hãi. Từ ngày bắt đầu cuộc ăn cắp tiền của mẹ, lúc nào tôi cũng lo âu sợ mẹ tôi khám phá ra tội trạng. Một cái nhìn, một câu nói rất thường của mẹ tôi nhiều khi cũng làm cho tôi run sợ. Tôi lờ mờ biết rằng cứ ăn cắp thế mãi, thể nào cũng có ngày mẹ tôi bắt gặp, mẹ tôi biết. Tuy được mẹ tôi nuông chiều, tôi cũng không thể tưởng tượng được rằng hình phạt sẽ ra sao.

Nhưng ăn cắp quen tay, tôi cứ ăn cắp mãi. Trong khi hành động chưa bị bại lộ, trung bình mỗi tuần tôi xử dụng chìa khóa giả, mở tủ chè, lấy tiền một lần. Và lần nào cũng vậy, số tiền tôi lấy là hai chục. Có đôi khi tôi lấy kém số tiền đó, nhưng chưa bao giờ tôi dám lấy nhiều hơn.

Sự thực thì tôi có lấy nhiều hơn số bạc hai mươi đồng, tôi cũng

chẳng biết mua sắm gì ngoài việc ăn quà và mua tiểu thuyết. Cứ buổi trưa, vào lúc ba, bốn giờ, anh hàng thịt bò khô quen lệ đến đứng bên kia đường trước cửa nhà tôi. Tiếng kéo đập vào nhau lách cách báo cho tôi biết giờ ăn thịt bò khô đã điểm. Tôi nằm trên lều, bỏ dở cuốn truyện đang xem, đi xuống ăn thịt bò khô. Mỗi ngày tôi ăn chừng bảy đến mười đĩa thịt bò khô đu đủ xanh. Có lẽ vì húp nhiều dấm quá và vì ăn quà vặt suốt ngày không ăn được cơm nên thời đó, người tôi gầy gò, tay chân khô như que củi.

Sau hoặc trước chiều ăn thịt bò khô, tôi đi ăn phở. Tôi khoái ăn phở áp chảo dòn. Năm hào một bát phở áp chảo, năm xu một đĩa thịt bò khô. Tôi thường có trong túi số bạc những hai mươi đồng, tôi ăn tiêu trong một tuần mới hết.

Tôi còn nhớ một lần, tôi vào nhà bán sách ở Bờ Hồ, Hà-nội. Cả tiệm chỉ có mỗi một quyển *Quê Hương* của Nguyễn Tuân bày ở tầng cao nhất của giá sách. Cô bán sách phải đứng lên ghế, với tay lên mới lấy được quyển đó xuống. Có lẽ vì ngại, phần vì biết chắc một tên bé con như tôi không thể có đủ tiền để mua quyển sách đó, nên khi tôi bảo cô lấy sách xuống cho tôi, cô trả lời tôi với một nụ cười: “Em không đủ tiền mua quyển đó đâu. Những 5 đồng cơ...”

Cô ta không biết rằng trước đó một tiếng đồng hồ, tôi vừa mở trộm tủ chè của mẹ tôi và lấy cắp một tờ giấy hai chục. Tôi đồng dặc lên tiếng: “Cô cứ lấy xuống cho tôi, tôi mua...”

Nhưng rồi tới một buổi chiều mùa thu, việc phải đến đã đến. Khi yên trí là mẹ tôi vắng nhà, tôi lấy chìa khóa ra mở tủ. Tôi vừa mở xong cánh tủ và vừa rút được tờ giấy bạc thì có tiếng guốc mẹ tôi từ nhà dưới đi lên. Không kịp bỏ bỏ tờ giấy bạc vào túi, tôi vội đóng cửa tủ lại. Nhưng trên con đường đi từ nhà dưới lên phòng khách của nhà tôi có một tấm kiếng lớn. Mẹ tôi đi lên, nhìn vào tấm kiếng ấy và đã thấy ông con trai đang loay hoay đóng vội cánh cửa tủ.

Về sau tôi mới biết mẹ tôi cũng đã nhận thấy việc bị mất tiền trong

tủ chè từ lâu rồi, nhưng bà nghi cho bọn người làm ăn cắp. Chưa lần nào bà nghi cho tôi. Bà không ngờ thủ phạm lại là tôi.

Mẹ tôi lên, túm lấy tôi và bắt quả tang cái chìa khóa giả và tờ giấy bạc rớt dưới chân tôi. Tôi chờ đợi một cuộc trừng phạt có roi mây và bêu xấu linh đình nhưng bỗng dưng tôi thấy mẹ tôi buồn. Buồn như chưa từng bao giờ tôi thấy bà buồn đến thế. Sau khi lượm cái chìa khóa và tờ giấy bạc lên, mẹ tôi buông tôi ra. Tôi chờ bà đánh mắng nhưng mẹ tôi không nói một tiếng...

Rồi mẹ tôi ngồi thừ người, rất buồn. Nỗ nề bà ngồi trong bóng chiều mùa thu xám đang đi dần vào tối bên khung cửa sổ...Tôi không bao giờ quên được hình ảnh áo nâu ấy và cảm nghĩ hối hận, sợ hãi hỗn độn của tôi trong lúc đó. Nếu lúc bắt được tôi phạm tội, mẹ tôi la hét, đánh mắng tôi, có lẽ tôi đã không thối, không cảm động. Tự dưng, tôi hối hận, tôi đến gần mẹ, tôi lí nhí nói lời xin lỗi và lời hứa từ nay sẽ không bao giờ còn ăn cắp nữa.

Mẹ tôi nói, tôi còn nhớ như in từng tiếng:”Mẹ buồn lắm. Thầy mẹ già rồi, con là trai lớn, các em con đông...Mẹ hy vọng con sau này thành người khá, dẫn dắt các em con. Nay con ăn trộm, ăn cắp thế này...Bây giờ còn nhỏ ở nhà ăn cắp của cha mẹ, mai sau lớn ăn cắp của người ta...Mẹ còn trông mong gì được ở con nữa...?”

Không một ngọn roi, không một lời chửi mắng, nhưng mãnh lực của lời mẹ nói mạnh biết là chừng nào. Từ buổi chiều mùa thu xám đó cho tới nay đã hơn ba mươi năm trời trôi qua, tôi không còn bao giờ tái phạm tội ăn cắp dù chỉ một lần.

NĂM

Những ngày nghỉ học dài vì phi cơ oanh tạc, sau cùng các trường học được lệnh tạm đóng cửa. Phong trào thanh niên Khỏe, cũng dần dần xẹp đi.. Thống chế Pétain cũng bị bỏ quên – Trận Đại chiến Thế giới đi đến những ngày cuối cùng. Người ta mới bắt đầu nói đến huyện Nhật bại trận, đến chiến tranh kết liễu. Báo hằng ngày đăng những tin chiến sự trên Thái Bình Dương.

Được nhiều người nói đến nhất là tin những chiếc phi cơ Kami-Kazé của Nhật, mang bom bay lao xuống tàu chiến Anh – Mỹ. Hành động oai hùng thật nhưng vẫn là hành động tự tử.

Dân chúng Đông Dương biết rằng Nhật đã kiệt quệ về nhân lực cũng như tài lực. Thầy tôi nói đến những chuyện ông đọc ở trên báo về phi cơ quyết tử Kami-Kazé : phi cơ bay lọt vào ống khói tàu chiến Anh-Mỹ, làm tàu nổ tung, súng cao xạ trên các tàu Anh-Mỹ bắn lên làm cho những chiếc Kami-Kazé lao xuống bị hất tung ra biển. Thầy tôi thán phục những chuyện đó. Nghỉ học, suốt ngày bọn trẻ chúng tôi đi chơi lang thang khắp nơi. Bắn chim bằng súng cao su, đi tắm sông, đi câu cá. Từng nhóm đồng tuổi chơi với nhau. Hà Đông thời đó nổi tiếng nhất là anh Dần, biệt hiệu là Dần Loe, về thành tích du đãng. Dần Loe là một thứ du đãng con nhà đảng hoàng, hay đánh nhau xưng hùng xưng bá ở tỉnh không cho thanh niên tỉnh lạ vào tỉnh mình quấy phá hoặc lơn gái, nhưng không có những hành động cướp giết, ăn cướp như bọn du đãng khốn nạn hiện nay. Dần Loe hơn tôi chừng năm hoặc sáu tuổi, tôi chơi với em Dần Loe, bọn chúng tôi mỗi thằng có một tên «tục» đi theo tên cúng cơm : Quy Sứt, Phú Cốc, Phú Mò, Liên Vầu v.v...Thằng nào “cù lằn» lắm mới không có hõn danh. Thằng tên Hải, nhà nuôi bò sữa, có tên Hải bò. Thằng tên

Toàn, nhà làm thợ mộc, đóng xe bò có tên là Toàn Xe Bò, Dền Loe vì cái miệng rộng, đôi môi đầy nở lớn như loa kèn. Dền Giò vì nhà làm hàng giò chả thường phải giã giò. Thăng Ngọc da đen được gọi là Ngọc Đen. Thăng Ninh nhà làm đại lý bia và nước đá, được gọi là Ninh Bia. Thăng Sơn nhà bán hàng bát, chén, có tên Sơn Bát. Thăng Phúc nhà làm đại lý thuốc phiện, ngoài cửa treo tấm bảng hai chữ R.O. được gọi là Phúc Ro. Anh Mậu, người làng Cự Đà, được gọi là Mậu Cự. Ngoài ra, còn một vài nhân vật có những cái hỗn danh lạ không rõ xuất xứ và nguyên do như Phúc Bùm hoặc Phúc Tí Bòm, như Xa Trâu Lăn.

Tôi tên là Hải, mặt mũi không có gì là đặc biệt đáng để ý, tài vật cũng không có, nên có lẽ vì Hà Đông đã có một Hải Bò – tôi bị gọi là Hải Cầu.

Buổi sáng nghỉ học, chúng tôi đi chơi. Đi vào sân vận động, trèo tường qua bên kia là những ao nuôi cá. Nơi đó có một cái miếu lớn, chung quanh cây cối um tùm, thường được dùng làm nơi cắm trại của Hướng đạo sinh Hà Đông. Lối đó đi xuống làng Hạ Trì, rồi Cự Đà, Khúc Thủy. Đi mãi là xuống Văn Điển và Phú Lý. Các bạn tôi nói đến chuyện thiếu gạo ăn, dần sẽ bị đói. Các bạn tôi cùng tuổi với tôi, nhưng chúng nó tinh khôn hơn tôi nhiều. Thăng nào cũng nói là dân mình sắp bị đói đến nơi. Chỉ có mình tôi nói:

– Nhà tao không bao giờ thiếu gạo ăn. Nhà thăng nào bị đói thì bị chứ nhà tao không bao giờ bị đói...

Chúng nó xúm vào chửi tôi, cho là tôi khoe láo, tôi ngu. Tôi bị chửi dữ quá cũng đâm ngượng, nhưng thực tình, tôi chưa hiểu được chuyện thiếu gạo, bị đói ra làm sao. Tôi không thể tưởng tượng được rằng có ngày quanh tôi lại có những người phải chết vì đói.

Mỗi buổi sáng, vào lúc 10 giờ, chiếc xe bò lọc cọc của nhà thương đi vòng các phố lợm xác chết. Một vòng qua khu phố Chợ, sang khu Đầu Cầu xuống phố Bóp Kèn, rồi xe ra Nghĩa địa của thành phố

ở bờ sông. Mười giờ nắng bắt đầu im, người nào còn nằm không dậy tức là chết. Không cần phải hỏi han gì lời thối, hai bác lao công trông cũng gầy không kém gì những xác ma đói, tiến vào khiêng luôn người nằm và cả cái chiếu vút lên xe bò. Một xe bò thường mỗi sáng chở đi chừng mười đến mười lăm xác chết. Những ống căng xương xấu thò ra ngoài xe. Người sống gặp xe thường quay mặt đi không dám nhìn.

Nghĩa trang chung của tỉnh lỵ nằm ở cánh đồng sau Nhà thương, tức là ngay sau nhà tôi. Lên gác, nhìn ra cửa sổ đằng sau, qua một cánh đồng thấy Nghĩa trang. Ban đêm, vùng trời ấy tối om. Tôi sợ ma, sợ bóng tối nhưng lại khoái đứng xa nhìn vào Nghĩa trang, nhìn để mà tưởng tượng, để mà sợ.

«Em yêu dấu, cái tật tưởng tượng có từ thuở nhỏ này của anh làm giàu cho đời anh nhiều, nhưng cũng làm cho anh đau khổ lắm – có lẽ vì đời anh sung sướng, anh đầy đủ, anh có tất cả, nhất là tình yêu, anh có em, có các con – con chúng ta thật đẹp, em đã nói thế một đêm nay em bỏ anh em đi giang hồ rồi lại về với anh, đêm chúng ta yêu nhau trong khách sạn Đồng Khánh, lấy nhau 10 năm, có ba con với nhau, chúng ta lại đưa nhau đi ô-ten như những ngày chúng ta mới gặp nhau. Em nói – “Em đi... em thấy con của những đứa bạn em, con chúng nó kém con chúng mình nhiều. Con chúng mình đẹp lắm...” Anh có đủ cả như thế nhưng anh khổ nạn, anh vẫn cứ cho là anh khổ. Anh cứ tưởng tượng ra những chuyện khổ nạn. Hay là tại cái nguyên chất trong tánh nết của anh là khổ nạn hả em ? Anh có em chung sống, anh sung sướng nhất đời, mà anh cứ tưởng tượng rằng anh khổ, rằng em không chung thủy với anh. Anh đau khổ, anh chết là đáng lắm..»

Có những đêm mưa, từ vùng tối om, dày đặc của Nghĩa trang đó, có những cặp ma trôi hiển hiện, vờn nhau. Tôi đứng ở trên gác, nhìn ra và tưởng tượng ra cái cảnh, những người chết ở đó đang ngồi hội

họp. Trời mưa to gió lớn, sấm sét nổ ùng ùng, tôi nằm trong lòng mẹ, nghĩ đến những ngôi mộ mà tôi thấy nằm trơ vơ ngoài đồng. Tôi nghĩ đến ngày mẹ tôi chết, bà cũng phải ra nằm một mình ngoài đồng, cô đơn và lạnh lẽo, tối tăm biết là chừng nào. Tôi nghĩ thế và tôi khóc. Nhất là khi mẹ tôi nói – « Bao giờ mẹ chết, người ta cũng khiêng mẹ ra chôn ở ngoài đồng. Em có thương mẹ không?? » thì tôi khóc nức nở... Bố mẹ thương yêu con thường hay làm cho con khổ, con sợ hãi bằng cách hỏi con có thương mình khi mình chết không. Tôi bây giờ tôi cũng hay hỏi các con tôi – như mẹ tôi vẫn từng hỏi tôi:

– Nếu bố chết.... con có thương bố không ? ?

Trẻ con chưa biết gì về cuộc đời, chưa biết rằng cuộc đời này có chuyện yêu đương mai sau lớn lên mình sẽ gặp người yêu và yêu nhau, ăn ngủ với nhau sướng lắm, lờ mờ biết về cõi chết. Rằng người ta trước sau gì cũng phải chết và chết là phải ra đồng nằm một mình, nằm ở dưới đất, đắp đất lên, và không còn được trò chuyện, âu yếm hôn hít những người thân yêu nữa. Nói đến sự mình chết với con mình là một sự tàn nhẫn. Song khi yêu thương ai, khi biết rằng nếu người ấy mà chết, mình sẽ đau đớn lắm, mình cũng sẽ chết, mình muốn biết rằng nếu mình chết kẻ đó có đau đớn như mình đau đớn hay không: Tình yêu là thế – yêu là khổ và người yêu thường muốn làm cho người mình yêu cũng phải khổ như mình khổ.

Điều đau nhức nhất đáng kể là giữa những người sống chưa bị đói và lớp người bị đói sắp chết, có một sự cách biệt tàn nhẫn, kinh khủng. Người chưa đói coi người bị đói như một quái vật không thể để cho gần mình. Người ta thấy nhau chết đói mà không thương xót, mà đứng đưng, không chia xẻ cho nhau. Bởi vì nhiều quá, bố thí không thấm thía vào đâu. Người ta coi người như súc vật. Xua đuổi nhau, sợ nhau và thù hằn nhau.

Sự thù hằn thường sáng lên trong những đôi mắt sâu hoắm như rục lữa của những người sắp chết.

– Rồi đến lượt chúng mày. Ông bảo cho mày biết... chúng ông chết trước, chúng mày chết sau...

Tôi đã nhiều lần được nghe những câu tương tự thốt ra từ những đôi môi đen khô vì lâu ngày không được tiếp máu. Những người chết đói đó không phải là ăn mày. Bọn ăn mày chuyên nghiệp mặt mũi ngu si, đần độn. Họ chết đói vì đồng quê mất mùa, vì nhiều nơi hạn hán, nhiều nơi lụt, nhiều nơi quân đội Nhật bắt nhổ lúa, ngô lên lấy đất trồng đay, nói là vì nhu cầu quân sự. Có người nói rằng Nhật trồng đay để đốt lấy than làm thuốc súng, nhiều người khác nói rằng quân Nhật trồng đay may y phục, làm bao tải đựng thóc gạo của dân mình chở đi cung cấp cho quân Nhật ở các mặt trận không trồng trọt ngũ cốc được như Bornéo, Okinawa v.v... Hồi đó, tôi nghe thấy người ta nói như thế. Những người chết đói ở Bắc Việt năm ấy chết vì quân Nhật bắt họ phải nộp thuế gạo. Ở Hà Đông, nhà thầu Trần Văn Chi, trước thầu thuế chợ, được thầu thầu thóc cho Tây, Tây nộp thóc cho Nhật.

Thóc do nhà thầu Trần Văn Chi thầu được, nhiều không đủ chỗ chứa, phải đem đến gửi nhờ ở nhà tôi. Những vựa thóc cao đến tận mái những căn nhà tranh trong vườn nhà tôi. Những căn nhà tranh này nguyên là xưởng dệt màn của mẹ tôi. Bấy giờ nghĩ dệt, bỏ hoang. Hồi đó xe đạp đang quý. Một chiếc xe đạp Sterling dura-inoxydable hồi ấy quý như xe ô-tô bây giờ. Trong lúc xe ô-tô không có ét-xăng phải mang thùng thật to tổ bố đằng sau để chạy, xe điện, xe hỏa mỗi lần có báo động là nằm chết dí một chỗ, phương tiện di chuyển quý nhất của dân Bắc Việt là xe đạp. Thầy tôi nhờ ông Trần Văn Chi mua hộ một chiếc xe đạp cho anh tôi. Ông Chi cho người mang tới một xe đạp Nhật hiệu Rota, mới toanh. Để trả cái nợ gửi thóc, ông không lấy tiền chiếc xe đạp Rota.

Dân đói vào tỉnh Hà Đông mỗi ngày một nhiều. Người sống đem người chết đi chôn không xuể. Ở nhiều phố vắng, có xác chết nằm

cả tuần vẫn chưa được mang đi chôn. Người ta tổ chức đoàn cứu đói. Rồi một nghề đặc biệt được ra đời : nghề buôn gạo Nam kỳ, thường được gọi là gạo máy.

Nhà nào có tiền cũng mở tiệm gạo. Mẹ tôi cũng buôn gạo về bán. Cách buôn thật dễ: đem tiền ra Hà Nội mua dăm tạ gạo máy, mướn xe bò chở về Hà Đông, có gạo là có người xách bị đến mua. Bán hết lại ra Hà Nội mua về. Nhưng mẹ tôi buôn gạo máy được vài lần cũng bỏ. Vì bà không phải là dân buôn. Bọn đẩy xe bò ăn cắp gạo mà bà không biết.

Xe bò của họ có hai tấm ván đáy. Những bao gạo đưa lên xe đều bị chọc lỗ, gạo cứ thế chảy xuống đáy dưới của xe. Mỗi tạ bị ăn cắp như thế mất đến tám, chín ký lô mà mẹ tôi không biết. Lại thêm đồng tiền xuống giá. Giá gạo hôm trước 500 đồng, hôm sau đã 600 đồng, rồi 700 đồng. Chỉ có bọn đầu cơ, tích trữ hàng trăm tấn, là có lời. Giới buôn lẻ chết hết.

Nghề thứ hai là nghề bán cơm nắm chấm muối vừng ở đầu đường. Vì nhà còn quá ít gạo, nhiều người không thổi cơm, ra đầu phố ăn cơm nắm chấm muối vừng, hoặc muối hạt. Xong bữa. Những hàng cơm nắm, gánh khoai lang luộc ở những đầu phố là những mục tiêu tấn công của dân đói.

Quanh những gánh bán dạo đó, có những cặp mắt hau háu nhìn. Những người đói ngồi chồm hổm chung quanh. Một người nhào tới, vồ nắm cơm, nhét vào mồm. Người mất đám đá thum thụp— « Mẹ bố mày....ăn cướp của tao hả ? ? Đánh cho mày chết... » Mặc. Người mất cứ đánh, người cướp cứ nhét nắm cơm hay củ khoai cướp được vào mồm, cơm toè ra rớt xuống đất. Đợi cho người ta đánh mỏi tay, người bị đánh bò lê ra đất ngồi dậy, lượm cơm lên ăn. Như thường.

Người mất của có đám đá bằng tay, chân, có phang bằng đòn gánh, cũng chỉ đám đá, phang vừa vừa thôi, mắt còn phải nhìn gánh

cơm, khoai lang của mình, chân tay còn phải để dành để bảo vệ những gì chưa bị cướp. Vì chung quanh đó, còn có cả chục nhân mạng sắp chết đói khác đang định xô vào vồ cướp. Vồ được củ khoai, bánh cơm, nhét bừa vào mồm có bị đánh, đá mấy cái không sao. Đã có cái ăn sống được một ngày. Mai lại rình vồ món khác. Mỗi trận đòn, một bữa ăn. Còn rẻ.

Những cục cơm rơi vãi nhoe nhoét dưới đất lúc đó mới được bốc lên, ăn ngon lành, có những người chịu đánh để lấy cơm cho con ăn. Cũng có những người chịu nằm chết chớ không chịu ăn xin hay rình cướp.



Buổi trưa, ăn cơm xong, tôi cùng các ban đến tụ tập ở sân trường. Bây giờ tôi đã vào trường Công. Tôi náo nức đi làm việc thiện. Ủy Ban Cứu Đói kêu gọi mỗi nhà mỗi ngày ủng hộ một bát cơm. Thanh niên Cứu Đói mang bị đi thâu cơm từng nhà, mang về Trụ sở, phát phần cho đồng bào đói.

Chúng tôi bận áo sơ-mi trắng, quần xanh Tàu – bộ đồng phục hồi Phong trào Khỏe của ông Ducouroy vẫn còn được giữ gìn. Vải đắt. Một bộ áo trắng vải Chúc bầu, quần soọc vải xanh Tàu, đã là diện lắm rồi, mỗi thằng mang theo một cái bị.

Chúng tôi được chia phố. Bọn đi thâu cơm dãy nhà số lẻ, bọn đi thâu bên dãy nhà số chẵn. Tôi phải vất vả, phải khéo léo lắm mới đổi được vào đoàn đi thâu cơm ở phố Đầu Cầu, khu có nhà Ngọc Diệp. Từ ngày chia tay với Ngọc Diệp trong nhà thương, tôi ít khi có dịp gặp nàng.

Một lần tôi gặp nàng trên chuyến xe lửa Hà Đông – Hà Nội, nhưng nàng đi với bà chị. Và tôi ngượng, tôi sợ không dám đến ra mắt bà chị của nàng. Trên chuyến tàu ấy, tôi ra đứng ở đầu toa, để cho Ngọc Diệp không nhìn thấy tôi. Nhưng suốt đoạn đường dài, không lúc nào tôi rời mắt nhìn nàng.

Gần hai năm trời đã trôi qua, hai năm: Khoảng thời gian ấy rất dài, rất quan trọng trong cuộc đời của người con gái đang tuổi dậy thì. Diệp hơn tôi hai tuổi. Nàng nhón phồng hăn lên. Khuôn mặt năm xưa đau yếu, xanh nhợt, đôi gò má nhô cao, khuôn mặt trũng sâu và sáng rực, nay trở thành bầu bầu. Đôi má hồng, mới nhìn tôi tưởng là nàng đánh phấn hồng. Nhưng không phải, con gái nhà lành tinh nhỏ ngày xưa mười bảy tuổi vẫn chưa phấn son. Mái tóc nàng dày hơn, bây giờ cắt vừa chấm vai.

Em... em... hai mươi năm đã trôi qua kể từ buổi chiều mùa xuân, anh cùng đi với em trên chuyến xe điện Hà Nội – Hà Đông ấy, đã bảo anh rằng những sợi tơ vàng giăng trên những đậu cây tươi mơn ven đường xe đường gần Ngã Tư Sở ấy là những giây tơ hồng khi anh hỏi em rằng những dây đó là dây gì. Thời gian trôi qua thật mau và cũng thật chóng.

Hình ảnh rực rỡ của em năm em mười bảy tuổi còn nguyên ánh sáng trong anh. Nhưng cuộc đời của chúng ta đã qua nhiều thay đổi. Anh chẳng bao giờ hỏi thăm ai về em, mặc dầu em là người yêu đầu tiên của anh. Anh không biết em có gặp tình yêu trong đời em không? Nghĩa là anh không biết em có yêu chồng em, có đau khổ vì chồng em, em có cho ra đời những đứa con kháu khỉnh, giống em, như anh đã gặp tình yêu, đã yêu vợ anh, đã đau đớn vì vợ anh, đã có những đứa con kháu khỉnh giống vợ chồng anh. Anh cũng chẳng được biết chắc rằng qua hai cuộc chiến tranh thâm hiểm, em còn sống hay là em đã chết.

Nhưng, nếu năm nay em còn sống, ở một nơi nào đó trên trái đất này, em đã 37 tuổi rồi. Anh dốt về toán pháp, anh không nhớ được những con số nhưng anh nhớ tuổi em, anh nhớ rõ ngày, tháng thời gian và không gian anh gặp tình yêu. Như nhớ lần đầu tiên gặp nhau người anh yêu mặc áo màu gì, có gì cài trên mái tóc dài, nói với anh những lời gì, yêu anh ra làm sao. Những cái nhớ lắm cảm đó làm cho

đàn bà xúc động và thích lắm phải không em. Đàn bà mà anh nói tới đây là đàn bà đẹp, đàn bà đa tình. Anh không nói đến những người đàn bà xấu...

Năm nay em đã 37 tuổi, và anh 35 tuổi. Anh đang ở vào cái tuổi đẹp nhất của cuộc đời đàn ông. Anh lấy em làm vợ và “em em, anh anh” với em cũng được, mà anh lấy con gái em làm vợ và “má má, con con” với em cũng được, nếu em lấy chồng sớm và bây giờ, em có con gái 17 tuổi. Có điều năm nay anh không còn ngây thơ như ngày em bảo anh rằng những sợi dây vàng đó là dây tơ hồng, bây giờ, anh hối hận vì anh đã không yêu đương xác thịt em ngày đó. Không một cái hôn lên má, không một cái nắm tay... Tình yêu không có đụng chạm xác thịt không đủ để ghi nhớ. Yêu em năm đó, anh đã yêu một cái bóng, yêu một nữ thần, anh không yêu em như yêu một người đàn bà...

SÁU

Tôi chọn một cái bị mới, cái bị mới nhất treo trên gác bếp nhà tôi, lẫn với mấy cây cần câu của tôi, bắt khói lên nước vàng óng như ngà. Lẽ ra tôi phải vác bị đi xin cơm ở khu phố nhà tôi là phố Bóp Kèn, nhưng tôi đi sang phố Đầu Cầu. Ngọc Ve – Ngọc có cái ve ở mắt, trùm thiếu niên càn bặt ở khu này – đứng đầu nhóm đi xin cơm ở Đầu Cầu.

Thấy tôi đi trong đội đàn em của hắn, Ngọc Ve quát:

– Thằng này... mà làm gì ở đây ?

Tôi hơi trợn. Ngoe Ve nổi tiếng du đãng, hay đánh nhau và bạo trợn. Chính mắt tôi đã trông thấy hắn thụi những thằng to gấp hai tôi. Tôi trả lời cứng tuy trong bụng chỉ sợ hắn cao hứng thụi tôi vài quả – chỉ cần một quả thôi – cũng mất mặt và thê thảm quá :

– Đi xin cơm.

– Mà khu Bóp Kèn cơ mà ?

Tôi trả lời bừa:

– Bên ấy, đông người quá. Ông Tín bảo tôi qua bên này qua hàng.

Ông Tín là ông Moniteur của tỉnh Hà Đông. Ông đứng đầu bọn Thanh Thiếu Niên Khất Thực chúng tôi.

Tôi may mắn vì Ngọc dịu giọng :

– Ừa... mà đi bên khu tao phải đàng hoàng à.

Mừng quá tôi vội vã:

– Đàng hoàng...!

Nơi tôi muốn đặt chân vào là một tòa nhà vi-la, kiểu cổ. Có mái nhà hình tam giác, trông y như cái mũ của những Mụ Phù Thủy Âu Tây cưỡi chổi bay trên trời. Như cái mũ đen nhọn của Mụ Phù Thủy độc ác trong phim vẽ «Nàng Bạch Tuyết và Bảy chú lùn ». Cái mũ

Phù Thủy ấy úp lấy nàng tiên của tôi. Nàng vừa là một nàng tiên, vừa là công chúa. Cổng sắt chắn song bên trên nhọn hoắt. Bảng sắt tây kẻ chữ Chien Méchant không làm sao kết bạn được với bọn anh em nàng để có thể đặt gót chân du đãng trên ngưỡng cửa sắt ấy. Tôi chỉ đi lang thang bên ngoài, mơ và tưởng tượng ra cảnh nàng sống trong đó, nàng đứng sau cửa sổ, nhìn thấy tôi, biết là tôi yêu nàng và tôi khổ sở đi lên, đi xuống đây là vì nàng, và nàng mỉm cười.

Đi hết dãy phố vắng nhà nàng, kẻ lang thang lãng tử yêu chưa đến tuổi yêu lạc bước vào một vùng tuyệt đẹp. Hết đường nhựa, đi vào đường đất, vùng cây xanh. Có một khu trại có tên là Hoàng Hoa Trang. Không biết của nhà ai. Tôi mê vì dàn cây cao bên ngoài. Cao thật cao. Cành lá của rặng cây, vào những chiều mùa xuân, sáng mùa thu tôi đi qua, xanh tươi. Như bao giờ, mãi mãi cành lá của rặng cây ấy vẫn xanh tươi như thế. Lấm chấm một vài đóa hoa vàng trên nền xanh. Tôi không biết rặng cây đó tên là gì. Mà tôi cũng không cần biết. Tôi yêu rặng cây ngay từ buổi đầu tiên lạc bước vào rặng cây xanh. Ở đó yên tĩnh một cách lạ thường. Yên tĩnh và xanh tươi như chỉ có Thiên Đường mới có thể yên tĩnh và xanh tươi đến thế. Yên tĩnh phải đi đôi với màu xanh, sắc tươi của cỏ cây, hoa lá mới là yên tĩnh sống. Những tòa giáo đường đá trắng cũng yên tĩnh, những tòa nhà lớn «bê-toong ác-mê» cũng yên tĩnh, những căn hầm bằng thép chống bom nguyên tử cũng yên tĩnh, không gian trong những vách tường dày nhà tù cũng yên tĩnh, nhưng đó là cái yên tĩnh chết. Trong cái yên tĩnh đó, người ta cũng hưởng yên tĩnh nhưng người ta sinh chán đời, muốn có ý nghĩ thoát ra khỏi cuộc đời hỗn tạp này để đi ra, đi ra ngoài. Yên tĩnh xanh tươi của hoa lá cho người ta cảm giác yêu đời tin rằng tình yêu hằng có ở cõi đời này, tin rằng có một ngày đẹp mình sẽ gặp tình yêu cho tình yêu thêm đậm đà, cho ta yêu đời và ham sống.

Trịnh Viết Thành, Hoàng Anh Tuấn – hai thằng hơn tôi ở điểm

được bố mẹ có tiền cho sang Pháp học. Cả hai thằng sang đất Pháp thì ăn chơi, không học mót được một tí tài còm nào để về phục vụ cho đất nước, đền ơn cha mẹ. Hai thằng chỉ hơn tôi bây giờ ở điểm có sang Tây và nói phét về những chuyện bên Tây, những chuyện chơi đằm – đằm Pháp và đằm A-Na-Mít – nhưng tôi biết có một chuyện mà chúng nó nói thật. Đó là chuyện trời bên Tây cảnh đẹp lắm, và ở trong cái phong cảnh đẹp ấy, thằng người nào vô tình, khô khan nhất cũng phải yêu, cũng phải trở thành si tình, cảnh đó dễ cho Cung Trầm Tưởng làm thơ – «*Quê em có trăng soi... Anh một mình ở lại...*» Tên cù lần nhất cũng sốt sắng làm chuyện «*Ra xe tiễn em đi... chưa bao giờ buồn thế...*»

– Cảnh đó đẹp lắm mà ạ. Ở bên đó, tao chắc thằng nào vô tình nhất, khô khan nhất cũng xúc động, cũng yêu. Có những miền đồng quê của nó cỏ non xanh tận chân trời. Y như cảnh tả trong truyện Kiều. Những cảnh mà ở nước mình, mình cóc thấy bao giờ. Sáng trăng đưa em vào những vườn táo, tuyệt lắm mà ạ. Cho anh cai vườn năm, bảy franc, mình được phép vào vườn táo, tha hồ ăn nhưng không được hái mang ra. Những cây táo nó thấp đến đầu gối mình. Táo xanh, hái ăn chấm muối ớt. Mình thủ sẵn một gói muối ớt đi. Các em chịu lắm.

Thằng Thành hay thằng Tuấn nói những câu trên đây – có thể là cả hai thằng, mỗi thằng nói một câu, tôi ghép lại – chúng nó – cũng giống như đa số những thằng đi xa về – nói sai nhiều chuyện – song, tôi cảm thấy là chúng nó nói đúng về điểm sống trong cảnh đẹp, con người trở thành tình cảm, dễ yêu nhau. Vì tôi ngày xưa chỉ mới lạc bước vào một vùng cây xanh nhỏ bé ở tỉnh lỵ Hà Đông – vùng cây xanh đẹp nhất là những ngày mưa bụi, những búp lá non như có linh hồn – tôi đã thấy tình yêu trong lòng tôi rạt rào, dâng lên cao độ – tôi mê cái tên Hoàng Hoa Trang ở đó. Bây giờ, mỗi lần viết tiểu thuyết, tả đến một trang trại đẹp nào trong đó có Tình Yêu, có đàn bà đẹp, tôi

đều đặt tên cho nơi đó là Hoàng Hoa Trạng.



Hai mươi năm trước, lối tán gái của thanh niên tỉnh lẻ Bắc Việt vẫn còn nguyên cổ điển, không một chút táo bạo nào. Trai gái thời này, nhứt là trai gái ở những thủ đô lớn, có một triệu cơ hội để gần nhau, để đi tới đoạn cuối cùng của yêu đương ngay lập tức. Nhưng 20 năm xưa, trai gái yêu nhau vẫn chỉ là dùng lối chàng đi bộ qua cửa nhà nàng, đi lên đi xuống cả trăm lần, nàng đứng trong cửa sổ nhìn ra, cười tình với nhau, hoặc theo nhau đi học về – Nàng biết là có chàng đi theo, vừa đi nàng vừa làm điệu – Hoặc là «lãng xê lét» viết thư tình cho nhau, lén trao nhau ở cửa trường, góc phố, hoặc nhờ thằng em nàng mang về.

Ngày xưa, trò trao thư tình cho nhau đã là tối tân và táo bạo lắm rồi – Yêu nhau ngày xưa, người ta thường chỉ dùng lối tỏ tình đi bách bộ qua trước cửa nhà nhau – Để Nguyễn Bính đã phải làm thơ: «*Chàng qua chiều ấy, qua chiều khác – Góp lại bao nhiêu vạn dặm đường.*»

Nhưng chiều nay, tôi có cơ hội đặt chân vào nhà Ngọc Diệp.

Ngày đầu tiên Đoàn Thanh Niên Khất Thực đi xin cơm. Đã có lời dặn cả từ tuần lễ trước, đến hôm nay, nhà nhà mở cửa và thổi cơm sẵn để góp mỗi nhà một bát. Ở tỉnh nhỏ ít chuyện trò giải trí ngoài đường để cho người ta có thể ra xem chỉ là đám ma đi qua hoặc các cuộc diễn binh có đội kèn «bú-dích» đi đầu của lính Khố Xanh hàng tỉnh, cuộc đi thâu cơm hôm nay là một việc làm cho thành phố vui linh động hẳn lên.

Tôi nhập bọn đi xin cơm bên dãy nhà Ngọc Diệp. Nhưng tôi cứ xách bị, đứng lén ở phía ngoài, chờ cho đến gần nhà nàng tôi mới vào thâu cơm.

Nàng thốt ra hai tiếng trong lạnh lạnh :

– Lu...Tô..

Mẹ hai anh Lu, Tô ! Hai anh tuân lời cô chủ, rời cánh cổng sắt chạy vào, nhưng vẫn còn cay cú, vẫn hực hực như muốn ăn thua đủ. Hai anh quẩn quanh chân cô chủ.

Diệp bước xuống lối sỏi.

Tôi đẩy cửa sắt đi vào.

Khi chúng tôi giáp mặt nhau, tôi run run mở bị, tôi run nhiều, nhưng Diệp vẫn bình tĩnh như không.

Đến lúc giáp mặt nhau, nàng mới nhận ra tôi.

Đôi mắt sáng trong của nàng sáng thêm, môi nàng mỉm cười, để lộ hàm răng trắng.

– Anh đấy à ? – Nàng hỏi.

Tôi gượng cười, gật đầu :

– Anh mà cũng đi xin cơm à ?

Tất cả những ước mơ, trong một giây phút thành hình, khoảnh khắc thời gian như đọng lại thành hình thể. Trong cuộc đời dài sáu mươi năm, có những khoảng khắc thời gian đã xảy ra như không tan đi, còn mãi, lúc nào và bao giờ cũng là hiện tại, mỗi lần chúng ta hồi tưởng, lại hiện về, như ta đang sống.

Tôi run sợ, hồi hộp và sung sướng. Bao nhiêu cảm giác dồn dập đến làm cho tôi bàng hoàng. Tôi mở bị trước mặt nàng, chỉ để nhận bát cơm trắng từ tay nàng đổ vào đó, rồi quay đi không thể nói được một lời. Hải lòng mãi mãi với giây phút được đứng gần nàng đó, khi nghe nàng hỏi «Anh mà cũng đi xin cơm cơ à ?», tôi nghe rõ nhưng tôi ấp úng, không nói được nên lời.

Nếu buổi trưa đang đi qua, buổi chiều đó – 3 giờ ở một ngày cuối xuân, đầu hạ ở Hà Đông – tôi có đủ tâm trí để trả lời Ngọc Diệp, tôi sẽ nói gì để đáp lại câu hỏi « Anh mà cũng đi xin cơm cơ à ?» của Nàng ? Đến bây giờ, sau bao lần hồi tưởng, tôi vẫn không biết tôi phải trả lời sao – Câu hỏi của nàng là một câu hỏi của đàn bà mà đàn ông không thể trả lời được.

Đó là loại những câu hỏi rất thường mà rất ác, như :

- Anh mà cũng nghiện thuốc phiện à ?
- Anh mà cũng chơi bời ư ?
- Anh mà cũng làm «áp phe» sao ?
- Anh mà cũng đem thân làm tay sai cho thằng đó ư ?

Và :

- Anh mà cũng tàn nhẫn, đến cẳng đến thế này sao ?

Hoặc :

- Anh mà cũng làm cách mạng à ?

Bát cơm nóng bốc hơi lên nghi ngút. Nồi cơm vừa được thổi xong, chắc là được thổi đặc biệt để dành chờ Đoàn Thanh Niên Khất Thực.

Tôi ấp úng nhìn nàng. Ngọc Diệp mỉm cười. Môi nàng màu hồng tươi như làn da non những cánh hoa hồng phơn phớt phấn nhụy mùa xuân. Hai đứa nhìn nhau. Bát cơm được đổ vào miệng bị thiếu chút nữa thì ra ngoài hết. Những hạt cơm dẻo nóng bám vào ngón tay tên con trai vụng về mở bị.

- Hãy còn. Để lấy thêm bát nữa.

Nàng gật đầu, như để yêu cầu sự đồng ý của gã thiếu niên mặt thộn. Bằng lòng quá rồi. Nàng có thể đổ vào bị cả một tạ cơm, tôi vẫn không một lời phản đối. Nhưng những mồm chó bẹc-dê hực hực đưa sát vào cặp chân cháy nắng dưới hai ống quần soọc vải xanh Tàu, hai mồm chó phì hơi nóng hôi hổi và rờn rợn làm cho tôi trở lại với thực tế – «không có Diệp, hai con chó này chúng nó cắn mình bỏ mẹ», tôi thốt ra một tiếng:

- Chó...

Nàng hiểu tôi muốn nói gì. Nàng quát khế – « Lu... Tô... Đi vào... » Hai con chó lớn lảng xa đôi «xăng-đan» da nâu, nhưng không chịu đi vào hẳn.

Nàng quay mặt gọi vào nhà :

- U Tám ơi... mang cơm ra đây...

Thằng bạn chờ bên ngoài cánh cửa dục :

– Xong chưa... đi mà...

Nó không hiểu tình yêu là gì. Nó không biết là thằng bạn của nó đang đứng với tình yêu, đứng trong tình yêu, đang sống những giây phút sung sướng, quý báu nhất đời. Nếu giây phút đó, có sẵn một triệu đồng bạc để ở cách đó một trăm thước, chỉ quay ra là có thể lấy được, tôi cũng không rời chân. Tôi cũng không đi xa nàng.

U Tám là người đã nuôi Ngọc Diệp trong hai tháng nàng đau màng óc nằm với tôi trong nhà thương. Tôi chỉ nghe Diệp gọi bà là U, bằng một giọng nũng nịu thương mến, đây là lần đầu tôi nghe nàng gọi bà là U Tám.

U Tám bung một bát cơm đầy tú hụ đi ra. Nhận ra tôi bà cười, hàm răng đen nhánh lộ giữa vành môi ăn trầu cắn chỉ :

– A... Cậu Hải... Cậu đi xin cơm đấy à... ??

Sự xuất hiện của U Tám làm cho tôi lấy lại được bình tĩnh. Như người đàn bà quê mùa, hiền lành này đã hóa giải được cho một phần lớn uy lực và áp lực của người thiếu nữ trẻ đẹp.

Tôi trả lời U Tám. U hỏi tôi, vồn vã :

– Cậu chịu khó làm việc này, rồi cậu có phúc lắm ạ. Ngày sau... chắc chắn là cậu lấy được vợ vừa đẹp, vừa giàu...

Chắc lúc ấy mặt tôi đỏ lấm. Đỏ tung bừng, đỏ khé, loại mặt đỏ mà sau này, khi viết phóng sự, tôi thường tả là «đỏ như tĩ gà».

Diệp cười khanh khách. Tiếng cười trong như những hạt ngọc gieo xuống mâm vàng. Người con gái tôi muốn lấy làm vợ đang đứng bên tôi. Lời của U Tám nói đó chính là nói về nàng.

– Cụ Phán vẫn mạnh chớ cậu ?

– Cám ơn U....

– Cậu cho tôi gửi lời hỏi thăm Cụ... Trông cậu dạo này khỏe lắm. Cậu làm gì mà trông đen như Tây đen thế này?

Diệp hỏi tôi :

– Anh hay bơi sông lắm phải không ?

Tôi gật đầu :

– Sao Diệp biết ??

– Cái gì anh làm ở tỉnh này, Diệp cũng biết hết.

Một sự bí mật mà tôi không bao giờ tìm được câu trả lời. Tại sao Ngọc Diệp lại biết là tôi hay bơi dưới sông ? Anh em nàng không chơi với tôi, anh em nàng cũng không ra bơi lội dưới sông Hà Đông. Dòng Nhuệ Giang chảy qua đầu tỉnh thật thích hợp cho những tên khoái bơi lội mùa Hè. Gần như tất cả bọn thanh thiếu niên thích quấy phá ở tỉnh lỵ, mùa Hè đều gặp nhau trên giong sông. Ở Bãi Sỏi.

Bãi Sỏi thật sạch. Ở đó có nhiều nhà bán nứa. Thuyền chở sỏi không biết từ đâu tới, đến đổ sỏi xuống đó. Ai cần sỏi đến đó mua. Xuống Bãi Sỏi sạch chân, không có bùn sình. Chúng tôi tập bơi ở Bãi Sỏi. Bắt đầu là bơi chó, rồi dắt dúi nhau bơi qua sông. Khi đã bơi khá khá rồi, bọn trẻ con bắt đầu được đàn anh chú ý tới. Thời này, những tay bơi cừ nhất Hà Đông là Mậu Cự, Dương Đức Lợi – anh tôi, em của anh Dương Đức Hiền – rồi Khê, bây giờ là Khê Vinh, huấn luyện viên thể dục thể thao, nổi tiếng về mục đấu hót và là cậu của ca sĩ Linh Đa, bọn cùng tuổi với tôi có Phú Cốc, bơi dai phong như rái cá. Mùa Hè, bọn chúng tôi gần như là suốt ngày ở bãi Sỏi-Tát và ở trên sông Nhuệ.

BẢY

Tôi và hai tên bạn cùng tuổi là Nhân và Lâm, sau khi bơi được ngang sông, được Khê nhận làm học trò dạy bơi. Nhờ Khê, tôi mới biết bơi đúng kiểu, đúng sách: brasse coulée, rồi bơi Crawl. Sau ngày đánh nhau Việt Pháp năm 1946, Khê nổi tiếng khắp Bắc Việt nhờ tài đá banh. Một thời, Khê là thần tượng của thanh niên mê thể thao Bắc Việt.

Buổi chiều hôm đó, từ khu vườn tòa vi-la kiểu cổ có mái nhà nhọn, cao như chóp mụ Mụ Phù Thủy trong phim Nàng Bạch Tuyết và Bảy Chú Lùn đi ra, tôi như có cánh mọc dưới chân. Thân thể tôi như lâng lâng bay bổng theo với tâm hồn. Cuộc đời thật đẹp, thành phố yêu đương tràn đầy ở mỗi ngọn cây, góc phố, mái nhà. Tôi sung sướng tuyệt vời. Tôi hài lòng như chưa bao giờ có một kẻ nào hài lòng đến thế. Mười sáu tuổi, tôi đã yêu.

Những bị cơm xin được, được tập trung vào một chiếc xe bò. Buổi chiều, chúng tôi đẩy xe về một cái miếu gần Đầu Cầu.

Đồng bào nghèo trong thành phố đã rủ nhau tới chầu chực từ trưa. Cơm trắng, cơm đỏ, cơm gạo máy được đổ vào những thùng sắt Tây. Chúng tôi đứng phát cho mỗi đồng bào đói một bát. Người lớn trẻ con gì cũng được mỗi mạng một bát. Người nào có sẵn đồ đựng, lấy phần cơm của họ về ăn dần. Người nào không có bát phải ăn tại chỗ trả lại bát.

Đồng bào đói xếp hàng, dất nhau vào sân Miếu lãnh cơm, đi ra bằng một cửa khác. Theo nguyên tắc, người nào đã lãnh cơm rồi không được xếp hàng trở lại lần thứ hai, nhưng có nhiều người vẫn trở lại và chúng tôi vẫn phát cơm cho họ.

Đoàn Khất Thực chia phiên nhau đi xin cơm. Bọn ở nhà nấu cháo.

Những nồi cháo gạo đỏ, gạo từ Nam Bộ chở ra tiếp tế, được gọi là gạo máy. Người ta nói ăn gạo này bị phù thủng, vì thiếu sinh tố, gạo xay bằng máy quá kỹ, mất hết cám. Tôi thường tranh việc đi xin cơm, để được vào nhà Ngọc Diệp.

Phong trào cứu đói cũng cứu sống được một số đồng bào đau khổ trôi dạt từ những vùng Thái Bình, Phủ Lý vào thị xã Hà Đông. Rồi những biến chuyển chính trị dồn dập tới làm cho bọn thanh niên xao lãng việc cứu đói. Hai nữa, nạn đói lên đến cao độ của nó rồi cũng lắng dần, những người phải chết đều đã chết, những người còn sống phải lo với những tai họa mới.



Nhà tôi ở cuối phố Bóp Kèn. Số nhà 116. Từ nhà tôi, chỉ còn chừng mười nhà nữa là ra tới cánh đồng. Tòa nhà lớn nhất ở khu phố tôi là nhà Cụ Bố Hành. Nhà Cụ Bố làm theo lối biệt thự, có vườn hoa rộng, có hồ nước thả sen.

Trước ngày tôi ra đời, thầy tôi vẫn ở nhà thuê. Ngày mới về làm ở Hà Đông, ông cụ ở một căn nhà trong một phố làng Đơ, có cái tên là phố Đông-Tây-Nam-Bắc.

Ngày tôi ra đời, thầy tôi mới bắt đầu tính chuyện mua đất, xây nhà. Tôi ra đời ở một căn nhà nhỏ cũng nằm trong phố Bóp Kèn, xế cửa rạp hát. Trước cửa nhà này có một cây bàng. Mẹ tôi nói cái nhau của tôi được chôn dưới gốc cây bàng đó.

Thầy tôi vẽ kiểu lấy tòa nhà của chúng tôi. Nhà khá rộng có vườn bao quanh, có lầu. Ngày đó anh em chúng tôi còn nhỏ, tòa nhà đó quá rộng. Hai mươi năm sau, khi anh em chúng tôi có vợ con, thầy mẹ tôi có cháu nội cháu ngoại, căn nhà thầy me tôi sống ở Saigon lại quá chật hẹp. Nhiều ngày chủ nhật, anh em tôi đem con về thăm ông bà, bày trẻ đùa nghịch la hét làm cho ông mệt nhiều hơn là ông vui.

Ngay cạnh nhà chúng tôi ở số 119 Phố Bóp Kèn là nhà của hai nhân vật đặc biệt.

Hai ông già, tánh nết khác hẳn nhau .

Một ông tên là Đội Dĩnh. Trước kia, ông đi lính trong quân đội Pháp, đóng «lon» Đội. Ông về hưu và hai vợ chồng về ở dưỡng già tại đây. Tôi không nhớ hai ông bà có con cháu gì không. Nếu có, chắc là con cháu ông bà cũng kỵ bố mẹ, ít khi họ về thăm. Bà vợ còn hiền lành, ông cụ thật là ác ôn. Ông ta ích kỷ và ghét trẻ con kinh khủng. Ông không muốn cho bất cứ một đứa trẻ nào tới chơi trên khu đất trước cửa nhà ông.

Nhưng ở đó lại có một cây bàng lớn, tàn tán xum xuê. Mùa hè, bóng cây bàng mát rượi, trẻ con lại thích tụ tập ở đó đánh bi, đánh đáo. Ông Đội Dĩnh dọn dẹp bãi đất trước cửa nhà ông sạch như ly, như lau, không một ngọn cỏ.

Hình ảnh ông Đội Dĩnh cô độc, cô quả hơn hai mươi năm sau, còn hiện rõ trước mắt tôi: ông già chừng 60 tuổi, tóc vừa bạc vừa hói, râu bàn chải ngọn trắng nhiều hơn ngọn đen. Ông đã già, nhưng vì suốt đời sống kỷ luật trong quân ngũ, nên ông còn khỏe mạnh lắm. Đôi mắt sắc thường quắc lên nhìn anh em tôi, không chút cảm tình. Ông thường mặc áo cánh trắng, quần trắng, đi một đôi guốc gỗ vĩ đại. Đôi guốc gỗ của ông thuộc loại lớn, nặng nhất. Đế guốc đã dày đến nửa gang tay, ông còn đóng thêm hai miếng cao su lớp ô-tô dày cộm xuống dưới để đi cho lâu mòn, quai guốc được chằng bằng dây thép. Trước đôi mắt thờ ơ ấu của tôi, ông có đi đôi guốc đó tới 10 năm cũng chưa mòn. Mùa đông, ông đội mũ ni có hai cái bạt che kín tai, buộc dây dưới cằm, bận áo bành-tô nhà binh còn nguyên dây nút áo đồng sáng loáng. Ông chỉ ra khỏi căn nhà lạnh lẽo đóng cửa im ỉm quanh năm để cầm một cái que xiên, đi xiên lá bàng rơi. Ông quý cây cối hơn người, nhất là hơn trẻ con, vì bọn trẻ con thường phá phách. Anh em chúng tôi có một kẻ thù đáng sợ. Kẻ thù đó là ông Đội Dĩnh.

Anh em tôi có một trận xô xát với ông.

Đó là ngày thầy tôi mua về hai cây bàng con để trồng trước cửa nhà.

Hai cây bàng được trồng trên phần đất nhà tôi, không dính líu gì đến ông Đội. Thầy tôi cũng không hề yêu cầu ông Đội trông nom, săn sóc, hay làm cố vấn dùm về việc làm sao cho hai cây bàng đó sống. Nhưng, vốn có tính yêu cây cối hơn người, ông Đội lẳng lẳng xâm phạm phần đất nhà tôi, ông tự lãnh trách nhiệm săn sóc hai cây bàng đó.

Anh em tôi phá nghịch cây cối bên nhà chúng tôi, ông Đội Dĩnh cũng không bằng lòng. Một hôm Nguyệt, em gái lớn nhất của tôi, vừa tắm xong, ra đứng chơi trước cửa. Buổi chiều, gió mát, con bé đứng dựa lưng vào thân cây bàng. Không hay biết, không nghi ngờ gì hết. Một lúc sau con bé khóc thét lên. Bộ áo trắng mới thay trắng tinh của nó dính bê bết những...phân người.

Cứt vàng – Con bé khóc mếu chạy vào nhà. Không té ngã mà ngực áo nó, lưng áo nó, hai bàn tay con gái của nó đầy những cứt. Lạ nhỉ ? Tôi phóng ra cửa mở một cuộc điều tra....A... đây rồi! Thì ra trên thân cây bàng con trước cửa nhà dính đầy phân vàng... Có kẻ nào đã phết phân người lên đó !!!

Đứa nào chơi khốn nạn thế này ? Đúng là tên phết cứt vàng lên thân cây là để hại anh em chúng tôi! Vụ này làm cho anh em tôi xúc động và cay cú! Thằng Xe nhà tôi được động viên xách thùng nước ra rửa thân cây. Nhưng chúng tôi cũng không ngờ thủ phạm là Me sừ Đội Dĩnh ác ôn ở ngay bên nhà.

Cả tuần sau, thằng Xe nhà tôi tên là thằng Hướng, rình xem thằng khốn nạn nào nghịch tinh, để nện cho một trận. Thằng Hướng khỏe như trâu, đánh nhau ra trò. Nó chuyên cầm đòn gánh phạng nhau ở máy nước. Vỡ đầu, sè tai, vào bót nằm, đi nhà thương là chuyện thường. Nó tuyên bố «Tôi mà bắt được nó, tôi bắt nó ăn... cho cậu xem...»

Nhưng mà nhà thám tử cu-ly xe tay nhà tôi không có dịp bắt được quả tang thủ phạm. Bởi vì, thủ phạm ra tay hành động thần xuất, quỷ nhập. Từ sáng tinh sương, trong lúc nhà thám tử cu-ly-xe-tay-nhà-Omic còn ngủ như chết, ngáy như sấm, thủ phạm mới xuất hiện ra tay phết phân vàng óng vào thân cây. Anh em chúng tôi ngại quá không đứa nào dám lảng vảng, chạm tay vào thân cây bàng bị tẩm độc nữa.

Mãi đến nửa tháng sau, Bà Sinh – bà hàng nước mở quán ngay trên phần đất dưới gốc cây bàng lớn nhà ông Đội Dĩnh, mới bí mật tiết lộ cho mẹ tôi biết một vụ động trời. Thủ phạm vụ phết “bơ” vào thân cây bàng nhà tôi, để ngăn không cho trẻ con đến gần, không phải ai xa lạ...

Thủ phạm chính là ông Đội Dĩnh.

Ác ôn chưa! Ai mà ngờ..! Nhưng thầy mẹ tôi cũng không thể giận ông Đội, vì ông ta làm vậy là để cho hai cây bàng mới trồng được sống. Mà quả nhiên hai cây bàng sống mạnh thật. Cây lên mạnh và chẳng bao lâu sau, đã ra mầm non rồi lá xanh và có tàn, có tán.



Mẹ tôi phải có lời nói với ông Đội, tình trạng phết “bơ” vào thân cây bàng mới chấm dứt.

Nhưng anh em tôi căm thù ông Đội Dĩnh ra gì. Tôi trả thù Đội Dĩnh bằng cách «dĩ độc, trị độc». Tôi cũng lấy phân – do chính tôi sản xuất đến phết lên cửa nhà kẻ thù.

Tôi ra tay hành sự vào khoảng 10 giờ một đêm trời đen kịt không trăng, không sao. Tôi run, hồi hộp hơn cả những phút tôi dùng chìa khóa giả mở tủ ăn cắp tiền của bà cụ. Cầm cục “bơ” trong tập báo nhật trình, tôi tiến thẳng tới trước cánh cửa gỗ quanh năm đóng im ỉm, ấn... đầy vào lỗ khóa.

Sáng hôm sau, ông Đội phát giác ra vụ cửa nhà ông có đầy phân người. Ông tỏ ra chịu chơi, xách nước rửa nhưng không chửi lớn

tiếng, ông chỉ chửi làm bầm trong miệng. Chắc ông biết là anh em tôi trả thù.

Từ đó, ông Đội ác ôn có ác cảm với anh em chúng tôi nhiều hơn. Biết thế, tôi lại càng trêu tức ông ta. Muốn trêu ông già không khó, chúng tôi chỉ chờ lúc nào vắng người là sang đập cửa nhà ông ta thùm thụp. Tôi còn ngang nhiên chờ ông ta lọc cọc đôi guốc gỗ để cao tổ bố ra gần tới cửa mới chạy. Tôi không chạy về nhà tôi. Tôi phóng thẳng lên phố. Nửa giờ sau tôi mới về. Ông ta, có chặn đầu tôi cũng không được.

Tôi có cái tật đùa dai.

Nói cho đúng ra tôi thâm.

Cái gì làm được, khoái cho mình, tôi làm tới mãi. Điển hình nhất là chuyện bắt nạt đàn bà, đòi đàn bà cho yêu tôi tham «số dách». Người đàn bà nào yêu thương tôi, để cho tôi biết là yêu thương tôi, chiều chuộng tôi là bỏ mẹ với tôi. Tôi «hành» nàng không biết đến giới hạn nào là cùng. Tôi thích hành hạ đàn bà, thích làm cho đàn bà khổ sở. Thú lắm. Khoái lắm. Giả vờ như mình bực bội đau khổ để làm cho đàn bà phải sợ, phải năn nỉ, trong khi thực ra mình chẳng đau, chẳng khổ gì hết, là một cái thú mà chỉ có những người đàn ông thanh tao nhất, những bậc «văn-nghệ-sĩ-quân-tử» ở cái cõi đời này mới có. Tình trạng hành hạ mà tôi nói đây, thích thú, thống khoái đây, là sự hành hạ đàn bà về tinh thần. Tôi không đến nỗi «perverts» như mấy anh Tây già, tạo thống khoái bằng cách quất roi mây lên những đôi mông tròn của đàn bà. Mặc dầu, đến tháng này, hôm này, khi trưởng thành, khi sắp già từ tuổi thanh xuân để bước vào tuổi già, sắp đặt những bước chân đầu tiên đi xuống con đường đời đổ dốc – thăm thẳm, dưới kia là thung lũng mơ hồ của cõi chết – tôi thấy rằng, nghĩ rằng nếu mình có can đảm đánh đập đàn bà, làm cho đàn bà đau đớn về thể xác, da thịt, làm vui, chắc cũng thú lắm.

Tôi tham lam về tình cảm nhưng không tham tiền – Được cái đó

kéo lại – Tôi tham lam tình yêu – Khi đang yêu, tôi đã tính đến cuộc ái ân sắp tới – Đang lúc người đàn bà tôi yêu nồng nàn, mê ly nhất, tôi đã ghé tai nàng, đạo đạt lời thỉnh nguyện – «Xong... nữa, em nhé, cho anh nữa nhé!! » Về sau này, tôi tham lam như thế – Hồi còn nhỏ, tật tham lam «chưa ăn đã sợ thiếu, chưa xong đã muốn thêm» ấy được biểu lộ bằng sự đũa dai.

Trả thù ông Đội Dĩnh bằng cách trét phân lên cửa nhà ông ta một lần, tôi chưa bằng lòng – Tôi tái diễn đến ba lần – Mẹ tôi không hay biết gì về chuyện này hết.

Cho đến một buổi chiều – cũng lại là một buổi chiều đẹp trời – cay cú quá, không thể chịu nổi nữa – nhà ông Đội không có người làm, chính ông ta phải thân chinh xách nước rửa cửa – cơn giận của ông Đội bộc phát, ông ta «a la xô» sang tấn công anh em chúng tôi bằng võ lực.

Nguyệt, em gái tôi, đang chơi rải gianh với mấy đứa bạn của nó trước cửa, bỗng bị ông Đội nhào tới, túm tay kéo xềnh xệch về phần đất nhà ông ta. Tôi đang chơi gần đó, nghe tiếng em gái tôi, tôi quay lại thấy con bé đang bị kẻ thù bắt cóc. Tôi cũng cay cú anh già này quá rồi. Tôi giật cây gậy đánh khăng trong tay thẳng bạn, nhảy đến, cứ thế tôi đập túi bụi vào Me Sừ Đội Dĩnh.

Tôi đánh ông ta không đau lắm, nhưng cũng đủ để ông ta phải buông Nguyệt ra. Anh em tôi dắt nhau chạy về nhà, đóng cửa lại – chúng tôi cũng sợ chớ – chúng tôi là con nhà có giáo dục biết là đánh một ông già, dù ông già đó có điên khùng đến mấy đi chăng nữa, cũng là hành động bậy rồi. Vì vậy, anh em tôi cố thủ trong nhà không chửi ra. Tôi chỉ nói lớn cho ông ta nghe rõ.

– Già đang hoang để cho trẻ người ta kính trọng – già có làm sao thì người ta mới khinh...

Vụ xung đột ấy rồi cũng đến tai mẹ tôi. Anh em tôi mách mẹ. Câu chuyện, do chúng tôi kể lại, vẽ ra hình ảnh một ông đội lính «đặc kỳ

hại nhân» điên dại và ăn người! Nghĩa là bao nhiêu lỗi đều đổ hết lên đầu ông đội. Anh em tôi thật ngoan, chính ông ta ra gây sự. Tôi nhắc lại nguyên do từ vụ ông ta phết phân lên cây bàng.

Trong lúc láu táu, tôi nói hớ mấy câu, mẹ tôi hỏi ngay – bà cụ bắt nọn thật tài.

Tôi không tài nói dối hoặc dấu diếm sự thật. Nói thế không phải là tôi không biết nói dối hoặc không bao giờ dấu chuyện. Có chăng, tôi chỉ nói dối hoặc dấu được đàn ông. Tôi gần như không thể nói dối hoặc dấu chuyện được với đàn bà, nhất là với hai người đàn bà : mẹ tôi và vợ tôi.

Mẹ tôi bắt nọn :

– Chết thật thôi. Thế ra mày đem phân sang bôi vào cửa nhà ông Đội đó hả ?

Tôi tự bào chữa :

– Tại ông ấy đem phân sang bôi vào cây bàng nhà mình... không... ấy lại thì nhà mình thiệt...

Câu chuyện, rồi cũng bỏ qua. Anh em tôi hối hận về vụ xung đột với ông già nên tránh mặt ông ta. Ông Đội chắc cũng ngán anh em tôi nên không gây sự nữa.

Hai ông già nhà ở sát vách nhà tôi những năm tôi thơ ấu đó thật ác ôn. Từ ngày đó tới năm này, tháng này, tôi chưa từng gặp một ông già nào «ích kỷ» cho bằng ông Đội Dĩnh . Ông ta ích kỷ và ghét người chung quanh đến nỗi ông ta không muốn cả người khác đi qua vỉa hè trước cửa nhà ông. Buổi tối, ông đem mấy cây củi ra đóng trên mảnh đất trước cửa nhà, cố ý để cho người đi qua vấp ngã. Bên nhà ông ở một chỗ ẩm nước, bám rêu, ông đem nước tiểu ra đổ lên đấy, cho rêu thêm trơn.

Một hôm, có bà bún ốc gánh đi qua, dẫm đúng chỗ rêu trơn, té chông gọn, quăng gánh hàng đổ tung tóe ... Bà này thấy rõ là chủ nhà cố tình làm hại mình nên cay cú cứ đứng trước cửa réo «ba đời

thằng khốn nạn, ác nhân ác đức đem nước tiểu ra đổ ở đây cho bà đi bà ngã, sao mà không đem nước tiểu đổ lên bàn thờ ông, thờ cha mà...»

Chửi thế nhưng con người «ích kỷ» Đội Dĩnh vẫn không dám ra mặt.

TÁM

Nhân vật thứ hai gần nhà tôi nổi tiếng khắp tỉnh. Đó là ông Đồ Điện, tức cụ Phan cha đẻ của hai anh Phan Anh, Phan Mỹ.

Anh em tôi sợ cụ Điện lắm. Ông ta chuyên môn dọa trẻ con, thích thú với trò dọa trẻ con. Nhiều nhà dùng ông làm Ngáo ộp để dọa con cái – «Mang nó sang nhà Cụ Điện »... Hoặc – « Kìa cụ Điện cụ ấy đến kìa...» Chỉ nghe đến danh «Cụ Điện », bọn con nít chúng tôi đã sợ đến nín khóc ngay lập tức.

Ông Đồ Điện người thấp, nhưng to ngang, đầu trọc, nói bô bô, oang oang, ông chuyên mặc áo cánh nâu hoặc trắng, quần xắn lá tọa ống thấp ống cao, đi đâu cũng xách cây ba-toong. Gặp bọn trẻ con, ông bắt đứng ở giữa phố, xếp hàng trước mặt ông, khi ông la – « Oong...» cả bọn ngồi thụp xuống, ông la – « Đơ...», cả bọn lại đứng lên. Cứ thế mà ông hành. Thằng bé nào mặt cũng tái xanh, tái xám, đứng lên ngồi xuống theo tiếng hô như những thằng người gỗ.

Ông Đồ Điện người miền Trung, phiêu bạt ra Bắc dạy học. Ông hay uống rượu, mặt thường đỏ khé, ông ta còn ăn trầu như đàn bà. Những ông Đồ Nghệ đa số đều tánh nết khó chịu, hay dùng lời nói làm cho người khác phải đau đớn. Ông Đồ Điện, ngoài cái tật chung của những ông Đồ xứ Nghệ ngày xưa ấy, còn hơi điên khùng nữa. Có người nói ông điên là vì yêu nước nhưng bất đắc chí. Tôi hỏi ấy còn nhỏ nên tôi không có nhận xét gì về nguyên do chứng điên của ông Đồ Điện. Tôi chỉ còn nhớ, tôi sợ ông ta. Đi trong phố, trông thấy ông ta đi đằng xa, lọc cọc chống cây ba-toong, là tôi rẽ sang đường khác. Tôi không ưa bị ông ta «Oong...Đơ», nhưng rủi gặp ông ta để ông ta « Oong...đơ», tôi lại không dám phản đối hay bỏ chạy.

Ông Đồ Điện có mở lớp dạy học ở nhà. Học trò ông là năm bảy

thằng bé con những nhà quen gần đấy và con cháu của ông. Tôi nhớ có lần ông sang nhà tôi, ngồi nói chuyện với thầy tôi và tôi lần quần gần đó nghe lóm được cái nguyên do tại sao ông đặt tên cho hai con là Phan Anh, Phan Mỹ :

– Ông Phán thấy không ?? Bây giờ nước Mỹ, nước Anh là hai nước mạnh nhất, giàu nhất hoàn cầu. Nước nào cũng sợ chúng... Vì thế tôi đặt tên hai thằng con tôi là thằng Anh, thằng Mỹ... Để tôi có quyền gọi chúng nó bằng thằng...Thằng Anh, thằng Mỹ... Tôi có quyền chửi bố chúng nó... Ha..Ha...

Ông Đồ Điện, lẽ tự nhiên là nghèo. Hình như bà vợ ông mất sau khi sanh ra hai mạng Phan Anh, Phan Mỹ. Ông lại có nhiều cháu. Một hôm, tôi chứng kiến cái cảnh một anh cháu của ông mang rương quần áo ra học ở Trường Bưởi. Trường hợp đặc biệt, anh được ông Đồ gọi một chiếc xe kéo, chở anh và cái rương quần áo, ra bến xe điện. Chính tay ông Đồ khiêng cái rương đặt lên xe cho anh cháu. Rồi xe đi, ông Đồ phanh bụng xắn quần đẩy đằng sau xe trong lúc anh cháu ngồi trên dờ khóc, dờ mếu. Ông Đồ đẩy xe cho cháu như vậy suốt từ nhà lên đến bến xe điện ra Hà Nội.

Năm đó Phan Anh, Phan Mỹ bắt đầu nổi tiếng là học giỏi. Thiên hạ đã nghĩ là hai anh đó sẽ làm một cái gì sau này. Họ đã là giáo sư dạy học ở Hà Nội. Nhưng tôi nhận thấy hai anh ít khi nào vào Hà Đông thăm bố già. Dường như suốt mấy năm thanh bình tôi đã lớn, biết ghi nhận và sống ở Hà Đông, gần sát bên nhà ông Đồ Điện, tôi chỉ thấy Phan Anh, Phan Mỹ về thăm ông cụ có mỗi một lần, vào dịp Tết Nguyên Đán.

Nhà ông Đồ Điện còn ở cuối phố Bóp Kèn hơn nhà tôi. Đi qua nhà ông Đồ là đến tòa biệt thự lớn nhà lâu, vườn hoa, hồ sen mà tôi đã tả. Nhà lớn của ông Bố Hành. Nhân vật Bố Hành là một thứ «tham quan ô lại» điển hình : trông hệt như nhân vật Bang Bạnh của những báo Phong Hóa, Ngày Nay : bụng phệ, mặt phè phè, cổ bự bằng mặt,

da đen sì, môi dày như đĩa trâu, mặt Quan ngu đần, tham lam ra mặt. Cả khu phố Bóp Kèn quanh nhà tôi đều ghét ông Bố Hành. Người ghét Quan Bố nhất là ông Đồ Điện. Và ông Bố cũng hận ông Đồ nhiều. Vì ông Đồ hay làm thơ chửi xỏ ông Bố Hành, liệt ông Bố Hành, cũng như ông Thiếu Hoàng, vào loại tham lam tàn dân, hại nước.

Dân Bóp Kèn ghét ông Bố Hành không phải là vì có tinh thần yêu nước hay ghét tham lam, ô lại gì hết. Dân Bóp Kèn, vào thời đó, theo tôi, hiền như đất, cam phận muôn năm không khác gì 10.972.034 người dân tỉnh nhỏ ở xứ Bắc Kỳ. Dân Bóp Kèn ghét ông Bố Hành vì một chuyện bản.

Chuyện bản đó, lẽ tự nhiên, có dính tới ông Năm Diễm và một chất dính không mấy ai ưa : phân – Chuyện đổ thùng. Số là khu phố nhà tôi đằng sau là đồng. Ruộng lúa hoặc thả rau muống nhờ nước cống trong những nhà gần đó chảy ra. Từ trước, nhà xí mỗi nhà đều có cái lỗ, để phu đổ thùng đứng ngoài thò cây gậy có móc vào kéo thùng cũ ra, đẩy thùng mới vào. Lối đổ thùng này cho dân khu phố tôi được cái lợi là không cần mở cửa cho phu đổ thùng đi qua nhà. Đỡ phải ngửi mùi thối. Nhưng ông Bố Hành ác ôn, ông mua hết khu ruộng sau khu phố nhà tôi rào lại, lập hàng rào tre làm trại trồng cây ăn trái. Thế là cả khu phố bị bịt kín đằng sau, phu đổ thùng không có lối phải đi vào nhà bằng cửa trước.

Thối om. Dân phố cay cú, chửi ông Bố Hành. Nhưng chỉ chửi trong nhà với nhau, chửi cho vợ con nghe thôi. Vì ông Bố Hành hành động hợp pháp, đúng quyền sở hữu, cóc ai làm gì được. Trong số những nhà bị bịt lối sau đó có nhà tôi, nhà ông Đồ Điện. Ông Đồ bèn làm một bài thơ, dưới ký tên «Vô Danh Thị», đem ra dán ở gốc cây bàng trước cửa ông Đội Dĩnh.

Bà con hàng phố rủ nhau ra đọc, rồi học thuộc lòng và đọc cho nhau nghe, có lẽ thích thú, hả dạ vì trò báo thù vật nặng màu sắc dân tộc bị đè nén, áp bức ấy lắm. Ai cũng biết bài thơ đó là tác phẩm của

ông Đồ Điện. Chính ông Đồ cũng không chối điều đó. Ông uống rượu say. Mặt đỏ tung bừng, chờ thầy tôi đi làm về, xách ba-toong sang ngồi trên bộ sa-lông Tàu, rung đùi ngâm loạn lên bài thơ chửi ông Bồ Hành. Tôi nhớ bài thơ đó có câu : “Chặn đường lấy cứt quanh hàng xóm...”

Ông Đồ có vẻ khoái chí, thích thú vì câu thơ này lắm “Chặn đường lấy cứt quanh hàng xóm...” có thể hiểu theo hai nghĩa. Một nghĩa như tôi vừa kể trên đây. Nghĩa thứ hai là... «chặn đường lấy cứt của người hàng xóm». Chỉ có loài chó dữ thì mới có hành động «ghê gớm» đến như thế.

Ông Điện còn là tác giả của nhiều bài thơ nặc danh khác xỏ xiên ông Thiếu Hà Đông được truyền tụng trong tỉnh. Trong số có bài – «Cụ Thiếu, ông Thừa » mà tôi vì nhỏ quá, nên không nhớ được lời.

Ông Đồ Điện nhân vật Hà Đông duy nhất đã được vào ngôi trong văn học sử. Trong cuốn Giai Thoại Làng Nho của Đại ca Phùng Tất Đắc có một ‘xa-pít” riêng vẽ nhân vật Phan Điện, tức ông Đồ Điện vậy. Phùng Đại Ca có sưu tầm một chuyện về đời tư Phan Điện có liên can đến ông Thiếu Hoàng Trọng Phu như sau:

Tỉnh lỵ Hà Đông có trại lính Garde Indigène, tên là Lính Khố Xanh. Lính Khố Xanh không «hách» bằng Lính Khố Đỏ, là loại lính Việt Nam nhưng thuộc Quân đội Pháp. Đơn vị Lính Khố Xanh thuộc tỉnh lỵ Hà Đông có một viên Giám Binh người Pháp chỉ huy.

Ngày ngày những Chú Cai, Thầy Đội « răng đen, mã tấu » dẫn những anh lính mới tò te – toàn là nông dân đánh bạc, thiếu nợ, hoặc trốn việc, ra tỉnh đầu quân – tới con đường vắng trước cửa Nhà thương tập đi «ắc, ê». Những anh lính mới này đều đi chân đất, chưa được Nhà nước phát giầy săng-đá, chưa biết cả chân phải là chân nào, chân trái là chân nào, nên phải buộc lá chuối vào chân trái để nhớ bước đầu sau tiếng hô – « Ặng na văng... mác..» là phải bước chân buộc lá chuối, không thì bị xếp bắt đứng nghiêm, đánh cho hai

ba cái bạt tai nổ đom đóm mắt.

Chuyện ông Đồ Điện xem lính Khố Xanh tập đi có thể tin được lắm, vì sau đó, chắc là thấy cái trò tập lính khôi hài quá; ông bày ra trò «Ăc,Ê» bắt tội lỗi con chúng tôi đứng lên, ngồi xuống để riếu.



Mới hai mươi năm qua, tôi viết về những ngày thơ ấu của tôi với những hình ảnh còn mới tinh, những chuyện xảy ra từ hai mươi năm mà tôi tưởng như mới xảy ra hôm qua.

Vậy mà tôi đã có nhiều lần lẫn. Tôi nhớ một vài chuyện, kể làm một vài tên tuổi người ngợm ngày xira. Lý do : tôi có tật nghề sĩ, vừa nhớ lâu vừa mau quên, tôi không coi một việc gì là quan trọng, trừ tình yêu, trừ gia đình lớn và gia đình nhỏ của tôi, nghĩa là trừ cha mẹ, vợ con anh em tôi.

Chẳng hạn như nhân vật quan lại khả bi ở gần nhà ông Đồ Điện, nạn nhân của ông Đồ thời ấy không phải là ông Bố Hành như tôi vừa kể, mà là ông Tuần Phủ Đ.Q.G.

Ông Bố Hành chỉ là người đến ở thuê tòa nhà của ông Tuần G., một thời gian mà thôi.

Ông Tuần G. mới là người «chặn đường lấy cúrt quanh hàng xóm». Bài vè do ông Đồ Điện làm ra, dán ở góc cây bàng, để sỉ vả hành động bẩn của ông Tuần gồm 4 câu :

Trăm năm bia miệng Phố Bóp Kèn.

Có thằng Cu lớn dạ đê hèn

Chặn đường lấy cúrt quanh hàng xóm

Trăm năm bia miệng Phố Bóp Kèn.

Ông Tuần G. được gọi là *Cu Lớn*. Dường như có một lần nào đó, ông hách dịch chửi bọn dân hàng phố thấy ông đi ngang mà không chào bằng câu – «Cụ Lớn đây mà chúng bay không biết sao?». Câu nói này đến tai ông Đồ Điện. Từ đó, ông Đồ chọn Cụ Lớn làm đối tượng và nạn nhân. Mỗi lần gặp Cụ Lớn đi qua phố, ông Đồ nắm

ngay lấy một đứa bé – bất cứ là thằng bé nào – và nói bô bô lên, ông Đồ có giọng Xứ Nghệ rất lớn, sang sảng như chuông, bà con đôi bên hàng phố đều nghe rõ :

– Mày biết không... lúc mày còn bé, cái cu của mày còn bé, thì người ta gọi mày là thằng cu bé, đến lúc mày lớn, cái con cu của mày lớn, thì người ta gọi là thằng Cu Lớn...

Lần nào vợ được Cự Lớn đi qua, ông Đồ cũng biểu diễn trò giải thích về cu lớn, cu bé như thế. Nhiều lần Cự Lớn Bà cùng đi với Cự Lớn Ông, Cự Lớn Bà mặt cứ xám xịt lại vì giận.

Nếu Cự Lớn đi qua bằng xe tay nhà, thoáng trông thấy, ông Đồ chạy ra cửa, gọi toáng lên :

– Cu Lớn ơi, Cu Lớn... Cu Lớn đi đâu đấy?? Cu lớn đi Hà Nội hầu việc quan đấy à??

Cự Lớn uất lắm, nhưng uất mà không làm gì được ông Đồ Điện.

Ngày Cự Thiếu Hà Đông về hưu, từ giả tỉnh Hà Đông để về dưỡng lão ở tòa nhà đường Cột Cờ Hà Nội, nhường ghế Tổng Đốc Hà Đông lại cho ông Vi Văn Định – đến ngày ông Tổng Đốc Hồ Đắc Diễm về thay ông Tổng Đốc Vi là Việt Minh cướp chính quyền – dân Hà Đông nhớ công đức Cự Thiếu, làm lễ tiễn đưa linh đình. Ông Đồ Điện làm bài thơ tức cảnh:

Cự Lớn hàm cao tới cột cờ.

Ra về thiên hạ khóc như mưa

.....

Quan lại nhiều anh cũng giả vờ

Tiệc rượu chẳng qua bày để chén

Cổng chào bắt chước lối Tây đưa.

Những người tiễn Cự, yêu gì Cự

Yêu Cự tiền trăm, bạc vạn thừa.

Bài thơ trên đây do mẹ tôi đọc lại, ông Đồ Điện làm được bài thơ nào hay, thường sang nhà đọc cho mẹ tôi nghe. Hai người trò chuyện

rất tương đắc, vì mẹ tôi hồi xuân sắc là một phụ nữ tương đối tinh anh. Mẹ tôi được ông ngoại tôi dạy chữ Hán, dạy làm thơ phú, biết làm thơ và có tâm hồn nghệ sĩ. Tôi thừa hưởng cái nghệ sĩ tính ấy của mẹ tôi. Hai mươi năm sau, mẹ tôi còn nhớ bài thơ Tiền Cự trên đây của ông Đồ, chỉ quên có một câu.

Và, cũng do mẹ tôi nhắc lại cho biết, vụ ông Đồ đẩy xe tay cho cháu đi học không đúng, ông Đồ đẩy xe cho cho con trai, tức là cho Phan Anh.

Một năm nghỉ hè, Phan Anh về sống mùa hè với Bố ở Hà Đông. Đến khi hết hè về Hà Nội, anh có một cái rương quần áo nên gọi xe tay tới đi.

Đợi cho Anh lên xe ngồi đằng hoàng rồi ông Đồ mới ở trong nhà đi ra quát đuổi người phu xe đi và bước vào cầm lấy càng xe để... kéo. Phan Anh vội nhảy xuống xe – Dân hàng phố kéo nhau ra xem – Phan Anh không dám đi xe nữa, đành phải gọi thằng cháu ra cùng khiêng cái hòm lên đến xe điện Đầu Cầu.



Ông Đồ điện có oai dọa trẻ.

Tôi chỉ thấy có một thằng không sợ. Nó còn chửi ông Điện một trận mà không bị tai hại gì nữa là đằng khác. Thằng đó là thằng em con ông chú ruột tôi – Tên nó là thằng Yên.

Yên hơn tôi năm tuổi.

Chú tôi mất sớm. Nhà chỉ có mình nó là trai. Hai đứa em gái nó có tên rất quê, rất Việt Nam là cái Mơ cái Mận. Nhà nghèo. Nó được sang Hà Đông, ở nhà tôi, để đi học. Nó có vẻ tài hoa, ăn nói có duyên nhất trong bọn anh em chúng tôi.

Một hôm, không hiểu vì lý do gì, Yên bị ông Đồ Điện nắm cổ, lôi vào nhà bắt nằm sấp xuống đất, trụt quần ra lấy roi mây quất cần thận. Hình như Yên đang đang đánh bi với một lũ tiểu yêu lau nhau ngoài đường, ông Đồ Điện xách «ba-toong» đi qua, hò « ắc..ê..». Cả

bọn tiểu yêu líu ríu vàng lệnh, đứng lên ngồi xuống rậm rấp , chỉ có thằng Yên em tôi là cười hô hố và bỏ đi phớt tình như người ngoài cuộc.

Tự nhiên bị một lão không phải là cha chú mình, không liên lạc với gia đình mình, không dây mơ, rễ muốn gì với mình, bắt nằm sấp, trụt quần ra đánh cần thận, thằng em tôi tức quá. Đến lúc nó bị đánh xong ôm quần chạy về đến cửa nhà tôi, nó đứng đó chửi toáng lên :

– Tiên Sư cha thằng... Cự Điện... Ông làm gì mà mày đánh ông, Đ.M. thằng... Cự Điện..!

Anh em tôi sợ xanh mặt.

Hành động của thằng Yên là một hành động nổi loạn – Chúng tôi không thể nào tưởng tượng được rằng ở cái cõi đời này, có thằng trạc tuổi chúng tôi lại dám gọi «Vị hung thần phố Bóp Kèn» bằng thằng và dám chửi lớn cho bà con hàng phố nghe tiếng «tiên sư thằng... Cự Điện »

Ông Đồ nghe chửi, xách ba-toong huỳnh huých chạy sang nhà tôi. Thằng Yên tay ôm quần chạy vào nhà. Trong nhà tôi có một căn phòng xép, dùng để chứa đồ, trong nhà ngang gần bếp – Yên chạy vào đó khoá cửa lại – Ông Đồ dùng vai «a-la-xô» vào cánh cửa rầm rầm – Nhưng cửa chắc quá – ông có huých đến gãy xương sườn cánh cửa cũng không hề hấn gì – Sau cùng, ông Đồ đành xách ba-toong rút lui.

CHÍN

Hớی những thằng liều, ông Đồ Điện cũng đành chịu bó tay không làm gì được. Thằng Yên đã thắng. Có lẽ nó là thằng thiếu niên duy nhất ở Hà Đông dám chửi ông Đồ Điện. Sau khi dùng thịt huých vào cảnh cửa không ăn thua gì, ông Đồ về uống rượu rồi nằm lăn ra ngủ. Chắc ông không quên vụ bị chửi, nhưng ông giả vờ như quên. Tuy dở điên, dở khùng, ông Đồ cũng còn khôn lắm. Ông chỉ dở điên chửi bọn quan lại làm đầy tớ Tây, hách xằng với dân chúng. Có lẽ ông còn thán phục ngầm tên thiếu niên đã dám chửi ông nữa là khác. Vì từ đó, ông để yên cho thằng em tôi. Ông làm như không biết đến nó, như nó chưa hề chửi ông lần nào.

Yên, em họ tôi, là thằng có tâm hồn nghệ sĩ, yêu gái đẹp. Nó tán gái rất có duyên. Nhưng bọn con gái dễ mê nó, dễ bị nó quyến rũ là bọn gái quê, gái hàng xén bán kim chỉ, giải rút ở các chợ nhà quê. Nếu nó có phương tiện để học cao, đỗ đạt bác sĩ kỹ sư chắc nó sẽ thành công lắm trong đời. Song, như tôi đã nói, Yên là con nhà nghèo. Chú ruột tôi mất sớm. Nó là con trưởng. Cái Mơ, cái Mận cùng vợ Yên phải đi cày, cấy, trồng khoai trồng ngô để sống, để nuôi Yên ăn học. Yên đậu xong bằng Tiểu học – thời đó gọi là bằng Certificat d'Étude Primaire – tắt và quê mùa là Xép-phi-ca – là thôi, để về làng làm Hương Sư dạy bọn con nít làng học từ A,B,C cho đến hết lớp Ba.

Làng tổ của tôi nghèo, ít ruộng. Làng Bụi – tên chữ là Linh Qui – tổng Kim Sơn, phủ Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh, gần con sông Đuống. Làng tôi nằm giữa sông Đuống và đường số 5 nên bị tàn phá, hủy hoại tang tóc nặng nề trong cuộc chiến tranh Việt – Pháp vừa qua. Con đường số 5 nối liền Hà Nội – Hải Phòng là đường sinh tử của

Hà Nội. Quân đội Viễn Chinh Pháp bảo vệ đường số 5 thật kỹ. Ngày chiến tranh «bùng nổ» – nói theo danh từ thời ấy, người ta thường gọi ngày khởi đầu cuộc chiến tranh Việt Pháp ở Bắc Việt là «ngày bùng nổ» – cuộc hành quân thứ nhất mà quân đội Viễn Chinh Pháp mở ở Bắc Việt là hành quân chiếm đường số 5, cho Hà Nội và Hải Phòng liên lạc dễ dàng. Những làng mạc ven hai bên đường số 5 bị đốt phá trước nhất. Đồng bào ta ở ven đường số 5 bị bắn giết, hãm hiếp trước nhất.

Đường số 5 là con đường nổi tiếng có máu đổ nhiều nhất Bắc Việt. Những người đi kháng chiến chỉ nghe nói đến đường số 5 cũng đã đủ sợ hãi và bồi hồi.

Thầy tôi là con trưởng, ông có hai em trai và một em gái. Chú Ba tôi làm Giáo học. Chú Hai tôi ở nhà làm ruộng. Ông sinh ra Yên, và vì ở nhà làm ruộng nên cũng chẳng có chức tước gì. Ông chỉ được gọi là ông Buồm.

Có một điều đáng kể là không hiểu đất cát làng tôi ra làm sao, nhà tôi đến thế hệ tôi, đa số là độc đinh. Nghĩa là mỗi nhà chỉ có mỗi một anh con trai. Riêng thầy tôi sanh được hai anh em chúng tôi là trai. Nhà tôi như vậy đáng được kể là «đông đinh » nhất họ.

Chú Buồm tôi sinh được một mình thằng Yên. Chú Giáo tôi sinh được thằng Lễ. Hai ông có vài đứa con gái nữa. Rồi thôi. Bọn thằng Yên, thằng Lễ đều sang Hà Đông ở nhà tôi đi học. Thầy tôi nuôi hết. Các Thím tôi thỉnh thoảng sang thăm con, chỉ phải gánh sang vài thùng gạo ngon đóng góp tượng trưng mà thôi. Trong những năm thanh bình ấy, tôi còn một thằng em nữa ở nhà quê sang ở nhờ đi học. Thằng đó là thằng Châu, con ông Chú họ tôi. Tôi với thằng Châu không gần bằng với hai thằng Yên, thằng Lễ. Tôi lại ghét thằng Châu, vì nó hèn hay nói dối, chơi ăn người.

Nó trắng trẻo theo lối công tử bột. Quần áo lúc nào cũng trắng lớp. Mẹ tôi cũng không ưa thằng Châu vì những trò ti tiện tiểu xảo của nó.

Chẳng hạn như nó giặt lấy quần áo của nó. Xà-bông của bà nó lấy sát lên quần áo kịch liệt, dùng không nương tay, phí phạm ra mặt. Xà-bông của mẹ nó mua cho nó thì nó cất đi, dùng rất ít. Những người bần tiện, ăn người như nó khá làm sao được. Tôi ghét thằng Châu thậm tệ.

Có một chuyện xảy ra làm tôi thêm ghét thằng Châu, thương thằng Yên.

Thằng Châu cũng là con một, bố nó cũng chết sớm.

Ngoài việc chỉ sinh được một thằng con trai, các ông chú tôi còn có cái đặc biệt nữa là chết non. Ông Chú họ tôi mới sinh được có một đứa con trai đã qua đời. Thằng Châu là con một, nó không có cả chị em gái, nên thím tôi chiều nó lắm. Nhà nó lại giàu.

Một buổi chiều thứ bảy, bọn thằng Yên, Châu, Lễ đánh bi với nhau trong vườn. Thầy thôi nghỉ làm, ra vườn cầm kéo xén mấy cây cảnh. Chẳng hiểu có chuyện xích mích sao đó, thằng Châu mách với thầy tôi – «Thưa Bác... anh Yên anh ấy đánh cháu...»Thằng Yên đang ngồi xỏm đánh bi. Thầy tôi thuận chân đá nhẹ vào đít nó một cái – «Sao mày cứ cậy lớn mày đánh nó...»

Vì là con nhà nghèo, Yên có mặc cảm bị khinh, bị coi rẻ không bằng thằng Châu. Nó lẳng lặng bỏ về quê. Nó đi bộ từ Hà Đông ra Hà Nội, đi bộ qua cầu Sông Cái, đi bộ trên đường số 5 về tận quê, trong túi nó không có một xu uống nước.

Ngày xưa, hai mươi năm năm trước, đường Hà Nội – Hà Đông chỉ cách có 11 cây số – không bằng Saigon tới Thủ Đức nhưng với tôi, con đường ấy xa vời. Hà Nội thật xa, không đến nỗi như ở tận một thế giới nào khác, nhưng xa, thật xa. Mỗi năm, anh em tôi được ra Hà Nội nhiều lắm là hai lần. Một lần gần Tết, đi may quần áo, mua giày. Ông cụ tôi ưa đi giày Bata, giày da chứ không phải là giày vải, anh em tôi mỗi thằng có một đôi giày da cá sấu, đế da đóng gá sắt đi cộp cộp. Thời đó, trẻ con, người lớn toàn đi giày đế kép, tên nào đi

giày đế da là hách lăm. Cũng như trong những gia đình đông anh em trai khác, tôi là em nên chuyên phải thừa hưởng quần áo giày của anh tôi. Cũng may, mỗi năm chúng tôi cũng nhiều lăm là ba, bốn lần diện đồ long trọng, đi giày Tây, cho nên những bộ đồ do anh tôi mặc chật, được «hạ bệ» cho tôi vẫn gần như mới tinh.

Mỗi năm chừng một lần, cả nhà tôi ra Hà Nội ăn cao lầu. Tôi nhớ lần nào ông cụ cũng cho vào Đông Hưng Viên. Lên lầu. Cầu thang gỗ có hai tay vịn bọc đồng vàng loáng. Hầu sáng Tàu bận đồng phục trắng. Gia đình tôi lấy một phòng riêng. Trong lúc ông bỏ gọi thức ăn, anh em tôi đùa nghịch, chạy ra, chạy vào, chui xuống dưới gầm bàn.

Khi các món ăn được mang lên, chỉ có hai ông bà ăn. Bọn anh em chúng tôi mỗi đứa đã đớp hai cái bánh rán – bánh rán đặc biệt của Đông Hưng Viên thật vô song, da bánh màu vàng ngà, vừa dày, vừa ròn – chúng tôi chỉ ăn thêm được mỗi đứa một bát cơm rang. Thế là xong bữa đi ăn cao lầu. Những món chim quay vịt hầm, vi cá không được chúng tôi chiếu cố đến. Có một sự kiện lần nào đi ăn cao lầu Đông Hưng Viên cũng xảy ra vất vả cho bà tôi nhất là tôi vốn là thẳng bụng dạ xấu, bộ tiêu hóa của tôi phản ứng bén nhạy dễ sợ mỗi khi miệng tôi ăn của ngọt. Lần nào cũng vậy, tôi «đớp» xong bánh rán, chất mỡ ngào đường vừa vào đến dạ dày là tôi chột bụng đòi đi tiêu. Đúng lúc ấy mẹ tôi đang ăn giữa bữa. Bà cũng phải buông đĩa bát đưa tôi xuống bếp, cho tôi đi tiêu.

Những tiện nghi phục vụ cho sự tiêu hóa của con người hai mươi năm xưa không được chú ý đến mấy. Dân Tàu, dân Việt long trọng hóa việc ăn uống, nhưng rất coi thường việc bài tiết những món ăn uống đó. Nhà xí Cao lầu Đông Hưng Viên, hàng ăn lớn nhất Bắc Việt, bần thiêu, dơ dáy kinh khủng. Nó nằm sau bếp nhà hàng. Mẹ tôi phục vụ tôi xong, đi lên đến phòng ăn, không làm sao ăn được nữa. Bà tỏm vì thấy nhà bếp cao lầu quá bần, tỏm vì những thúng nắm lớn nằm cạnh thùng rác, vì những khối thịt sống nằm ngang trên miệng

cống, vì những con chim bồ câu chưa được vật lông, nằm chết trong những thùng gỗ xấp nước.

Đó là thời các tuần báo *Học sinh* và *Cậu Ấm*, *Cô Chiêu* đang được bán chạy ở Bắc Việt. Hai tuần áo dành riêng cho thiếu nhi này được hoan nghênh nhờ những tiểu thuyết như *Đầu Xanh*, *Gió Bụi*, phóng tác truyện *Sans Famille* của Hector Malot, và những trang truyện bằng tranh với những nhân vật nổi tiếng ngang với Lý Toét, Xã Xệ. Bang Bạnh của nhóm Ngày Nay. Những nhân vật vẽ trên *Học Sinh* và *Cậu Ấm*, *Cô Chiêu* là Típ, Tốp, anh Sáu Sụn, Cự Tư Hùng, Thăng Khỏe v.v...

Những lần đi ăn cao lâu ở Đông Hưng Viên, anh em chúng tôi thường nhắc đến một mẫu chuyện khôi hài trên báo *Học Sinh* liên can đến kiếm hiệp và cao lâu.

«*Típ và Tốp được cụ Tư Hùng cho đi ăn cao lâu. Típ, Tốp nói với nhau về chuyện kiếm hiệp :*

– *Trong Sơn Đông Hiệp Khách, Cao Hoành Nhân phi hành ghé quá mà ỷ nhỉ ??...*

Chú hầu sáng đứng sau Típ, Tốp nói xen:

– *Thưa cậu, chẳng biết họ phi hành thế nào chớ ở tiệm cháu đây phi hành thơm lắm ạ !...»*

Những năm thanh bình, xã hội trật tự, trên Vua, dưới Quan, những ông Tây thực dân chơi riêng, không ra mặt hà hiếp giới quan lại A-Nam, miễn là đừng có làm hội kín, con nhà giàu, nhà có của cho cả họ nhờ, mỗi năm về quê chơi đôi lần, được cả họ chiều chuộng, thật thú.

Mỗi năm thầy tôi về thăm quê nhiều lắm là hai lần. Một lần về giỗ ông nội tôi, một lần về vào Mừng 2 hoặc Mừng 3 Tết.

Gần nhà tôi, ở phố Bóp Kèn, có ông Tài Hót. Ông này là tài xế về sau trở thành chủ nhân xe hàng chạy đường Hà Đông – Vân Đình. Ông Tài Hót có một chiếc xe đít vịt, chắc là xe Citroen mui trần. Trong

kỷ niệm của tôi, chiếc xe đó sơn đỏ. Tuy không còn mới lắm, nhưng mỗi lần chiếc xe đó về đậu ở cổng làng Bụi, cả làng phải dất nhau ra xem.

Thầy tôi mượn một ngày xe. Sáng sớm, có lần đích thân ông Tài Hót cầm lái, chiếc xe đít vịt sơn đỏ đến đậu trước nhà tôi. Xe chạy ra Hà Nội, lên cầu Sông Cái gió thổi lồng lộng, nước đỏ Hồng Hà cuộn sóng menh mang, xe xuống Gia Lâm, dốc cầu vòng vèo, nhà rượu Gia Lâm ở dưới chân cầu, ống khói xi-măng đồ sộ, phi trường Gia Lâm phi cơ Nhật bay lên như lá tre vào những năm đầu 1940, đường số 5, xe hơi chạy đua với tàu hỏa «Xe mình chạy nhanh hơn tàu hỏa...» Đến đoạn đường vòng. « Xe mình lại thua tàu !!

Nhà ga Phú Thụy kia rồi. Xe tới đường số 5 đi vào con đường đất đỏ – « sắp về đến quê mình rồi... ». « Đây là đâu hở Thầy ? » – « Đây là chợ Phú Thụy! Làng này là làng ông Cao Bá Quát » ..

Có năm tôi theo bố về quê bằng tàu hỏa. Đi xe điện từ Hà Đông ra Hà Nội – Xuống cửa Nam, đi xe tay đến Nhà Ga Hàng Cỏ. Người ta ra vào rối tinh, rối mù. Mua giấy, ra sân ga.

Ông bấm vé đội mũ cát-két trông như đội xếp. Những ông Tây Xếp Tanh mặt đỏ, tay chân lông lá, bận quần soọc, đi bí-tất cao đến đầu gối, xì xồ nghiêm trọng, toa này hạng nhất? toa này hạng ba nhiều người hì hục khuân những bao tải lên toa. Lên tàu, hai anh em ngồi yên bên bố. Ông bố ghét chạy ra chạy vào. Ngồi nhìn qua cửa kính ra đồng quê mùa xuân, những cột dây thép dập dình lên xuống.

Đồng quê ven đường số 5 mùa Xuân lát phát mưa Xuân trông thật đẹp. Đẹp như cảnh mùa Xuân tả trong tiểu thuyết *Nửa Chừng Xuân*, khi Mai gặp Lộc trên chuyến xe hỏa duyên số ấy.

Đó là những lần về quê thời thanh bình. Tức là những năm trước 1943. Từ năm 1943 trở về sau chiến tranh liên miên đói kém và thiếu thốn, thiếu gạo, thiếu vải, thiếu thuốc, thiếu ét-xăng. Xe hơi không còn xăng để chạy, phải mang lò than to tổ bố đằng sau, những

chuyến về quê của bố con tôi trở thành vất vả.

Vất vả thôi, nhưng vẫn nên thơ. Không còn hách như về bằng xe hơi đít vịt của ông Tài Hót song vẫn còn hách. Bố con ra Hà Nội bằng tàu điện xuống Bờ Hồ, hỏi mượn một chiếc xích lô đạp đi suốt ngày, về quê bằng xích lô đạp cũng phơi phới ra gì. Đi xích lô đạp chậm chậm, nhìn phong cảnh còn thú hơn là đi tàu hỏa. Nhưng không được hách bằng đi xe hơi, nhất là ở điểm khi qua cầu Sông Cái, đến chỗ cầu mở rộng lại phải lái vào đó, ngừng ở đó, cho xe hơi đi sau mình đi qua trước.

Ôi những con đường thơ ấu cũ, những cảnh vật muôn năm không tàn trong trí nhớ. Ở đời này tất cả đều đổi thay. Cả tình yêu cũng đổi thay. 12 năm trước, em yêu anh nồng nàn, say đắm, 12 năm sau em vẫn còn yêu anh, nhưng tình yêu đó dịu dịu, tình yêu ấy như một dòng sông có chiều sâu nhưng không cuộn sóng. Vẫn là sông, vẫn là nước, nhưng hai dòng sông ấy khác nhau. Vẫn là tình yêu, nhưng tình yêu năm nay em yêu anh không giống như tình em yêu anh 12 năm trước. Tất cả đều qua đi, những màu xanh phai tàn, những sắc hồng trở thành trắng xám. Người già chết đi. Con trẻ lớn lên. Duy có kỷ niệm là không thay đổi. Duy có những hình ảnh của kỷ niệm là còn nguyên mãi mãi.

Đường xe hỏa Hà Nội – Hải Phòng chạy ven theo đường số 5, nhưng cũng còn nhiều đoạn hai đường chạy xa nhau. Thuở nhỏ, tôi không thể nào hiểu được tại sao những đường dây thép lại cứ trũng xuống, sa xuống ở giữa hai cột sắt.

Đường dây điện giăng bên đường số 5 có nhiều dây điện hơn, trông giàu có, văn minh hơn đường dây điện Hà Nội – Hà Đông chỉ lèo tèo có vài dây. Tôi nhớ những trò chơi hồi nhỏ ven đường xe điện: đặt một lô nút chai bia hay li-mô-nát lên đường sắt tàu điện chạy qua, những nút chai dẹp lép, tròn xoe phẳng lì, trở thành những đồng xèng thật đẹp, đẹp hơn lấy búa đập nhiều. Hoặc đứng áp tai

vào cột sắt dây điện, nghe tiếng điện rung o o, vo vo. Chúng tôi phân biệt được cả tiếng điện với tiếng con tàu sắp chạy tới.

Đường về quê đất đỏ. Vùng này nguyên là bãi Sông Đuống. Có thời đê vỡ bị lụt tám chín năm liền, cả làng đói dài, đói dẹp người. Dân làng phải đào củ chuối, nấu rế cây mà ăn. Bố tôi nói chuyện cụ nội tôi phải ăn cháo thay cơm. Cháo nóng mà lại lỏng, vì ít gạo, chỉ có nước, ông cụ thổi cho nguội để húp, còn nói đùa – «Cháo bà mày nấu tài quá, cháo có thủy ba...» Thủy ba tức là sóng. Cháo mà có sóng thì phải biết là cháo lỏng đến chừng nào.

MƯỜI

Làng Bụi nhỏ, nghèo, nhưng dân làng, nhất là các cụ trong dân, cũng xôi thịt và hay ủng-ảng nhau không kém gì dân quê của một triệu làng khác ở Bắc Việt. Được cái họ Dương tôi lớn nhất làng. Có lẽ đến hai phần ba tổng số dân làng Bụi là người họ Dương, các ông bác, ông chú, các anh tôi chia nhau giữ hết các chức vị kỳ mục, kỳ “nát” trong làng cho nên anh em tôi về làng được trọng nể ra gì. Vậy mà cũng có một vài chuyện lảm cẩm như bố tôi ngày thi đỗ không chịu cho làng ăn khao. Bố tôi bận y phục đàn ông Việt Nam thế kỷ trước – áo dài, khăn xếp – bảo thủ tôn ti trật tự một cây, nhưng ông lại không ưa những trò cúng bái và chè chén ở chốn hương đảng – làm bà nội tôi rầu rĩ vì dân làng nói – «không có khao, làng không biết...vv». Lại còn một ông chú của bố tôi làm nghề phù thủy, vì đời cho nên ông đi rước hồn ma về làng con ma nó phá làng, phá xóm, để dân làng phải nhờ đến ông cúng, ông trị ma, ông mới có việc làm, có gà, có rợu để «đớp». Theo lời bố tôi kể lại, ông phù thủy ấy rước về làng hai hồn ma. Hai hồn ma này vẫn là 2 chị em, chết vào một giờ thiêng ở đâu đó, được rước về ngụ ở Cây Đa đầu làng.

Những làng quê Bắc Việt đa số đều có cây đa và cây nào cũng ở ngoài làng, hoặc ở đầu làng, hoặc ở cuối làng – và cây nào cũng lớn, cũng um tùm cành rể, và gần như cây đa nào cũng có ma. Hàng trăm cái bình vôi được mang bỏ ở gốc cây đa. Đêm mùa đông trời vừa rét, vừa tối đen, vừa mưa bay, lò mò đi qua đấy sợ đến rùn tì, tóc gáy và lông lá trong người có bao nhiêu cái đứng dựng hết cả lên. Bố tôi nói rằng hai hồn ma được đem về cây đa làng tôi là hai chị em. Dân làng tôn kính gọi là Hai Cô Kiều.

Bố tôi không tin có ma quỷ, ông rất ghét lễ bái, cầu cúng vớ vẩn.

Ông ghét nhất là trò đàn bà lên đồng. Ông vẫn nói bằng một giọng quả quyết với anh em tôi rằng đời này không có ma, ai nói ma mãnh là láo. Nhưng ông cũng nói những câu mơ hồ chứng thực sự hiện diện của ma mãnh ở trên cõi đời này như người ta không sợ gì hết, ma nó phải sợ người chứ người việc gì mà sợ ma. Cho đến ngày gia đình tôi tản cư về quê, em gái tôi, mẹ tôi bị ma làm.

Ông nội tôi ra làm việc dưới trướng Quận Công Hoàng Cao Khải. Cụ Quận có thời ngồi trị nhậm hạt Kinh Bắc, tức là hai tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, nơi về sau này có Trung Đoàn Bắc Bắc, khá nổi tiếng trong số những trung đoàn đánh Pháp ở Bắc Việt. Gia Lâm là một phủ của tỉnh Bắc Ninh, cho nên thời ấy, ông tôi hách lẫm.

Đám hương lý họ Dương về làng «oai dũng» mở cuộc phản công dân họ Lê. Lại bắt bớ, lại đánh đập, bây giờ đến lượt đàn ông họ Lê trốn chui, trốn nhủi nhục nhã – Ông họ Lê – bồi Tây – thấy rằng mình nhờ thế lực Quan Tây không xong, đành phải cầu hòa.

Ông nội tôi về làng. Ông họ Lê đến nhà ông tôi, mở cuộc thăm xã giao «lãnh tụ Họ Dương» để xin lỗi và điều đình «sống chung hòa bình». Ông tôi cũng tiếp đãi ông họ Lê đàng hoàng, cũng mời ngồi uống nước, nhưng ông cụ đã định sẵn mấy câu chửi độc.

Ông cụ lôi anh con trai – người sau này sanh ra tôi – ra chửi trước mặt khách. Lý do : anh con của cụ bận áo xắn cổ tay áo trông có vẻ «bồi bếp».

– Đồ khốn nạn... Mà có đi làm đầy tớ cho Tây đâu mà mày ăn bận bồi bếp như vậy hả ?? những thằng bồi bếp... khốn nạn cút đi nơi khác, đừng ở đây bẩn mắt tao... Tao không muốn nhìn mặt những thằng bồi bếp hạng mày... Nghe chưa !!

Buổi hội kiến giữa ông «lãnh tụ Họ Lê » với ông «lãnh tụ Họ Dương » lẽ tất nhiên là có nhiều quan viên hai họ đi theo, chứng kiến.

Ông Họ Lê nghe chửi xám mặt lại. Ông cáo từ ra về. Biết là không

thể ở làng được, ông ta bỏ làng đi luôn. Ông đem gia đình vào Nam Kỳ lập nghiệp. Các con ông về sau trở thành kỹ sư, bác sĩ. Họ vào dân Tây. Một ông kỹ sư họ Lê đã nổi tiếng ở Saigon một thời vì làm gián điệp do thám cho Đồng Minh và bị Quân Nhật bắt với máy truyền tin cho Đồng Minh dấu trong nhà riêng.

Họ Lê xuất phát từ làng Bụi đó trung thành với Tây. Họ không còn là người Việt Nam nữa, và họ đã dám chết cho sự trung thành của họ. Ít ra, đó cũng là những người trung thành trong khoảng thời gian 20 năm qua.

Làng Bụi mất họ Lê từ đó.



Mùa Xuân về đồng quê miền Bắc nơi nào cũng đẹp. Kể cả quê tôi, nơi không có một danh lam, thắng cảnh nào đáng để tự hào. Miền Bắc đẹp hơn hai miền ở điểm khí hậu có đủ bốn mùa Xuân. Hạ, Thu, Đông. Mùa Xuân có mưa bụi bay, trời lạnh nhưng dễ chịu, cái lạnh rét buốt của mùa Đông qua đi, nhường chỗ cho cái mát mẻ dễ chịu của mùa Xuân.

Những năm còn nhỏ tôi chỉ mỗi năm về quê nhiều lắm 2 lần. Lần nào cũng sáng về chiều lại lên xe ra Hà Nội để về Hà Đông. Không ngủ lại quê đêm nào.

Đến năm tôi 16 tuổi, một mùa hè, tôi về quê ở hai tháng.

Đó là thời Ngọc Diệp đã rời Hà Đông để ra Hà Nội học. Tôi buồn như một gã thất tình chính hiệu. Nàng chỉ ra Hà Nội học rồi lại về Hà Đông, gia đình nàng vẫn còn ở tỉnh, nhưng tôi quan trọng hóa chuyến đi của nàng. Tôi coi đó như một cuộc sinh ly, như Diệp làm một chuyến đi dài, lâu đến suốt đời tôi không còn bao giờ được gặp lại nàng.

Buổi chiều Ngọc Diệp ra Hà Nội, trời tình nhỏ bỗng dưng u ám. Buồn như chưa bao giờ buồn thế. Tôi ra bến xe điện đưa tiễn nàng. Nàng bận áo nhung xanh nước biển, lên tàu với ông Đốc Phủ. Ông

cụ đưa con gái đi, cây ba-toong xách theo, điều thuốc giả bằng gỗ sơn trắng như cây bút chì ve vẩy trên tay. Tôi ngồi trên chiếc xe đạp ghếch «pê-đan» trên vỉa hè nhìn lên tàu. Một an ủi lớn, một hình ảnh không bao giờ phai tàn. Trong buổi chiều vàng vọt ấy, Nàng nhìn qua khung cửa sổ tàu xuống chỗ tôi, mỉm cười. Khi tàu chuyển bánh, tiếng chuông leng keng, nàng lén giơ tay vẫy tôi. Từ biệt.

Tôi phóng xe đạp đuổi theo tàu điện. Tàu điện ngày xưa chạy không lấy gì làm nhanh lắm. Tốc lực tối đa của tàu điện Hà Nội – Hà Đông chỉ đến 40 cây số một giờ là cùng. Lại có nhiều trạm dừng nên tôi vẫn đạp xe theo kịp.

Tàu ra đến Thanh Xuân – hai cây số, đã xa lắm rồi – tàu dừng. Người trên tàu điện bắt đầu để ý đến gã con trai phóng xe đạp như điên đuổi theo tàu. Chắc họ biết là gã con trai đó theo tiễn một người trên tàu...

Chiều đó, tôi phóng xe đạp theo tàu điện ra đến Ngã tư Sở. Tới đây, địa phận không còn là Hà Đông nữa. Chiêu Quân đã đi vào đất Đại Hàn. Huyện Trân đã tới biên giới Chiêm Thành. Người đuổi theo Tình yêu và Hạnh phúc dừng chân đạp «pê-đan», thẫn thờ nhìn theo chuyến xe chở Tình yêu và Hạnh phúc của mình đi xa dần, xa dần, rồi mất trên hai con đường sắt. Đường về thật buồn. Trời mùa Đông tối xuống thật nhanh. Lần đầu tiên trong đời, tôi cảm thấy yêu là khổ.

Như một chuyện tiền định, từ đó về sau, trong cuộc đời, tôi đã nhiều lần chạy theo, đuổi theo Tình yêu, nhưng nhiều lần, tôi bỏ cuộc dở chừng, nhiều lần tôi theo không kịp.

Từ buổi chiều buồn đó, trời Hà Đông chiều nào cũng buồn. Mùa Đông không đi bơi sông, không đi câu cá, không đi đá banh được, sân vận động gió thổi lạnh buốt ngực, vắng tanh suốt ngày.

Tôi thấy tôi không còn ham mê bất cứ một thú chơi gì. Trong những buổi chiều nằm một mình trên gác vắng, đắp chăn bông, mở cửa sổ nhưng đóng cửa kính, đọc tiểu thuyết tôi thấy đôi mắt Ngọc

Diệp hiện rõ trên những trang sách. Tôi đang ở vào cái tuổi bắt đầu yêu đương, mơ mộng vẫn vợ, muốn làm chuyện ái tình yêu đương nhưng chưa dám, chưa có cơ hội. Đó là tuổi dậy thì của bọn con trai.

Con trai, khi đến số tuổi mười lăm, mười bảy dậy thì, cơ thể thay đổi, cũng khó chịu hay bấn gắt, dễ hờn giận, dễ làm thành to chuyện những chuyện không đâu không khác gì bọn con gái. Tôi cũng có nhiều lúc mơ mộng vẫn vợ như thẳng mắt hồn. Như quen chân tôi đi trở lại con đường vắng trước cửa nhà Ngọc Diệp, đi đến xóm Hoàng Hoa tâm trí mê loạn đến nỗi nhiều buổi chiều tôi yên trí là Ngọc Diệp vẫn còn ở nhà, nếu đi lại vài lần nữa tôi có thể may mắn được nhìn thấy nàng trong khung cửa sổ.

Phi cơ Đồng Minh đến ném bom đều đặn hơn. Chiến cuộc đi gần vào ngày tàn. Phi cơ của Quân đội Thiên Hoàng dường như không còn có mặt ở trên trời Bắc Việt. Có một năm về quê qua cầu Gia Lâm, vào buổi chiều, tôi nhìn lên khung trời trên phi trường Gia Lâm thấy phi cơ bay nhiều như lá tre. Đủ loại. Nhiều hơn cả trong xi-nê. Nhưng đến nay phi cơ Đồng Minh làm chủ vùng trời Bắc Việt. Phi trường Gia Lâm chỉ còn lơ thơ vài chiếc máy bay nhỏ đậu hiền lành sau những hàng rào dây thép gai. Vì những cuộc báo động liên tiếp, mọi ngành sinh hoạt gần như bị tê liệt hoàn toàn. Các trường lại đóng cửa. Tôi chờ đợi Ngọc Diệp trở về Hà Đông, đem mùa Xuân và ánh nắng trở về tinh lý và tâm hồn tôi.

Nhưng nàng không về. Mỗi buổi sáng, tôi đánh bạo đứng chờ U Già đi chợ, để hỏi thăm về nàng. U cho tôi biết nàng đã lên Sơn Tây, ở với bà chị nàng lấy chồng làm Bác sĩ ở tỉnh đó. Tôi thất vọng đến nỗi về nhà nằm liệt giường, liệt bệt như thẳng ốm.

Ba ngày sau, chị tôi về quê thăm thóc, bán thóc gì đó, tôi theo chị về.



Về quê, nhờ thay đổi khung cảnh sống, nhờ được cả họ cùng

chiều, tôi quên Ngọc Diệp và tôi yêu đời trở lại.

«Khung cảnh quen thuộc gợi cho con người nhớ nhưng nhiều hơn tất cả. Mười hai năm sau khi trở về nơi anh và em đã gần nhau, buổi chiều khi chúng ta mới yêu nhau trong lòng nhưng chưa nói tình yêu ra bằng lời, chưa làm tình yêu, môi em chưa hé nở chờ đợi môi anh tìm đến, em ngồi trên tảng đá ven đường vòng núi Cấp nhìn ra xa khơi, biển xanh trong như mắt em anh tưởng như em vẫn còn ngồi đó và mười hai năm qua chỉ là một thoáng thời gian. Anh lại nghĩ tiếp ý nghĩ mà anh đã nghĩ về em buổi chiều mười hai năm trước đó. “Người đàn bà kia có tâm sự buồn, nếu mình có thể làm cho nàng vui”.»

Trông những phố vắng của tỉnh nhỏ Hà Đông tôi mơ tưởng hình ảnh Ngọc Diệp ở mỗi góc phố mỗi đầu đường. Vì đó là tỉnh của nàng, vì thật sự nàng có sống ở đó. Con đường này đã có gót chân nàng đi qua, mái tóc nàng đã được soi sáng dưới cột điện này. Hàng cây này đã được mắt nàng nhìn tới. Dù người thật bằng xương bằng thịt đã đi xa, vẫn còn bóng dáng thướt tha ở đó. Nhưng quê tôi chưa từng bao giờ có nàng. Những cây đa, sân đình, giếng khơi, những bờ ao, đường gạch này chưa từng bao giờ được có nàng. Vì vậy chúng không gợi cho tôi nhớ đến nàng. Tôi cũng không thể nào tưởng tượng được cảnh Ngọc Diệp sống trong làng quê này.

Dân làng tôi có một vài tiếng địa phương. Chẳng hạn như bọn con trai trong làng đều được gọi là Cò – Thằng Cò, Anh Cò. Thằng con trai nào chưa vợ trong làng cũng đều là Cò. Đến những giờ ăn cơm, tiếng các bà mẹ gọi con ơi ở các bờ ao : « Cò ơi... Cò...! ». Con trai lấy vợ sớm. Tảo hôn kịch liệt. Đến năm 1941-1942, tục tảo hôn vẫn còn mạnh trong làng tôi. Thằng Yên, thằng Lễ, hai thằng em con Chú tôi đều được lấy vợ từ những năm chúng mười tuổi. Vợ chúng nó toàn là con nhà làng bên. Nhà giàu lấy con gái nhà giàu, nhà nghèo lấy con nhà nghèo.

Làng tôi có vài cái tên đặc biệt. Ông Bác họ tôi tên là Bác Tún, hai chị gái tôi là chị Tũn, chị Tụn. Đây là tên thật, cam đoan không phải là tên phóng sự bịa đặt. Nhiều khi « la réalité dépasse la fiction », tên người thật ở cõi đời này có âm thanh phóng sự hơn cả phóng sự thời đại. Như ông bán thuốc Lào ở đầu ngõ nhà tôi có cô con gái tên là Thiu. Giữa trưa, đêm tối người làng đến mua thuốc Lào lẻ, đứng chỗ vào cái lỗ vuông bằng hai cục gạch trên tường, gọi ơ ơ – « Thiu ơ... bán thuốc... »

Ông Chú tôi tên là Ngạch. Hai con em gái tôi tên là cái Ngần, cái Ngại. Như mọi đứa con gái quê chưa chồng, Ngần xứng hợp với cái tên của nó quá. Tên nó hiền lành. Ngần cũng hiền lành. Tiếng Ngần gọi cho người ta nghĩ đến sự trắng : trắng ngần. Da cái Ngần cũng trắng như cái tên nó. Cái Ngại là em nó khác hẳn Ngần. Cũng ngại, ngại như cái tên Ngại của nó, cái Ngại người đen sặc, khô khan, chẳng có tí thịt, tí mỡ mát mẻ nào.

Cũng như hai con gái ông chú Buồm : cái Mơ, cái Mận. Mơ nó mận mà, gọi cảm như một trái mơ. Cái Mận rắn chắc gọi ý chua chát như trái mận xanh.

Con gái làng tôi đẹp thì không đẹp lắm, nhưng cũng không đến nỗi nào quá xấu. Câu ca dao «*Toét mắt là tại hướng đình. Cả làng toét mắt, một mình em đâu*» không được dùng để giễu con gái làng Bụi. Gái làng cũng có đứa toét mắt như con gái cả ngàn làng quê khác ở Bắc Việt, những làng có những cái ao tù nông choèn, nước mùa cạn chỉ lên tới đầu gối, dân làng xuống bờ ao làm trăm thứ việc cần dùng đến nước: rửa mặt, giặt, vo gạo, rửa rau, rửa dít. Nhưng số con gái toét mắt ở làng Bụi không quá mười phần trăm.

Con gái trong miền quê tôi cũng không có làng nào đẹp trội. Sàn sàn bằng nhau cả. Làng nào giếng nước không trong, không có sông sâu, núi cao, ruộng đất không màu mỡ, phong cảnh không đẹp, làm sao có thể nảy sinh ra con gái đẹp.

Con gái họ Dương ở làng Bụi không đẹp, không xấu, như vì họ quá lớn, nên có nhiều người ế chồng.



Tôi đem về làng một cái Harmonica, Made in Japan, hiệu Caruso. Sau những cây kèn Butterfly còn sót lại, hiệu kèn Caruso của Nhật là kèn hách nhất. Và một cây sáo.

Thoạt đầu, cũng như tất cả những anh bé con tập thổi sáo ở cõi đời này, tôi thổi sáo dọc. Những âm thanh «tò loe» chướng tai, ngang phè phát ra từ ống sáo dọc thô bỉ ấy nghe không khác gì tiếng sáo những bác hoạn heo đi rong. Nhưng anh bé con nào bằng tuổi tôi cũng tập thổi sáo dọc, trước khi mò thổi được vài bài, quen với âm thanh và những cử động của ngón tay, để chuyển sang thổi sáo ngang.

Bọn thiếu niên tỉnh nhỏ, trước những năm 1945 tên nào biết chơi Harmonica và thổi sáo ngang đã là bảnh lắm. Đó là thời «Guitare hawaienne» đang được thanh niên Bắc Việt hâm mộ. Đàn đặt trên lòng, đúng là đàn nằm, năm ngón tay mang móng sắt, phùng phưng những tiếng đàn òng ọ, nõng nõng, nhủng nhủng như tiếng mèo gào đực. Vậy mà được hoan nghinh. Có lẽ vì «Guitare hawaienne» dễ chơi, vì nó ồn ào, lèng xèng, chỉ cần học đến ba tháng là đã chơi được bài bản rồn rảng.

Tỉnh Hà Đông đúng là một tỉnh nhỏ điển hình của đồng bằng Bắc Việt. Nghĩa là cái gì cũng có, nhưng có tí ti thôi, không có cái gì nổi bật. Chẳng hạn như đội bóng tròn Hà Đông, có hai đội, đá giầy và đá chân đất. Đội đá giầy đá tạm được, nhưng chẳng lần nào được vào chung kết giải vô địch Bắc Kỳ. Về thi văn, Hà Đông có nữ thi sĩ Anh Thơ.

Nhà thơ đàn bà Anh Thơ có lẽ chỉ được coi là thi sĩ vì là đàn bà. Thơ của Anh Thơ có lẽ dở nhất thế giới. Cô ở một nhà trong làng Đơ. Bọn thanh niên lớn tuổi hơn tôi thường kháo với nhau rằng Nữ thi sĩ

Anh Thơ ghê Tàu. Tôi không hiểu chuyện này đúng hay không. Tôi chỉ vài lần gặp cô Anh Thơ đi ngoài phố.

Về đàn, thanh niên Hà Đông chỉ có vài người chơi Violon. Còn đa số là «Guitare hawaienne». Người thường đánh đàn Banjo ào ào trong các cuộc «mét-tinh» ở vườn hoa trước Sở Cẩm Hà Đông là Phúc, biệt hiệu Phúc Bồn hoặc Phúc Tí Bồn. Người chơi nhạc được chú ý đến thứ hai là Trọng Khương, người về sau là tác giả những bài : *Ghen, Bánh Xe Lãng Tử*.

Bánh xe quay nhanh nhanh

Chiếc thân xe rung rinh

Chìm trong làn cát trắng...

Hình xe mờ khuất trong đêm thâu.

.....

Ta lướt lưu một kiếp giang hồ

Dù rằng đời có ơ thờ...

.....

Đêm nay đập vỡ cây đàn...

Giận đời nào ai mắt xanh...

Danh tài thổi Harmonica nổi tiếng nhất Bắc Việt hồi ấy là Le. Tôi nhớ anh một năm đôi kỳ đến trường tôi học thổi kèn cho học sinh nghe. Một mình anh trình diễn. Với cái cặp da trong có hai cây kèn. Anh hay thổi bài *Buồn Tàn Thu* : «Ai lướt đi ngoài sương gió... Không dừng chân đến em bẽ bàng...». Bài *Biệt Ly* : «Biệt ly nhớ nhung từ đây... Chiếc lá trôi theo heo may... Người về có hay...» Bài *One Day*... Bọn học trò nhỏ chúng tôi ngồi ngây, mắt nhìn như bị thôi miên miệng há hốc.

Tôi mê thổi Harmonica nguyên do một phần lớn là vì nghe Le thổi kèn . Phần nữa vì Harmonica dễ thổi , không cần ai dạy , chỉ có cây kèn thổi ti toe mãi cũng thành bài. Với Harmonica, khó là việc đập lưởi để cho kèn phát ra những tiếng «phập phập». Hai mươi năm đã

qua, cho đến hôm nay, tháng này, tôi vẫn còn nhớ nguyên hình ảnh Le thổi kèn.

Người anh hơi thấp. Da đen. Trán hình như có sẹo. Anh để tóc anh hơi quăn. Mái tóc đó chải Brillantine bóng loáng như vảy lĩnh. Anh bận áo sơ mi trắng dài tay. Khi thổi kèn, anh xắn tay áo, dùng cả hai tay để nâng cây kèn và đưa đẩy cây kèn trên miệng. Như tất cả những người thổi kèn trên cõi đời này, môi Le dày và đen, như môi Louis Armstrong. Anh đứng trên bục thầy giáo, trước bảng đen, người cúi xuống, lưng hơi gù, chân đập nhịp.

Những lần ngồi nhìn Le thổi kèn, tôi đã mơ hồ nhìn thấy sự thật đói rách của những nghệ sĩ trong bộ cánh sộ nhất của Le. Tôi đã linh cảm thấy rằng đời nghệ sĩ làm vui cho đời, phục vụ người, trong xã hội ta, không được đài thọ xứng đáng.

Ôi... những cây kèn harmonica đầu tiên trong đời. Khi tôi mê chơi kèn, những cây kèn Butterfly đã hiếm ở Hà Nội. Vì đường giao thông Âu Á bị cắt, hàng Pháp không sang được Đông Dương. Chỉ còn những cây kèn Butterfly cũ, rỉ, truyền tay nhau. Tôi phải thổi những cây kèn Harmonica Made in Japan. Kèn Nhật nặng đến nỗi mỗi lần thổi xong một bài, tôi mệt, hết hơi, mắt hoa, bủn rủn cả chân tay.

Về quê, harmonica là một nhạc khí lạ, nhưng không được hoan nghênh. Về quê, tôi được các anh, các ông chú thích, vì tôi thổi được sáo ngang.

Hướng đạo sinh được dạy hát bài Cổ Bản. Bài này qui tụ gần hết những điệu nhạc cổ. Cạnh nhà tôi ở quê là nhà ông anh họ tôi – Anh có cái tên là anh Dái – Ở quê tôi, con trai ngoài cái tên Cu thông dụng, còn được gọi anh Dái. Đặc biệt nhất là có một anh được gọi là anh Dái Nờn, vì tên cúng cơm của anh là Nờn.

Anh Dái kéo đàn cò, tức là kéo nhị. Tôi thổi sáo bài Cổ Bản. Những đêm trăng, trải chiếu trên sân gạch, chúng tôi hòa nhạc. Anh phục tôi lắm. Vì với bài Cổ Bản, tôi có thể thổi sáo tất cả những điệu

nhạc mà anh biết.

Ống sáo ngang có 8 lỗ tất cả. Một lỗ để thổi. 6 lỗ phát âm dùng 6 ngón tay chặn lại, mở ra. Một lỗ khi thổi phải dán giấy mỏng, lấy tiếng rung. Tôi vẫn lấy giấy pelure thấm nước miếng dán lấy đấy. Về quê, anh Dái bày cho tôi trò lấy màng tre non dán ống sáo.

Màng tre là cái màng bóc trong ruột cây tre non. Chỉ cây tre non mới có màng, tre già không có. Và một cây tre non được chặt xuống, chẻ đôi ra, chỉ bóc lấy được có một miếng màng, dán ống sáo được một lần, là vứt đi, vì gặp khí trời, chỉ một lúc sau, màng tre trở thành cứng, không dùng được nữa.

Công tử Hà Đông về quê xài sang cứ như là con quan đại phú gia nhà giàu nứt đố, đổ vách. Mỗi buổi chiều, tôi hạ một cây tre non. Cứ mang dao ra bựi tre lựa cây tre nào đẹp nhất là chặt xuống, chẻ đôi ra. Để làm gì ? Để bóc màng tre dán lỗ ống sáo. Chỉ thế thôi. Cả một cây tre được dùng có mỗi một việc : bóc lấy tí màng ruột tre bằng con cò dán thư, dán vào lỗ ống sáo. Chị Thìn – người chị cùng cha, khác mẹ với tôi – chiều em, không cấm cản gì hết. Chị mặc tôi muốn làm gì thì làm, miễn là tôi vui, tôi đừng đòi ra tình.

Anh Dái tỏ ra sốt sắng nhiều trong việc giục tôi chặt tre non lấy màng dán ống sáo. Về sau tôi mới hiểu tại sao. Anh đợi tôi hạ tre bóc lấy màng xong vứt đi là ngỏ lời xin về chẻ tre làm lạt. Tre non phải chẻ ra làm lạt ngay. Để lâu quá nửa ngày, tre cứng lại, chất nước trong lòng tre mất đi tre non cũng trở thành vô dụng.

Những đêm trăng vắng vặc, tôi và anh Dái ngồi thổi sáo, kéo nhị trong sân vườn. Phải ở nhà quê, con người mới có dịp ngắm trăng, mới biết là trời đất này có trăng, có sao và đêm trăng tuyệt đẹp. Dân thành phố không thấy trăng, không được hưởng vẻ đẹp vắng vặc của trời trăng. Vì những ngọn đèn đường hoá giải sự huyền diệu của ánh trăng. Vì những ánh đèn ô-tô giúp cho mắt người đi thấy rõ đường xá, gốc cây, vỉa hè, không cần ánh trăng như người đi trong

cảnh đồng lúa mênh mang. Người thành phố không biết có trăng vì những dãy nhà cao cản mất chân trời. Nếu trăng có sáng, cũng chỉ lọt vào mắt con người ở giữa lòng hai dãy nhà lâu một thoáng rồi mất. Người thành phố nhìn trăng cũng như những tù nhân nhìn mặt trời và ánh nắng qua ô cửa nhỏ phòng tù.

Con chúng ta ở thành phố không được biết là trời đất này có trăng. Em có bao giờ nghe con chúng ta nói đến trăng sao chưa ? Chẳng bao giờ. Con chúng ta, con những người quanh chúng ta ở thành phố chật hẹp này không biết đến trăng sao. Ánh sáng ban đêm của chúng là những « tuýp» đèn «nê-ông», là ánh sáng hắt ra từ những màn ảnh Ti Vi. Có một ngày, Thanh Nam viết một truyện dài, lấy tên là « Trăng Thành Phố». Thoạt đọc lời giới thiệu tiểu thuyết sắp viết của hắn, anh đã nghĩ – “Thành phố làm gì có trăng, có người thành phố nào ngắm được trăng bao giờ đâu ! !”. Còn những người nghèo trong các xóm lao động không đèn điện lại càng không biết là trời có trăng. Vì họ phải đi ngủ sớm lấy sức để sớm mai lao động. Anh lại nghĩ đến những đêm trăng sao tuyệt đẹp ngày anh và em mới yêu nhau ở căn nhà đường Mayer. Nhà có sân gác cao. Hồi đó, vùng Tân Định chưa có nhiều tòa nhà mới xây cao như bây giờ. Lên mái nhà chúng ta đã là cao lắm. Ở đó, chúng ta nhìn thấy gác chuông Nhà Thờ Tân Định, thấy gác chuông Nhà Thờ Đức Bà, thấy từng lối đi giữa những ngôi mộ đá trong Nghĩa Trang Tư Bản, được gọi là Đất Thánh Tây. Đêm ấy cách đêm nay đã 1.380 đêm, 12 năm đã qua. Anh vẫn còn nhớ mãi những đêm tình yêu chan chứa ấy, giây phút em nằm mắt nhìn lên trời trăng sao, và anh yêu em. Khi anh cúi mặt nhìn xuống đất mà vẫn trông thấy trăng sao...

Trong bọn thiếu niên ở tỉnh về làng, chỉ có anh Lợi và tôi là sáng nước nhất. Và trong hai anh em tôi, anh Lợi hơn tôi về tất cả mọi mặt. Đáng kể nhất là anh đẹp trai hơn, học cao và giỏi hơn, tư cách hơn, bơi hay hơn, chơi nhạc cừ hơn.

Anh là một hướng đạo sinh gương mẫu trong lúc tôi cũng là hướng đạo sinh, nhưng là một thứ hướng đạo sinh bét nhất thế giới, không bao giờ thuộc hết morse, vụng về khi làm nút, dựng lều, không có duyên kể chuyện, đờn ca không ra gì. Anh Lợi là em con chú, con bác ruột với anh Dương Đức Hiền, nhưng khác chi. Bác Phán Hiệp người sinh ra anh Hiền, làm việc tại Phủ Toàn Quyền Hà Nội, nhưng cũng cư ngụ ở tỉnh lỵ Hà Đông như thầy tôi.

Tôi hiểu rõ sự thua kém của tôi trước anh Lợi khi nghe anh Dái phê bình:

– Chú thối sáo cũng khá đấy... Nhưng chưa bằng chú Lợi... Chú Lợi thối sáo tuyệt lắm...

Anh Dái phê bình tôi như vậy trong một đêm trăng. Tôi đang nằm trên một chiếc chiếu trải ở đầu sân gạch, nhìn lên trời cao xa, vút và trong vắt, trăng quê đang lúc sáng, có nhiều màu xanh trắng hơn là màu vàng. Tôi công nhận lời so sánh của anh Dái là đúng, mặc dầu tôi cũng nhiều tự ái như ai, dù tôi có thể cãi bướng. Nếu tôi cãi là tôi không kém, anh Dái sẽ chiều tôi, sẽ nói lại. Nhưng tôi không cãi. Từ giây phút đó, tôi đã bằng lòng nhận rằng trong đời, tôi sẽ không bao giờ xuất sắc nhất về bất cứ một môn gì. Tôi có thể tự cho là tôi tài hoa về một vài trò, nhưng nói là nhất, là hơn hết mọi người về trò đó thì không. Vào một đám đông, tôi không đến nổi chìm trong số những anh không được ai để ý, nhưng tôi cũng không phải là ngôi sao sáng trong đó .

Trên những cánh đồng trồng đậu, ngò xanh rờn bên bờ sông Đuống, tôi yêu lần thứ hai trong đời.

Tôi yêu đúng vào người con gái quê mà anh Lợi đã yêu trong mùa hè năm trước. Anh Lợi đã về quê ở trước tôi một năm, và anh hơn tôi một tuổi, tôi đã nói, tất cả, Lợi đều hơn tôi.



Lại một mối tình hoàn toàn không có sự đụng chạm của xác thịt.

Người gái quê đó đã yêu Lợi thì đúng hơn. Hoặc phải nói, Lợi không yêu người gái quê đó bằng nàng yêu Lợi.

Trong năm ấy, Tú có lẽ là người con gái đẹp nhất trong số những cô gái 17 tuổi của làng Bụi. Chị Tú. Tôi phải gọi là chị, vì nàng có họ với tôi.

Nhưng chi họ Dương nhà nàng với chi họ Dương nhà tôi đã khá xa nhau. Tôi đã nói họ Dương trong làng Bụi quá lớn, chiếm đến 80 phần trăm tổng số dân làng, cho nên trai gái họ Dương khó lấy vợ, lấy chồng. Nhìn quanh, tôi chỉ thấy toàn các em gái, các bà chị.

Một buổi sáng, đang ngồi câu cá ngoài bờ ao, tôi thấy thằng Cò Quay – một thằng bé độ 12 tuổi, con một chú nghèo làm rẽ ruộng nhà tôi – dắt hai mẹ con con bò đi qua vườn.

Tôi hỏi một câu ngớ ngẩn:

- Mày đem bò đi đâu thế ?
- Em đưa ra đồng cho nó ăn cỏ...
- Tao đi với...

Tôi dựa cần câu vào gốc cây sung, lên đường và dành việc dắt bò. Thằng Cò bẻ cho tôi một cành tre, tôi bảo nó :

- Ngồi lên lưng nó được không mày ?
- Được chứ....

Nó nhảy phốc lên lưng con bò lớn, nhìn tôi nhe hàm răng sún ra cười.

- Xuống cho tao cưỡi...

Nó nhảy xuống ngay.

Nhưng tôi ngán quá không dám nhảy lên lưng bò như nó. Lúc ấy, chúng tôi vẫn còn đi trên đường trong làng. Đường lát gạch, bề ngang chưa bằng một thước tây, một bên lại có bụi tre cành lá xòa ra đường, một bên là ao bèo.

- Sao mày cưỡi được mà tao cưỡi không được...
- Anh cứ nhảy lên. Không sao đâu. Nó hiền lắm. Để em giữ nó lại

cho anh cưỡi...

Thằng Cò bắt bò đứng lại. Tôi nhảy lên lưng bò. Bò đứng lại thì được, nhưng lúc thằng Cò quất roi cho bò đi, tôi thấy ngòi nhấp nhồm ghê quá. Tôi chỉ chực ngã :

– Cho tao xuống...

Thấy tôi quá nhát, thằng Cò khuyến khích tôi :

– Tại đường hẹp anh sợ... Để ra đồng, anh tha hồ cưỡi...

Từ lưng con bò bay lên mũi tôi một mùi hôi hôi đặc biệt của loài hò. Vớ tôi, đó là một mùi lạ. Tôi nhớ đến bài «*Ai bảo chăn trâu là khổ...? Không, chăn trâu sướng lắm chứ...*» trong Quốc Văn Độc Bản. Chăn trâu đã sướng, nhưng chăn bò còn sướng hơn. Bò sạch hơn trâu nhiều. Ở những ruộng chiêm, người dân quê mới dùng đến trâu để cày bừa. Làng Bụi đất cát, xốp, trồng đậu và ngô nhiều hơn trồng lúa, nên làng chỉ có nhiều bò.

Tôi đi theo Cò Quay dắt bò ra khỏi làng. Làng tôi có 3 cổng : cổng trước, cổng sau và một cổng làng nhìn lên thôn trên nên được gọi là cổng thôn. Chúng tôi đi ra cổng trước, theo con đường men theo bờ tre, ra bãi tha ma ở ngoài làng.

Bọn trẻ con trong làng tụ tập ở đó chừng hai mươi đứa. Trong số có cả những đứa lớn lộc ngộc đến 18 hay 19 tuổi. Chúng thả bò trên bãi, bày trò chơi làm đình, đánh khăng với nhau. Chúng chỉ canh cho bò đừng xuống ruộng, đừng đi xa lạc mất. Còn thì cả buổi là một cuộc chơi dài.

Tú nổi bật giữa bọn gái quê như một bông hoa hồng giữa một đám hoa nước rẻ tiền. Nàng tương đối là con nhà giàu.

Ông thân của nàng –tôi phải gọi bằng Bác– có khá nhiều ruộng, ông lại làm phụ cái nghề lang thuốc ta. Ông thường đi xem mạch, bốc thuốc cho người trong làng. Đôi khi, ông cũng được mời sang các làng bên để trị bệnh.

Nàng mặc áo cánh màu nâu non, quần đen, chít khăn vuông mỏ

qua. Trước đôi mắt thiếu niên của tôi, đôi mắt mới bắt đầu nhận xét đàn bà, Tú là người thôn nữ đẹp nhất đời, một người mà tôi chỉ mới thấy tả trong tiểu thuyết.

Tôi bị Tú thu hút như một cục sắt chịu sức hấp dẫn của nam châm. Nàng xinh xắn, gọn gàng và vui vẻ, nói cười luôn miêng. Nàng chỉ là gái quê ở làn da hơi đen, bàn tay nàng hơi dầy. Tôi biết chuyện đó vì có lần nàng đưa tôi đi từ bãi tha ma vào chùa chơi, tới đây nàng nắm tay tôi dắt đi, như sợ tôi bị lạc.

Nàng hỏi thăm tôi về Lợi. Năm nay, sao Lợi không về quê nghỉ hè ? Tôi có gặp Lợi luôn không ? Lợi hiện ở Hà Đông hay Hà Nội ? Nàng gọi tôi bằng cậu !

– Cậu có biết bơi không ? Cậu có bơi giỏi bằng Lợi không ? ? Ở Hà Đông, cậu có hay đi bơi với Lợi không???

Qua lời Tú, tôi được biết mùa hè năm ngoái, sau những cơn mưa lớn, cái ao lớn nhất trong làng tôi đầy nước, Lợi đã mặc Slip – loại Slip bơi đặc biệt bằng vải dầy, thường là màu xanh đậm do chúng tôi nhờ cắt và may ở Hà Đông – ra đó biểu diễn « plongeon » và bơi đủ kiểu. Tú mê mãi đứng trên bờ ao cả buổi xem Lợi biểu diễn bơi lội. Nhìn xem và thán phục. Tôi biết Tú yêu Lợi. Yêu theo cái lối mà người nhà quê gọi là «phải lòng mặt». Nghĩa là ngày nào cũng phải gặp nhau, không thì nhớ nhung, vẫn vợ. Tôi biết thế nhưng tôi không ghen tức gì cả. Có lẽ vì không có mặt Lợi ở đây. Nếu có anh, khi thấy anh sáng nước hơn tôi về đủ mọi mặt, khi nhận rõ mình chỉ là người số hai có mặt cũng được, vắng mặt cũng được có lẽ tôi đã ghen, tôi đã bỏ đi.

Tôi đã «phải lòng mặt» Tú. Ngày nào tôi cũng dắt bò đi chăn. Vì Tú có nhiệm vụ đem mấy con bò nhà nàng đi chăn. Tôi cần gặp mặt nàng. Tôi đã vẫn vợ nghĩ đến chuyện tôi và Tú lấy nhau, thành vợ chồng, đến những khó khăn, trở ngại mà chúng tôi sẽ gặp khi lấy nhau, vì hai đứa là chị em họ.

Những ngày mùa xuân ở cánh đồng làng Bụi, tuy tên là Bụi nhưng không có một ly ông cụ bụi cát nào, đất đỏ, lá ngô, lá đậu xanh mướt mướt, mưa bụi phơi phới bay, tình yêu đến tâm hồn tôi với tất cả mộng mơ và quan trọng. Người chị họ xinh xinh, nước da ngăm ngăm đen, bận áo cánh nâu non, quần đen, thỉnh thoảng thêm một đường khăn vuông mỏ quạ, nàng bắt đầu tập ăn trầu. Mối nàng cẩn chỉ. Tôi quên một điều quan trọng: Tú răng đen. Ba mươi năm nữa đây, khi những bà mẹ Việt Nam như mẹ tôi, rời bỏ con cháu ra đi, nước Việt Nam có tục xâm mình, nhuộm răng, ăn trầu sẽ không còn ai nữa. Sẽ hết, sẽ mất. Con cháu chúng ta sẽ có thể trông thấy những hình vẽ xâm mình trên thân thể những ông thủy thủ Âu Mỹ, nhưng sẽ không có thể tưởng tượng thế nào là một hàm răng nhuộm đen – đen lánh hạt huyền – trầu cau cũng sẽ trở thành vô dụng. Trầu cau có lẽ sẽ còn chỉ được dùng để làm một thứ thuốc Nam nào đó. Mối Tú ăn trầu cẩn chỉ đôi khi và tôi nghĩ đến chuyện vì hai chúng tôi là chị em, họ hàng sẽ không bao giờ chấp nhận cho chúng tôi trở thành vợ chồng, tôi sẽ cùng nàng đi xa, đi đến một nơi nào xa lắm để yêu nhau, để trở thành chồng vợ.

Ngày mới lớn chúng ta có những vấn đề quan trọng để đến năm ba mươi tuổi, hồi tưởng, ta thấy chúng chỉ là những vấn đề trẻ con. Nhớ chuyện ngày xưa tôi yêu người chị họ và tính chuyện đem nàng đi xa – xa như vào tận Saigon chẳng hạn – để chung sống với nàng, tôi hiểu tại sao vẫn có những người con trai, con gái, mười sáu, mười bảy tuổi, chết vì những cuộc tình trẻ nít.

Chiến tranh tàn, Nhật Bản bại trận, đầu hàng. Các trường học mở cửa lại. Tôi phải trở ra Hà Đông để đi học, nhưng vì vui chơi ở quê, vì đang «phải lòng mặt» Tú, tôi nhất định không theo chị tôi ra Hà Đông. Dĩ nhiên, đe dọa mãi không được, chị Thìn ra Hà Đông một mình báo cáo với thầy tôi việc tôi từ chối học hành để ở nhà quê chăn bò. Tôi ở quê một mình. Các cô, bà thím tranh nhau mời tôi đến ăn cơm. Ai

cũng chiều chuộng tôi .

Đến một buổi trưa, nằm khểnh trong nhà đọc cuốn truyện vừa mới ra Phú Thụy mượn về được, tôi nghe lẫn trong tiếng kẽo kẹt của bụi tre đầu ngõ có tiếng giầy tây gõ lộp cộp. Tôi nhìn ra sân : thầy tôi về. Ông cụ phải thân hành về quê để bắt tôi ra Hà Đông. Thầy tôi chỉ về có mỗi một việc đó. Ông chỉ vào nhà và ở lại nhà có mười phút, đủ thời gian để hút hai điếu thuốc lào, uống một ly nước trà và đi tiểu. Tôi ngoan ngoãn theo ông ra chiếc xe xích lô chờ ở đầu làng.

Mối tình của tôi với Tú đến đó là chấm dứt. Một năm sau, khi cuộc chiến tranh Việt Pháp (bùng nổ), khi tôi theo gia đình tản cư về làng, gặp lại Tú, tôi thấy nàng quê, trơ khấc và tôi chán nàng như chán cơm nếp nát.



Tôi muốn viết lại cuộc đời tôi từ những ngày thơ ấu cho tới bây giờ. Tôi tạm ngừng ở đây, chờ đợi một ngày nào tới sẽ viết tiếp. Sẽ có một ngày tôi viết tiếp. Tập truyện này có thể được đặt tên là «HÀ ĐÔNG», hoặc « HÀ ĐÔNG VÀ NHỮNG NGÀY MỚI LỚN ». Sẽ có ngày tôi viết về cuộc đời tôi khi tôi đi kháng chiến, những ngày đầu làm báo, những ngày viết văn, tôi hy vọng sẽ có ngày bạn gặp lại tôi trên những trang giấy có những dòng chữ đó.

Có một hôm, có một người Hà Đông nói với tôi : Cậu chỉ mới viết về Hà Đông riêng của cậu. Cậu chưa viết gì về Hà Đông đau thương trong chiến tranh, nghĩa là Hà Đông trong những năm 1946,1947, khi Hà Đông trở thành cửa ngõ của đồng bào hồi cư về Hà Nội, thời gian bọn hung thần Việt Gian không biết từ những nơi nào tới đó gieo rắc kinh hoàng và chết chóc, những tên mật thám đi hỏi vợ bằng một mâm tạc đạn, cưỡng hiếp phụ nữ và dí dao vào ngực, đâm cho chết rúm lại lúc nó khoái lạc... những tên chỉ cần mình đi ngoài đường, nhìn nó là nó đánh mình .

Chúng nhân của Hà Đông đau thương, tang tóc những ngày bi

thảm đó vẫn còn sót lại ở Sài Gòn. Trong một tiệm thuốc phiện mới đây, tôi có gặp một tên trong bọn hung thần Việt Gian súc vật đó. Bây giờ tên đó hết thời, hết tiền, nghiện hút và vì không có tiền hút nên nằm nhầy nhựa trong tiệm làm bồi tiêm và đi mua vạt cà-phê thuốc lá cho khách lấy tiền bố thí. Có thời tên này nhận tiền của Mật Vụ nhà Ngô, cạo trọc vào chùa tu để dọ thám nên người ta gọi đùa nó là Ông Đạo, là Thượng Tọa. Tôi có thể đến đó tìm nó, cho nó hút và nằm nghe nó kể chuyện Hà Đông trong trí nhớ và mắt thấy, tai nghe, về những thằng Việt Gian chó má đã làm cho Hà Đông yêu dấu của tôi trở thành địa ngục cho tôi nghe. Nhưng chắc tôi sẽ không làm thế. Hoặc nếu có, tôi cũng chỉ viết rất ít về Hà Đông của tôi những ngày đó mà thôi.

Bởi vì tôi không sống ở Hà Đông những ngày đó, tôi không cảm động, và khi đã không sống, không cảm, không ai có thể viết hay được. Hà Đông của tôi vẫn muôn đời là thành phố nhỏ, hiền lành, êm đềm và thơ mộng nằm ven dòng sông Nhuệ. Hà Đông của riêng tôi, Hà Đông trước mắt tôi, trong tâm trí tôi, trong dĩ vãng tôi, không bao giờ tàn nhẫn.

MƯỜI MỘT

Bây giờ đã là mười lăm năm kể từ ngày đất nước ta chia đôi và gần một triệu đồng bào từ miền Bắc đi vào miền Nam. Mười lăm năm, một thế hệ đã trôi qua nhưng chưa từng có một cuộc thống kê nào cho biết con số 900.000 người miền Bắc di cư hiện ra đã sinh sản thành bao nhiêu nhân mạng.

Chắc là đã nhiều. Chỉ có một số nhỏ ông già, bà cả tịch đi, xác tàn nằm lại còn linh hồn bay về quê cha đất tổ, bọn các anh, các chị trẻ tuổi sinh sản đông vui ra trò. Tôi chỉ cần kể ngay gia đình tôi làm tỷ dụ.

Gia đình tôi vào Saigon có 9 người : thầy, mẹ tôi và 7 anh em tôi. Cho đến hôm nay, thầy tôi đã mất nhưng bảy anh em tôi đều có vợ, có chồng và có con. Thầy mẹ tôi đã có 15 đứa cháu nội, cháu ngoại. Ngày giỗ, ngày Tết, con cháu về đầy nhà, không còn cả chỗ đứng nữa chứ đừng nói gì đến chỗ ngồi.

Ngày giã từ Hà Nội ra đi, ít người nghĩ được rằng cuộc chia ly lại có thể kéo dài tới hơn mười năm. Cho tới ngày hôm nay, mơ ước của một số người miền Bắc – trong đó có tôi – là được trở về quê hương. Không phải về để sống với cộng sản trong một cuộc sống mà mình đã chê bỏ, mà là về để thăm lại quê hương, để sống lại ở nơi mình đã sống. Mơ ước chính đáng và đáng được thực hiện, vì quê hương chúng ta không phải là của riêng của bọn cộng sản. Muốn trở về quê hương không có nghĩa là bằng lòng sống dưới chế độ cộng sản. Thầy tôi là người thù ghét cộng sản nhất trước mắt tôi, ông thù ghét họ ngay từ năm 1945 khi Việt Minh mới về Hà Nội, khi tôi mới còn là một anh thiếu nhi cứng cứng chưa biết đời là gì. Ông đưa anh em tôi vào Nam và giấc mộng duy nhất của ông là có một ngày về

quê sống những ngày cuối cùng và chết ở quê tôi.

Tôi có số sống xa cha mẹ. Thuở nhỏ, ngày còn dại dột, tôi xung khắc với thầy tôi. Hai cha con không nói với nhau êm ả được hết một câu chuyện. Hai cha con xa nhau như hai cực của một đường thẳng. Nhưng cũng như hai cực của một đường thẳng hai cha con tôi lại rất gần nhau. Khi tôi đã có vợ con, tôi cảm thông cuộc sống của thầy tôi và cha con tôi trở thành rất thân nhau, rất thương và rất thông cảm nhau. Không còn gì sung sướng cho một người con bằng chuyện tìm thấy ở người sinh ra mình một người bạn chí tình, một người bạn thân theo nghĩa bằng hữu sống chết vì nhau của quân tử Tàu. Thầy tôi bao dung, rộng lượng, hy sinh hết cho các con, bao giờ cũng để quyền lợi và hạnh phúc của các con lên trên hết, trên cả quyền lợi và hạnh phúc của chính mình. Không bao giờ thầy tôi phiền trách chúng tôi một điều gì, dù cho anh em tôi có can cái tội thường tình nhưng khốn nạn là trưởng thành, làm được tiền, chỉ biết lo cho thân xác, lo cho vợ con mà bỏ quên bố mẹ.

Sung sướng nhất có lẽ là tôi. Khi đã trưởng thành, đã có vợ, có con rồi, tôi vẫn còn được thầy tôi coi như hầy còn thơ dại. Tuy ở riêng, mỗi lần nghe tôi đau ốm, thầy tôi đi hai ba đường xe buýt, tới nhà tôi, hỏi han, săn sóc đưa tôi đi bác sĩ. Và tới bệnh viện, thầy tôi vẫn kể bệnh tôi với bác sĩ y như ngày tôi còn bé chưa biết diễn tả bệnh trạng của tôi. Thì ra với một người cha yêu thương con, dù đứa con có lớn đến chừng nào, lớn cả về tuổi tác lẫn địa vị trong xã hội, nó vẫn là đứa trẻ thơ cần che chở.

Những gì thầy mẹ tôi đã làm cho tôi, bao nhiêu yêu thương tôi đã được hưởng, tôi muốn đem cho lại các con tôi. Tôi muốn yêu thương các con tôi như tôi đã được thầy mẹ tôi yêu thương vậy. Tôi muốn cái tình yêu ấy cứ di truyền mãi. nếu không được nhiều hơn, ít nhất cũng phải bằng. Tôi muốn tôi là một người bạn của các con tôi, một người bạn mà chúng có thể tin cậy, một người bạn mà chúng chỉ có

thể có nhiều lắm là hai người trong suốt một đời.

Bây giờ... có những buổi chiều buồn, tôi ở một mình và tỉnh dậy sau giấc ngủ trưa, tôi bàng hoàng muốn về nhà thăm thầy tôi, như ngày ông còn sống, tôi vẫn làm vậy mỗi lần tôi cảm thấy cô đơn và cần an ủi. Tôi tưởng như thầy tôi vẫn còn đó và tôi chỉ cần phóng xe qua một chặng đường là lại được thấy ông, được cầm bàn tay có những ngón dài của ông, được nhìn nụ cười hiền lành và tự tin của ông và để thấy tâm hồn tôi bình yên trở lại.

Nhưng cũng như Chúa không thể ở mãi với môn đệ, cha mẹ cũng không thể sống mãi với các con. Thầy tôi đã đi vào cõi không cùng, nơi con người từ đó vào đời, sống yêu thương đau đớn, sung sướng và để rồi lại trở về... Giấc mơ cuối của thầy tôi là được trở về nằm trong lòng cánh đồng làng Bụi, tôi đã định có một ngày nào đó mai sau, tôi sẽ đem nắm xương tàn của thầy tôi về mai táng ở quê hương, trong khi chờ đợi ngày mai đó, một ngày mai tươi sáng của dân tộc, tôi tin rằng ít nhất cũng tươi sáng hơn ngày hôm nay, tôi làm những giấc mơ trở về quê hương...

Người nghệ sĩ có thể nghèo hơn người đời về tiền bạc nhưng nhất định không nghèo về tưởng tượng và khả năng mơ mộng, như tôi mơ mộng hôm nay.



Bây giờ là Mùa Xuân, ngoài trời có mưa bụi, một thứ mưa mà chỉ có mùa Xuân ở miền Bắc mới có. Mưa bụi bay bay làm những mái nhà thành phố trắng xóa như có sương mù. Hai vợ chồng tôi dắt ba đứa con đi trong những đường phố mưa bay trắng trắng đó của Hà Nội. Khí trời này được coi là dịu mát, ấm áp với những người vừa chịu đựng một mùa đông giá rét cắt da, cắt thịt của miền Bắc, nhưng đối với những người Việt chào đời ở miền Nam chỉ có hai mùa mưa nắng và sống từ ngày chào đời ở miền Nam như vợ con tôi, thời tiết này có thể là lạnh:

- Có lạnh không em? Lạnh không các con?
- Không, em thấy dễ chịu...
- Đã lạnh gì, bố...

Ba con tôi sinh trưởng ở Saigon nhưng chúng chịu được lạnh, dễ quen với cái lạnh của miền Bắc vì bố mẹ, ông bà là người Bắc. Vợ tôi sinh trưởng ở Nam nhưng ông bà nhạc tôi cũng là người Bắc. Bốn mươi năm về trước, ông cụ bà cụ di cư vào trong Nam lập nghiệp và sanh vợ tôi ở trong, năm lên 6 tuổi, Alice được theo mẹ về thăm quê một lần nhưng năm đó nàng còn nhỏ quá. Nhắc lại chuyện về quê này tôi vẫn nói đùa nàng. Năm đó em còn mặc quần thụng đít, em đã biết cái quái gì..? Mà quả thực nàng chẳng nhớ gì về miền Bắc và quê nội, quê ngoại nàng sau chuyến về thăm đó hết.

Thời dậy thì của nàng xảy ra vào khoảng những năm 1946,1947, nàng đi theo kháng chiến từ Saigon lên Đà Lạt, ra Phan Rang vào một mật khu nằm trong dãy Trường Sơn có cái tên là Bà Bèo, Đá Trắng. Nàng kể lại ở đó toàn núi cát không trồng trọt gì được thiếu cả nước uống, chỉ ăn với muối trắng và chỉ có nhiều rết. Trong thời gian ấy, tôi say mê dự các cuộc biểu tình ủng hộ cuộc kháng chiến của đồng bào Nam Bộ tổ chức ở Hà Nội và say mê ước mơ làm cuộc Nam Tiến. Rồi tôi theo kháng chiến ra khỏi thành phố Hà Nội thơ mộng, tôi lên Việt Bắc sống những ngày kham khổ, thiếu thốn nhưng đẹp vô vàn.

Những năm sau đó mỗi khi hồi tưởng tôi như vẫn còn trông thấy tôi, chàng thiếu niên Hà Nội ngày nào ba-lô trên vai tình yêu tràn trề trái tim đi vui trên con đường vào Thái Nguyên cửa ngõ của Việt Bắc. Buổi sáng đầu tiên tôi đi vào Việt Bắc đó là một sáng cuối xuân đầu hạ, trời Thái Nguyên trong, xanh cao và đẹp đến nỗi tôi vừa leo ụ vừa mãi ghéch mắt lên nhìn trời hụt chân té xuống hố, các đồng chí anh phải thò gậy xuống cho tôi nắm kéo lên tôi mới lên được mặt đường. Cái sa hố đó làm tôi trầy hai đầu gối và rách mất cái quần nâu mới

tin.

Rồi định mệnh của cả dân tộc chúng lạ đau thương đưa đẩy, dàn xếp cho vợ chồng tôi gặp nhau ở Sài Gòn. Đó là năm 1954. Ngày ấy Hà Nội đã treo cờ đỏ, tôi không có điều kiện để đưa Alice về thăm Hà Nội cùng với tôi như tôi muốn. Thật ra ngày đó nếu chúng tôi thực sự muốn về Hà Nội nhất là nếu tiên đoán biết rằng cuộc chia xẻ sẽ kéo dài tới hai mươi năm chúng tôi đã cùng nhau về thăm Hà Nội. Về thăm rồi lại vào Nam, vì ngày đó Hải Phòng vẫn còn chưa mất. Năm đó chỉ có một mình tôi về thăm Hà Nội.

Thế rồi trong suốt hai mươi năm dài kể từ 1954 từ ngày chúng tôi gặp nhau, chúng tôi yêu nhau, tôi vẫn mang một giấc mơ : một ngày nào đó mang vợ con tôi trở về thăm Hà Nội, nơi tôi đã sống những ngày niên thiếu, về thăm Hà Đông, thành phố nhỏ bé, hiền lành, tĩnh mịch ven dòng Nhuệ Giang nơi tôi đã sống những ngày thơ ấu. Tôi vẫn mơ một ngày đưa các con tôi về thăm quê nội, quê ngoại chúng. Cũng như không biết bao nhiêu là đứa trẻ ra đời từ những cặp vợ chồng Bắc Việt di cư, các con tôi không biết thế nào là quê nội, quê ngoại, không có quê nội, quê ngoại.

Tôi vẫn mơ được nói với những người tôi yêu thương những lời : « Đây là con đường năm xưa anh đã đi . Đây là ngôi trường cũ năm xưa anh đã học » – « Đây là nhà ông nội, bà nội. Bố ra đời trong căn nhà này. Năm bố còn nhỏ, chỗ này ông nội trồng cây ổi Tàu. Trái ngon lắm mùa hè là mùa ổi, bố cả ngày ở trên cây. Ổi muốn cho ngon thì không được trèo leo nhiều, ông nội cấm bố không được trèo cây nhưng bố cứ trèo kịch liệt. Chỉ lúc nào ông ở nhà, bố mới ngán chút xíu mà thôi... »

Nhưng chiến tranh kéo dài, kéo dài, kéo dài. Vẫn biết là không có gì có thể dài lâu được mãi mãi nhưng nếu chẳng may có một cái gì đó kéo dài quá dự tính và ước muốn của chúng ta, ngược lại sự ước mơ của ta, ta thất vọng và cho rằng tình trạng đó cứ như thế mãi

không bao giờ ngưng hết, không bao giờ thay đổi. Như kẻ lâm vào cảnh khổ kéo dài quá lâu nghĩ và tin rằng đời mình sẽ không còn bao giờ được sung sướng tôi đã, trong những năm cuối của chiến tranh, nghĩ rằng tôi sẽ chẳng bao giờ thực hiện được giấc mộng rất thường : đưa vợ con về thăm Hà Nội.

Nhưng chiến tranh, như cuộc đời, như những công trình, như thù hận, những uy quyền, những danh vọng, những sản nghiệp ở cõi đời này không thể nào tồn tại được mãi. Chiến tranh cũng như tất cả mọi thứ, đều có ngày phải tàn... Buổi sáng mùa xuân này, sau bao nhiêu trận chém giết nhau, sau không biết là bao nhiêu viên đạn bay ra khỏi nòng súng, bao nhiêu là mảnh sắt thép ghim vào da thịt đồng bào tôi, sau không biết bao nhiêu là giọt máu hồng và từng ấy giọt nước mắt rỏ xuống mặt đất quê hương tôi, chiến tranh đã chấm dứt. Mùa xuân này, tôi trở về đây cùng với vợ con tôi, tôi đang đi trong lòng Hà Nội mưa bụi, tôi đang đi trên phố Hàng Đào, Hàng Ngang, sau lưng tôi là chợ Đồng Xuân và trước mặt tôi là Hồ Hoàn Kiếm.

– Đây là sông hay là cái gì mà nhiều nước vậy bố?

– Những cái cây này lạ quá hả bố ? Lá nó nhỏ mà nó cứ rủ xuống nước này bố.

– Ngoài kia có cái chùa, phải không bố ?

– Đẹp quá, mình ơi...

– Bố đỡ vui để học các con một câu rồi bố kể một chuyện cổ tích về cái hồ này cho các con nghe nhé ... Lịch sử nước ta có ông vua nào nổi tiếng họ Lê? Các con nhớ không nào ?

– Dễ ợt, bố. Vua Lê Lợi khởi nghĩa ở Lam Sơn, đánh đuổi quân Tàu giành lại quyền độc lập, lập lên nhà Hậu Lê.

– Khi thắng trận rồi, Vua Lê đóng đô ở đâu nào ?

– Vua Lê đóng đô ở thành Thăng Long.

– Đúng. Kiều Giang được 5 điểm. Thế các con có biết thành Thăng Long bây giờ ở đâu không?

–?

– Các con đang đứng trên thành Thăng Long đó. Ngày xưa, sau khi đã chiến thắng, Vua Lê đóng đô ở đây. Trước đó, khi mới khởi nghĩa, Vua được Thần dâng một cây kiếm báu...

– Con nhớ chuyện đó rồi. Con có học chuyện đó ở trường. Vua được Thần cho thanh kiếm báu để dẹp giặc. Sau đó khi đã làm vua, một hôm vua đi thuyền chơi trên hồ, thấy một con rùa lớn nổi lên bên thuyền. Vua cầm cây kiếm đó đuổi nó thì nó ngoạm lấy mà lặn đi mất. Vua nhớ lại việc cũ và biết rằng vị Thần ngày xưa sai rùa tới lấy lại cây kiếm nên đặt tên hồ là Hồ Hoàn Kiếm. Phải vậy không bố ?

– Con kể đúng. Hoàn Kiếm là hồ này. Ở giữa hồ kia là cái Tháp. Nó có hai tên gọi, một là Tháp Rùa, hai là Tháp Bút vì nó trông như cái bút. Giống cái bút lông ngày xưa kia chứ không phải giống bút máy bây giờ đâu. Còn kia mới là chùa... ấy không phải chùa, bố cũng quên, kia là đền. Đền Ngọc Sơn. Cái cầu đó là cầu Thê Húc. Bố có cái hình chụp hồi bố còn nhỏ đứng trên cái cầu. Cái hình bố đội mũ nồi mà các con vẫn coi và chê trông bố cù lần đó...Đi vòng quanh hồ lại đó đi các con...Năm bố chụp cái hình mà các con chê là cù lần đó, bố hãy còn đi học. Bà nội mua cho bố cái xe đạp đầm, đáng lẽ phải đi học thì bố cho cặp lên xe, đạp xe đi chơi, đi coi xi-nê, đi ra đây ngồi câu cá...

– Bố ngồi câu ở chỗ nào hả bố ?

– Ở mấy gốc cây... Những gốc cây đó... Mùa đông trời rét không có ai ra đây câu nhưng mùa hè hay mùa thu thì nhiều người câu lắm.

– Bố có câu được nhiều cá không bố?

– Ít lắm ! Câu nghịch mà con... có giật được thì cũng là mấy con tép...

– Cây này phải cây liễu không, bố ?

– Liễu đây. Người ta thường nói liễu rũ. Các con có thấy lá nó cứ rũ xuống không ?

- Bố coi này... hai tay áo len của con trông đẹp không ?
- Áo con cũng có này...
- Áo ai cũng có hết... Mưa bụi nó như thế đó. Mưa bụi đọng nước lại trên áo, mưa không đủ làm mình ướt áo, nó chỉ đọng lại được những hạt trắng trắng...
- Áo nhung của mẹ đẹp nhất. Hai tay áo mẹ có kim cương nè, bao nhiêu là kim cương...
- Cái này mà là kim cương hả ?
- Ấy...em đừng xoa đi. Để cho đẹp... Chẳng là kim cương thì là gì? Nó còn quý hơn kim cương nữa...ở Saigon. Em có tiền, em có thể mua được kim cương nhưng có bao nhiêu tiền em cũng chẳng thể mua được những hạt mưa này ở Saigon để trang điểm áo nhung của em..
- Bố con nhà may văn sĩ có khác. Con gái mới một tí tuổi đã văn hoa rồi...
- Con tập nói văn hoa quen đề lớn lên, con viết tiểu thuyết nổi nghiệp bố chứ mẹ ?
- Bố mẹ các con tôi nhìn nhau. Tôi thấy Alice mỉm cười và tôi mỉm cười. Tôi nhìn thấy tôi cười trong đôi mắt của nàng. Những người yêu nhau có thể nói với nhau bằng mắt. Chúng tôi yêu nhau nên chúng tôi nói bằng mắt với nhau.,.
- Anh yêu em... Anh vẫn nói với em là anh muốn có một ngày đưa em về đây, đưa em tới những nơi ngày xưa anh đã sống. Cuộc đời chúng mình quá đẹp. Không ngờ bây giờ giấc mơ của anh thành sự thực. Anh đang đứng với em ở giữa lòng Hà Nội, ở bên Hồ Hoàn Kiếm. Em có thích không em. Em có sung sướng không em ? Chúng ta yêu nhau hai mươi năm rồi... Hai mươi năm... Hai mươi năm...
- «Hai mươi năm ? Hai mươi năm con số ấy đối với chúng ta, như là một cái gì không có nghĩa. Em thấy không? Vì chúng ta yêu nhau. Anh vẫn yêu em như ngày đầu chúng ta gặp nhau, như ngày đầu

chúng ta yêu nhau. Tình Yêu còn nguyên vẹn đó, như là chúng là mới yêu nhau từ ngày hôm qua... Vậy thì làm gì có hai mươi năm đã trôi qua từ ngày chúng ta yêu nhau ? Không. Anh nói thế không rõ, nói thế không được. Không có hai mươi năm đi qua tình yêu của chúng ta nhưng thực sự đã có hai mươi năm đi qua cuộc đời của chúng ta. Bằng cứ sờ mó được là bên chúng ta đã có thêm những ba đứa trẻ con. Em cũng đã già đi nhiều.

Em, có trẻ lâu và trẻ hơn nhiều người đàn bà khác nhưng em cũng có già đi. Vì mỗi sáng khi trở dậy, mỗi buổi tối khi nhắm mắt ngủ, anh nhìn gần nét mặt em – anh nhìn thấy em cả những lúc chúng ta xa nhau, anh thấy em cả trong khi anh ngủ – nên anh không thấy em già đi bao nhiêu, nhưng quả thực là chúng ta có già đi trong khi tình yêu của chúng ta vẫn còn trẻ mãi. Anh tin rằng không phải chỉ riêng tình yêu của chúng ta mới có hiện tượng ấy. Tình yêu của tất cả mọi người cũng thế, cũng trẻ mãi không già. Bản chất của Tình yêu là như thế. Tình yêu vì thế trở nên vô cùng cao quý.

Tất cả những cái gì sống đều phải chết. Riêng TÌNH YÊU thì không. Tình yêu chỉ mỗi ngày một lớn mạnh, một giàu nhiều hơn. Tình yêu không hao mòn theo thời gian. Kỳ diệu không em. Nhưng đó là sự thật. Anh và em đã thực nghiệm thấy Tình Yêu như thế với chính Tình Yêu của chúng ta. Tuổi trẻ của Tình Yêu hai ta vẫn còn nguyên đó nhưng tại sao Tuổi Trẻ của chính chúng ta lại không còn mãi ? Tại sao anh và em lại già ? Tại sao ? Tại sao ? Em có biết không, em?

- Tên họ ông nội là gì nào, Hải Triều.
- Con biết...
- Con lớn thì tự nhiên con phải biết, phải nhớ rồi. Để em Triều nó nói trước đã. Em nói sai thì con nói...
- Ông nội tên là Dương Hoàng Giản
- Quê nội con ở đâu ?

– Ở làng Linh Quy, tổng Kim Sơn, Phủ Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh...
– Quê ngoại con ở làng Tám, tức là làng Hành Thiện, tỉnh Hà Đông.

– Đúng rồi. Thế quê ngoại con là quê ai nào ?

– Quê ngoại con là quê... bà nội...

– Không phải rồi... Không được cười em. . Em còn nhỏ, em nó nhớ thế là giỏi rồi. Ngày hai con bằng tuổi em, chưa chắc hai con đã nhớ được bằng nó. Quê ngoại của bố mới là quê bà nội chứ...

– Quê ngoại của con là quê... của mẹ...

– Đúng rồi. Có gì rắc rối đâu. Này nhé... ông nội con là người làng Linh Quy, tục gọi là làng Vui. Có khi còn gọi là làng Bụi, ở ven sông Đuống. Ông nội là cụ Dương Hoàng Giản, làm Thông Phán Tòa Tổng Đốc Hà Đông. Bà nội các con là bà Nghiêm Thị Lượng, con gái của Đốc Phủ Nghiêm Duy Ninh, ở làng Hòa Xá, phủ Vân Đình, tỉnh Hà Đông. Bố ra đời ở thành phố này.

Trước kia ông nội làm nhà ở đây, nhà hai tầng có vườn cây. Đẹp và rộng lắm. Đến 1946, đánh nhau với Pháp nhà ông nội bị phá đi. Phá sạch bao nhiêu đồ cổ của ông nội chôn ngoài vườn này, bố còn nhớ đúng là chôn chỗ gốc cây nhãn kia kìa. Hôm anh xe đào hố để chôn, bố có đứng coi. Ông nội xưa có mua nhiều đồ cổ lắm. Ông nội thích chơi lan và đồ cổ.

– Đồ cổ là gì hả bố ?

– Là những bát đĩa, lọ cổ làm từ ngày xưa ngày xưa ở bên Tàu. Đồ cổ càng lâu đời càng quý càng đắt tiền... Họ Dương nhà ta ở làng Bụi, bét lắm. Nghĩa là kém lắm, chẳng có ai nổi tiếng, trừ bác Dương Đức Hiền là có chút ít tiếng tăm. Bác Dương Đức Hiền là anh của bố. Các con phải gọi bằng bác. Các con nguyên là họ Dương. Họ Hoàng của bố và các con chỉ là họ rơm. Tức là họ giả. Để rồi bố sẽ làm lại tất cả khai sanh cho các con.

– Tại sao bố đang là họ Dương là thành họ Hoàng hả bố ?

– Năm 1954... năm ấy nước mình mới chia đôi, bố mẹ chưa đẻ các con, bố từ Saigon về chơi Hà Nội. Bố về chơi một mình không có mẹ các con đi theo. Khi trở vào Saigon, bố cùng đi với người di cư thấy được khai lại giấy, bố nghịch chơi mới bỏ thẻ cũ đi lấy thẻ mới toanh với cái tên mới. Không ngờ về sau bố cứ phải giữ mãi cái thẻ giả đó và cái họ Hoàng...

– Ngày đó bố đổi tên, ông nội có mắng bố không ?

– Không, ông nội cưng bố lắm. Bà nội cũng cưng bố nữa. Cũng như bây giờ bố mẹ cưng các con vậy. Mai sau khi các con lớn khôn các con có con, các con cũng cưng con các con như thế. Các con của các con rồi chúng nó cũng sẽ có con, chúng nó cũng sẽ lại cưng chiều, yêu con chúng nó như thế. Cứ thế mãi, không hao giờ họ Dương của chúng mình hết tình yêu cả..

–

-... Ngày xưa, ông nội thích chơi đồ cổ nhưng cũng có thú bắn chim bằng súng săn. Bố thường đi theo ông nội đi bắn. Đi xa thì đi xe nhà. Không phải xe ô-tô đâu. Xe nhà của ông nội ngày xưa là xe kéo. Xe tay do người kéo, các con không biết xe kéo vì ngày các con ra đời, nước mình đã hết xe kéo rồi. Xe tay do người kéo như ở bên Hồng Kông hãy còn đó... Ông nội ngày xưa cũng có xe kéo như thế nhưng mua riêng thì gọi là xe nhà. Thỉnh thoảng ông nội đi bộ chơi ở cánh đồng ngoài kia. Nếu nhà mình mà còn, bố sẽ đưa các con lên ban công trên kia, nhìn ra cánh đồng có con đường bố vẫn đi theo ông nội ngày bố còn nhỏ, nhỏ như Triều bây giờ vậy... Năm nhà ta bị phá người ta lúc đó gọi là tiêu thổ, bố mới có mười lăm tuổi



Thầy ơi. Thưa... Thưa... Thầy... Trên con đường đất quê xưa này, hai mươi năm năm về trước, thầy đã nhiều lần dắt con đi chơi. Những buổi chiều xuân xưa trời cũng mưa bụi lất phất bay và cũng đẹp như buổi chiều xuân hôm nay. Hôm nay, hơn hai mươi năm sau

ngày thầy đi trên con đường này, con một mình trở lại đây, chân con lại bước trên những vết chân xưa cũ của Thầy như chân con năm xưa đã bước. Chiều nay con cho các cháu ở nhà. Vì con muốn một mình con đi lại con đường này với thầy. Buổi chiều này là của riêng hai cha con ta. Dù các cháu có là máu huyết của thầy con cũng không muốn có chúng nó đi theo thầy. Chỉ có mình con được đi theo thầy chiều nay trên con đường quê đất đỏ mịn này thôi.

Vì chiều nay con muốn, con vẫn là đứa con nhỏ được thầy mẹ nuông chiều hơn hai mươi năm về trước. Thầy ạ, có lần con nghe thầy nói: với cha mẹ yêu thương con, đứa con dù 30 tuổi vẫn còn nhỏ dại như ngày nó lên mười tuổi, đúng quá hả thầy ? Con nhớ khi thầy còn, năm con đã ba mươi năm tuổi, con đã sinh thằng Triều rồi, con bị đau thầy vẫn đưa con đi bác sĩ Mậu. Tới bệnh viện thầy vẫn kể bệnh con với bác sĩ y hết ngày con nhỏ dại. Nhưng, thưa thầy, ở đời cũng có những đứa con mặc dầu đã ba bốn mươi tuổi nhưng đối với bố mẹ vẫn còn muốn là đứa con nhỏ bé được nuông chiều như ngày nó còn bé. Con là một đứa con như thế. Vì vậy chiều nay con mới muốn được một mình đi theo thầy trên con đường này.

Hơn hai mươi năm năm đã qua, cả ngàn buổi chiều xuân đã tắt trên cánh đồng này, cả ngàn triệu hạt mưa xuân đã rơi trên những luống cày này, người ta và năm tháng đã làm cho cảnh vật ở đây thay đổi đi khá nhiều nhưng con vẫn còn tìm được nhiều điểm giống với cánh đồng làng Đơ và con đường mà ngày xưa cha con ta đã đi. Đi tới đoạn đường này ta nhìn thấy Chợ Đơ. Chỗ này ngày đó có một cái nhà gạch dùng làm nơi chứa xương bò, xương trâu để làm phân bón. Thầy có nhớ không ạ ? Đây là cái chuôm năm xưa con lên ra tắm bị thầy biết ra tóm cổ về đét cho mấy cái roi mây đau quắn đít... Mộ của mẹ già con trước kia để ở khúc này...

Con không còn thấy ngôi mộ xưa nữa. Người ta đã mang tất cả những quan quách ở đây đi nơi khác, nói là để dành đất sản xuất.

Bây giờ cánh đồng phẳng lì những bờ ruộng ngoằn ngoèo chia cánh đồng thành từng ô như bàn cờ không còn nữa. Thầy chắc không thích cảnh đồng đều này. Từ những ngày đầu khi lá cờ đỏ xuất hiện, thầy đã không ưa họ. Ngày đó con mới lớn con bị mê hoặc vì những danh từ đẹp: độc lập, yêu nước, chống xâm lăng, kháng chiến.. Con đã bất mãn vì thái độ của thầy. Ngày đó con nghĩ rằng thầy lạc hậu hủ hóa, phản động nữa., và có một chuyện con làm thời đó mà thầy không hề biết «không hề ngờ».

Đó là việc cán bộ ở thị xã đưa con vào một tổ chức có cái tên đẹp là Tình Báo nhưng thực sự là làm việc mật thám, một bọn mật thám trẻ con rình rập những cử chỉ, những lời nói của bố mẹ để đem tới báo cáo trong những cuộc hội họp. Con và một số các bạn con đều là những thiếu niên mười lăm, mười sáu tuổi, bọn con còn biết ai khác, ngoài bố mẹ để dò xét. Họ tổ chức bọn con thành mật thám cũng chỉ là để bọn con cho họ biết những hành động, ý nghĩ của người trong gia đình bọn con thôi. Con đã nghe lén những cuộc nói chuyện của thầy với các ông bạn thầy để đem lại kể cho họ nghe. May sao chiến tranh tới làm cho cái tổ chức ma bùn đó tan đi. Nếu không con sợ việc làm đại dột, ngu si của con hồi đó đã có hậu quả xấu. Bây giờ mỗi khi nghe nói đến chuyện họ tổ chức cho con cái theo dõi cha mẹ, con đấu tố cha mẹ công khai, con tin ngay chuyện đó có. Trẻ con ngu dại không biết gì, cha mẹ vẫn yêu thương con dù con có ngu dại, cố làm hại mình, nhưng cha mẹ vẫn đau đớn khi nhìn thấy mình mất con chứ. Nói dại như bây giờ bọn thằng Nguyễn, thằng Triều chúng nó không yêu con, không tin con là cha chúng nó bằng tin bọn cán bộ – bất cứ là cán bộ nào – con không biết là con sẽ đau đớn đến là chừng nào.

Con đường này chiều xuân xưa cha con ta đã đi... Năm ấy con mười hai mười hai, mười ba tuổi, con bằng thằng Nguyễn bây giờ. Con còn nhớ lắm. Mùa xuân cánh đồng làng Đơ hai bên đường trồng

toàn rau, đậu. Những cành lá xanh nõn vùng trời không hạt bụi. Đang đi thầy bỗng hỏi con mai lớn lên con làm gì ? Ý thầy muốn con trả lời con muốn mai sau làm tri phủ, tri huyện, làm Tổng Đốc như ông Hồ Đắc Điền hoặc làm bác sĩ, kỹ sư. Nếu con trả lời như thế chắc thầy vui lắm. Nhưng con lại phăng phăng nói rằng mai sau con muốn làm nhạc sĩ. Kể thì cũng lạ, sinh trưởng trong một gia đình công chức khuôn phép, con lại nảy ra ước muốn làm nghệ sĩ.

Ông ngoại con hay chữ, làm thơ hay, mẹ con cũng thích thơ phú, chắc con chịu ảnh hưởng bên ngoại. Con thấy quê ta, làng Bụi, làng nhỏ, ruộng nghèo ao tù, nước giếng không lấy gì làm trong lắm, đa số con gái làng mắt toét, chẳng có gì đẹp để có thể sanh ra nghệ sĩ. Nếu có, chỉ là thứ nghệ sĩ dở hơi, tài ít, nghệ sĩ làng bụi như con nếu phải sống một cuộc đời nghệ sĩ bụi bặm, vất vả, đói rách, là đúng quá rồi còn gì. Chắc thầy cho ý muốn đó của con là một ý muốn con nít, chưa chín mùi, nên thầy dịu dàng bảo con nghề đàn hát không nuôi nổi người, đàn hát không phải là một nghề, đó chỉ là một thú vui chơi, con cần phải chịu khó học, thi đỗ, đi làm lấy tiền nuôi thân và vợ con. Con có thể chơi đàn nhưng không thể kiếm tiền với đàn hát.

Quan niệm của thầy về nghệ sĩ và nghề nghiệp đúng với thời đó, nó không đúng với thời con trưởng thành. Nhưng chiều nay, cha con ta đi trở lại con đường năm xưa không phải là để xác định lại quan niệm của ta về nghề nghệ sĩ.

Thầy muốn con làm công chức nhưng con đã không làm được công chức rồi. Con muốn trở thành nhạc sĩ nhưng con đã không thành nhạc sĩ... Cuộc đời con đã được an bài. Chiến tranh đã tới trên quê hương ta hơn hai mươi năm. Con đã tham dự cuộc chiến tranh đó ở cả hai phía và con đã sống sót. Thầy chỉ mong được sống những ngày cuối ở quê ta và thầy đã phải nằm lại bên những người xa lạ trong một nghĩa trang lạ gần thành phố Saigon. Con không thể mang tất cả hài cốt của thầy về quê ta như thầy muốn, như con

muốn... Con đành làm như thế này vậy ...

Ngày mai con sẽ cho vợ con các cháu trở về làng Bụi. Trong hành trang con có một cái bọc gói kỹ. Trong bọc đó là khăn áo của thầy, có cả đôi giày tây thầy vẫn đi và cái đồng hồ quả quýt của thầy nữa. Ngày mai con sẽ đem chôn khăn áo của thầy ở cánh đồng làng, bên cạnh mộ ông con. Con sẽ thắp hương và con sẽ khóc. Con tin rằng thầy sẽ bằng lòng dù bây giờ âm dương cách trở, thầy không thể cho con biết là con phải làm gì. Thầy suốt đời sống không bao giờ đòi hỏi gì cho bản thân, không cả những đòi hỏi hợp lý như là đời chúng con phải yêu thương, vẫn khuyên chúng con không nên đòi hỏi nhiều trong khi đất nước chiến tranh. Thầy vẫn khuyên con nên sống thanh đạm và hài lòng, vui vẻ với những cái gì mình có. Rất có thể là thầy đã về quê ta từ lâu rồi, nhưng con vẫn đem khăn áo và hơi hương của thầy về chôn trong lòng đất quê hương. Cũng có thể là con làm việc đó cho lòng con êm ả nhiều hơn là lòng thầy êm ả.



Em yêu, hai mươi năm năm rồi anh mới lại được nằm ngủ trong lòng Hà Nội, trong một căn nhà Hà Nội. Đêm vẫn có trăng sao và đêm vẫn không có mặt trời, đêm vẫn yên lặng và đêm vẫn hiếu hòa. Loài người chiến tranh nhưng trời đất đêm ngày không có chiến tranh. Dù chúng ta tàn ác chém giết nhau trong hai mươi năm qua, đêm vẫn tới và ngày mai mặt trời vẫn trở lại. Và đêm tới em vẫn ngủ, các con chúng ta vẫn ngủ. Chỉ mình anh thao thức. Anh không ngủ được vì anh đang sung sướng chứ không phải vì anh lo sợ hay đau đớn. Vì anh đã phải xa Hà Nội trong bao nhiêu năm, đêm này anh muốn thức sáng đêm Hà Nội.

Ngày anh đi khỏi Hà Nội, anh đi có một mình. Bây giờ trở về, anh mang theo em và các con. Anh trở về giàu có quá. Anh không mang tiền bạc về cho quê hương, anh mang về cho quê hương những ba công dân mà anh hy vọng, mà anh tin rằng sẽ là những người công

dân tốt.

Con của bố, các con của bố... Mai sau các con đừng làm gì hại cho quê hương nhé. Nếu các con chẳng làm được gì lợi cho quê hương, thì cũng chẳng sao, chỉ cần các con đừng làm hại. Quê hương vẫn yêu thương các con như bố mẹ yêu thương các con, quê hương không đòi hỏi các con phải làm lợi cho quê hương cũng như bố mẹ không bao giờ đòi các con phải phụng dưỡng. Chỉ cần các con đừng làm hại quê hương, đừng chối bỏ quê hương để nhìn nhận và phụng sự một quê hương khác. Các con hãy cố tưởng tượng xem nếu mai sau các con trưởng thành, các con có những đứa con kháu khỉnh, thông minh mà các con hết lòng yêu mến, nếu chúng chối bỏ các con để nhận người khác làm bố mẹ, nếu chúng chỉ mặt các con, chửi mắng các con, các con sẽ đau đớn biết là chừng nào. Quê hương cũng đau đớn như thế nếu các con làm như thế.

Nhưng bố lắm cảm mất rồi, bố quá lo xa phải không Triều, Nguyên, Giang ? Các con nhớ nhé: tên các con đều có «nước» ở bên trong. Viết tên chúng ta thành chữ Hán, mỗi tên đều có mang chấm «thủy». Ông nội là suối, bố là biển. Nguyên là nguồn, Giang là sông, Triều là sóng, mẹ con là nước. Bố là biển, nếu bố không có mẹ đời bố sẽ khô khan như biển không có nước, mà cũng chỉ có biển mới có thể chứa hết nước của trời đất. Chỉ có tình yêu của bố mới có thể đủ cho tình yêu của mẹ các con. Bố tin rằng các con sống được nhờ có nước, các con sẽ chẳng bao giờ quên nước, còn chuyện các con sẽ làm gì cho nước, đó là chuyện mai sau của riêng các con.

Em yêu, đêm nay nhìn các con say ngủ, anh đã hiểu tại sao tuổi trẻ của tình yêu lại không bao giờ mất, mà tuổi trẻ của chính đôi ta thì mất. Anh đã hiểu, vì anh đã thấy ... Tuổi trẻ của chúng ta đi đâu? Em đã thấy chưa ? Em hãy nhìn con chúng ta... Tuổi trẻ của đôi ta đấy...



Em và các con yêu dấu,

«Anh viết truyện này với tất cả tình yêu của anh, tình yêu Hà Đông những-ngày-anh-mới-lớn, cũng như sau này anh sẽ viết về em, về các con, về tình yêu của anh với em, về tình yêu của anh với các con. Nếu trên đời này có một người nào yêu mến thành phố cũ của mình đến độ làm ngạc nhiên người khác, anh cũng yêu Hà Đông như thế. Nếu em thấy một người chồng nào yêu vợ, nếu các con thấy một người bố nào yêu con đến cái độ làm cho em, cho các con ngạc nhiên, em và các con có quyền nghĩ rằng em đã được yêu, các con đã được yêu, như thế».

Sàigòn, 1967

Hoàng Hải Thủy

HOÀNG HAI THUY

Bây Giờ Tháng Mấy

